

1 THÁNG 5 NĂM 1966

BACH KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm thứ mười

DUY MỘT CHÍNH SÁCH THUẾ KHÓA VŨ BẢO
De Gaulle nước Pháp và O.T.A.N * **NGUYỄN VĂN**
TRUNG *đặt lại vấn đề văn minh với Lévi-Strauss* * **ĐÀO**
QUANG HUY *những biến chuyển sâu đậm trong chính*
tình Nga Xô * **THỂ UYÊN** *tiền đồn* * **HỒ TRƯỜNG**
AN *buổi tối êm đềm* * **LÝ CHÁNH TRUNG** — **NGUYỄN**
VĂN TRUNG **TÂM CA CỦA PHẠM DUY** * **VŨ HẠNH**
chuyện một giáo sư già * **SINH HOẠT** *thời sự văn*
nghệ — những chiều thứ năm của Đại học Văn khoa —
trách nhiệm nhà văn — nhà
văn Chu Tử bị ám sát — nỗi
cô đơn của người cầm bút.

224



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 - 36.626

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES**



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann - Paris (8è)
Số vốn sung dụng tại Việt Nam : VN\$. 50.000.000
Dự-trữ đặc-biệt tại V.N. : VN\$. 50.000.000

SỐ THƯƠNG MÃI SAIGON : 157B
Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001
C. C. P. SAIGON N° 27 - 04

TRỤ SỞ :

29, Bến Chương-Dương — SAIGON
Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018
Điện-tín : FRANCIBANK

CHI NHÁNH :

Hành lang EDEN — SAIGON
Điện-thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime



SERVICE

DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- American Express
- United States Line

23, Ngô-Đức-Kế — Tél. 22.008 - 22.618

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

Siège Social : 74, Rue St-Lazare — PARIS

| | | | |
|-------------|------------|----------|--|
| VIÊT NAM | SAIGON | AGENCE | : 32., Đại-lộ Hàm-Nghi—Tél.: 20.065, 20066, 20.067. |
| | | BUREAUX | : 178, 180, 182, Đường Lê-Thánh- Tôn (Marche central)—Tél.: 22.142. |
| | | — | 415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél. : 25.172. |
| | CHOLON | : AGENCE | : 386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Cholon)— Tél. : 39.105. |
| | KHANH-HUNG | : AGENCE | : 23, Đường Hoàng-Diệu. |

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-
CHAM.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH - KHOA

THỜI ĐẠI

Bản nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ.T. 25.539 — H.T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền (2) _____

_____ , ngày _____ tháng _____ năm 196 _____

Ký tên,

Giá bảo dài hạn :

| ● Miền Nam | | ● Miền Trung và Cao nguyên (cả cước phí máy bay) | |
|------------|-------|---|-------|
| Một năm : | 240\$ | Một năm : | 270\$ |
| 6 tháng : | 120\$ | 6 tháng : | 135\$ |

Mua dài hạn Bách-Khoa

- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.
- Trả trước 240\$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm trên 70\$ 22 số thường 264\$ + số đặc biệt và số Tết 50\$ = 314\$).
- Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà thanh nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu (đề tên Ô. Lê-Ngộ-Châu) hoặc bưu-phiếu hay bưu-chi-phiếu gửi cho Tờp-chí Bách-Khoa Thời-Đại, Trương-mục 27-46 Chánh Trung Khu chi phiếu Saigon (xin tại các Bưu cuộc thiếp phiếu mẫu số CH. 1418).

BÁCH

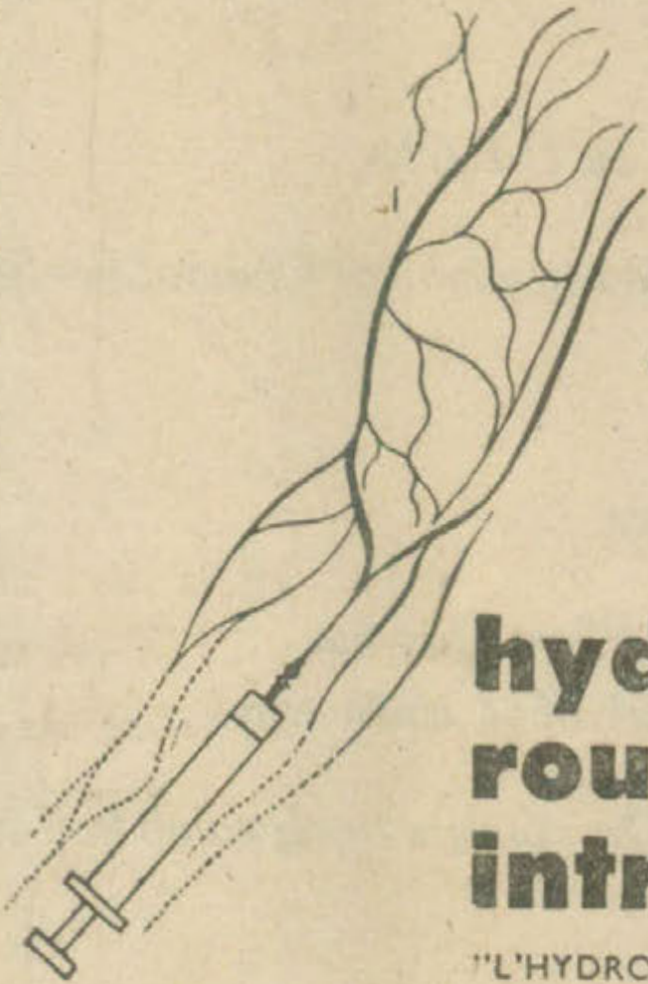
KHOA THỜI ĐẠI

Số 224 ngày 1 - 5 - 1966

| | |
|---|----|
| VŨ BẢO <i>De Gaulle, nước Pháp và O.T.A.N.</i> | 3 |
| NGUYỄN VĂN TRUNG <i>đặt lại vấn đề văn minh với Claude Lévi-Strauss</i> | 11 |
| DUY <i>một chính sách thuế khóa</i> | 15 |
| LÝ CHÁNH TRUNG <i>phủ nhận tâm ca</i> | 33 |
| NGUYỄN VĂN TRUNG <i>tâm ca của Phạm Duy hay văn nghệ phủ nhận chiến tranh</i> | 39 |
| ĐÀO QUANG HUY <i>những biến chuyển sâu đậm trong chính tình Nga xô</i> | 47 |
| THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i> | 51 |
| HỒ TRƯỜNG AN <i>buổi tối êm đềm (truyện 2 kỳ)</i> | 63 |
| VŨ HẠNH <i>chuyện một ông giáo sư già (truyện ngắn)</i> | 71 |
| SINH HOẠT TRÀNG-THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i> | 80 |
| NGÊ BÁ LÍ — THẾ NHẬN <i>(thuật) những chiều thứ năm của Đại học Văn khoa — trách nhiệm nhà văn — ký giả, nhà văn Chu Tử bị ám sát — nỗi cô đơn của người cầm bút.</i> | 86 |
| | 90 |

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ : 12\$ Cộng sớ Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay



Corticothérapie
d'urgence

hydrocortisone roussel intraveineux

"L'HYDROCORTISONE HYDOSOLUBLE"

Boîte de 4 ampoules
dosées à 25 mg d'hé-
misuccinate d'hydrocort-
isone accompagnées de
4 ampoules de solvant
bicarbonaté.
1 à 10 ampoules par
vingt-quatre heures.

Insuffisances surrénales aiguës
Etats de shock - Syndrome malin
Asthme grave

DISTRIBUTEUR :

UFFARMA công ty

20A Bến Bạch Đằng — SAIGON



De Gaulle, nước Pháp và O.T.A.N.

Thế là chuyện chờ đợi đã tới ! giữa lúc Tổng Thống Johnson nhúc nhủ về chuyện Việt Nam thì ông bạn già De Gaulle lại nhã nhặn tặng thêm cho một ưu-tư mới : Chiều ngày mồng 7 tháng 3 vừa qua, ngoại trưởng Pháp Couve de Murville mời Đại-sứ Hoa-Kỳ Charles Bohlen tới văn phòng và trao cho một bức thư của De Gaulle gửi Tổng Thống Johnson. Lời lẽ trong thư vẫn ngọt ngào như mọi công-hàm ngoại giao nhưng nội dung đã thực sự là một tối hậu-thư. Pháp đã quyết định rút ra khỏi Tổ Chức Bắc Đại Tây Dương (Organisation du Traité de l'Atlantique Nord viết tắt là O.T.A.N.) và Pháp muốn giữ đủ lịch-sự nên viết thư trước cho ông Johnson và sau đó 72 tiếng đồng hồ mới loan báo quyết định cho các nước hội-viên khác của Tổ-Chức. Như một nhà đạo diễn xếp đặt các lớp lang, De Gaulle cũng đã hoạch-định cả một chương-trình tỉ-mỉ cho những « Ngày Biệt-Ly ».

— Ngày 1 tháng 7 năm nay nghĩa là còn 2 tháng nữa, tất cả các sĩ quan Pháp đang làm việc tại Tổng-hành-dinh của Tổ chức (gọi tắt là Shape đóng tại Ro-quencourt) hay làm việc tại Tư-lệnh-bộ đóng tại Fontainebleau sẽ tới bắt tay các đồng-nghiệp để trở về vị trí cũ trong quân ngũ Pháp, rất tiếc là không được cộng tác lâu hơn với các bạn đồng minh.

— Cùng ngày đó, 500 sĩ quan khác của Pháp tại các căn cứ OTAN rải rác từ Thổ-Nhĩ-Kỳ tới Na-Uy cũng thu xếp hành-trang trở về nước.

— Cùng vào ngày 1 tháng 7 năm 1966, 23.000 binh sĩ và 2 phi đội của Pháp đóng tại Tây-Đức sẽ không thuộc quyền chỉ huy của Bộ Tư-Lệnh hỗn hợp nữa. Việc họ còn ở lại Tây-Đức hay không, sẽ được thương lượng riêng với chính phủ Tây-Đức.

— Đến ngày 1 tháng 4 năm 1967 thì mới thật là ngày tiễn đưa. Ngày đó xin

mời Tổ chức Bắc Đại Tây Dương rút hết các cơ sở của mình ra khỏi đất Pháp. Ngày đó, có lẽ De Gaulle sẽ đứng trên thềm điện Versailles giơ tay vẫy mấy anh lính Hoa-Kỳ hay Gia-nã-Đại cuốn gói ra đi dưới chân mình và nhoen miệng ban cho họ một nụ cười ân huệ, kèm theo câu « Bon voyage » (thượng lộ bình an).

Có một điểm đáng chú ý là Pháp chỉ rút ra khỏi Tổ chức phòng thủ mà không rút ra khỏi Minh-Uớc nghĩa là trong chữ viết tắt O.T.A.N, De Gaulle chỉ muốn vớt đi chữ O thôi còn T.A.N. vẫn đề nguyên (T.A.N. : Trai é de l'Atlantique Nord hay Minh-Uớc Bắc Đại-Tây-Dương).

Nói một cách khác, quân đội Đồng-Minh sẽ không còn được đặt căn cứ trên nước Pháp để cho nước Pháp giữ vẹn chủ quyền của mình, nhưng nếu Pháp bị Nga Xô tấn công thì Đồng Minh vẫn phải bảo vệ cho Pháp, chiếu theo Minh ước Bắc Đại Tây Dương. Nghe thật ngon lành chẳng khác gì yêu cầu Hoa kỳ giúp đỡ Việt Nam chống Cộng, nhưng đòi Hoa kỳ bốc các căn cứ Đà Nẵng, Chu Lai sang đóng bên Thái Lan để cho Việt Nam giữ vẹn chủ quyền.

Trước khi phân tích các lý do, và các ảnh hưởng chung quanh quyết định của De Gaulle, tưởng cũng nên nhắc lại Tổ chức O.T.A.N. đã thành hình trong những trường hợp nào.

17 năm xưa

Sau thế chiến thứ hai, người ta đã nghĩ rằng nhân loại sẽ chán ghét chiến

tranh và các nhà lãnh đạo thế giới đã đặt nhiều hy vọng vào Tổ chức Liên Hiệp Quốc để duy trì hòa bình. Nhưng trên thực tế, diễn đàn của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã trở thành một chiến trường mới của cuộc chiến tranh lạnh và Hội Đồng Bảo An thì bị tê liệt vì bị Nga Xô xử dụng quyền phủ quyết.

Trong khi đó, đế quốc Cộng Sản bành trướng ảnh hưởng của mình một cách ghê sợ. Sau khi thôn tính cả miền Balkans, Cộng Sản tiếp tục gây rối, nhóm lên các cuộc nội chiến tại Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Hi Lạp, Mã Lai, Miến Điện, Phi Luật Tân...

Nga Xô vẫn giữ nguyên quân số như trong thời kỳ chiến tranh (4 triệu người) trong khi các nước Tây Âu từ 5 triệu người chỉ còn còn giữ lại 880.000 binh sĩ. Một mặt khác, nếu người ta coi lại sử ký nước Nga thì người ta sẽ thấy rằng bất cứ trong thời kỳ nào Nga Xô cũng phải tìm mở một đường ra đại dương. Sau thế chiến thứ hai, về phía Thái Bình Dương, Nga đã có những căn cứ tại Sakhaline và các đảo Kouriles, Nga đã tái chiếm các cửa bể Đại Liên và Lữ Thuận tại Mãn Châu. Không có lý nào mà Nga không có những dòm ngó về phía Đại Tây Dương và Địa Trung Hải.

Chính Winston Churchill đã lên tiếng báo nguy và các nước chung quanh Đại Tây Dương đã thấy rằng nếu không thề trông cậy vào Tổ chức Liên Hiệp Quốc

đề bảo vệ hòa bình chung cho toàn thế giới, thì phải có những tổ chức địa phương đề bảo vệ an ninh cho từng khu vực. Ý kiến lập một minh ước Bắc Đại Tây Dương mạnh nha từ đó.

Một sự kiện khác đã thúc đẩy mau chóng sự thành hình của Minh Ước. Đó là vụ Prague, năm 1948. Cộng Sản đã chiếm gọn nước Tiệp Khắc bằng cách gây rối, nấp sau bình phong của một tổ chức mệnh danh là Mặt trận Nhân dân và ngày 25 tháng 2 năm 1948, qua một cuộc biểu tình vĩ đại đã chiếm thủ đô Prague và thành lập một Chính phủ Cộng Sản.

Vụ Prague đã làm các nước Tây Âu thấy bị đe dọa ngay bên lưng mình và ngày 4 tháng 4 năm 1949, Minh Ước Bắc Đại Tây Dương được ký kết. Từ nay một cuộc tấn công vào một nước nào của Minh Ước sẽ được coi như là tấn công vào tất cả các nước hội viên và các nước này sẽ dùng mọi biện pháp kể cả võ lực để tự bảo vệ. Hiện nay Minh Ước gồm 15 nước hội viên :

| | |
|------------|-------------|
| Tây Đức | Hòa Lan |
| Bỉ | Islande |
| Gia Nã Đại | Ý Đại Lợi |
| Đan Mạch | Lục Xâm Bảo |
| Pháp | Na Uy |
| Anh | Bồ Đào Nha |
| Hi Lạp | Thổ Nhĩ Kỳ |
| | và Hoa Kỳ |

Minh Ước có một Tổ chức phòng thủ (O.T.A.N) gồm nhiều căn cứ, thủy,

lục, không quân, vũ khí nguyên tử, và một hệ thống radar rất mạnh. Tổng Tư Lệnh đầu tiên của các lực lượng đồng minh là Đại Tướng Eisenhower. Ông ta tới nhậm chức ngày mồng 1 tháng 4 và không hiểu Pháp đã cố ý hay chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, Pháp đã ngỏ ý muốn vị đương kim Tổng Tư Lệnh, Tướng Lemnitzer di-chuyển các căn cứ O.T.A.N. ra khỏi nước Pháp cũng vào ngày mồng 1 tháng 4 năm 1967.

Vì sao ly hôn ?

Quyết định của De Gaulle về OTAN có nhiều lý do :

1) Trước hết là vì mối tương quan Đông Tây đã có nhiều thay đổi. Nga Sô mỗi ngày một ngả nhiều về khuynh hướng sống chung hòa bình. Trong hiện tình, Nga Sô có lợi trong việc duy trì hòa bình ở châu Âu. Và ngay sau khi gửi thư cho Tổng Thống Johnson, De Gaulle triệu tập hội-đồng Nội-các, đã quay sang hỏi các cộng-sự-viên của mình : « Ở đây có vị nào tin được là Nga Sô sẽ xâm lăng nước Pháp không ? » Như vậy một tổ chức phòng thủ quan niệm trên một sự đe dọa từ phía Nga Sô, sẽ không còn lý do đứng vững nữa khi sự đe dọa đó đã trở nên xa xăm nếu không nói là không thể có được.

Hoa-kỳ thì lại không tin như vậy. Hoa-kỳ cho rằng Nga Sô chỉ thay đổi phương pháp mà không từ bỏ mộng làm bá chủ thế-giới. Đừng có thấy

tương - quan hòa dịu mà thiếu cảnh-giác. Và lại cho rằng Nga-Sô mong muốn châu Âu hòa-bình thật sự đi chăng nữa thì điều đó cũng chỉ chứng tỏ là Minh-Uớc Bắc Đại-Tây-Dương đã thành công. Chính vì Minh-Uớc xác nhận sự đoàn-kết nhất trí của Tây-Âu trước mọi đe dọa xâm lăng mà Nga Sô đã phải chùn bước. Đáng lý phải nói : « Tờ chức của Minh Ước đã có kết quả, chúng ta phải tiếp tục liên kết với nhau để bảo-vệ hòa-bình » thì Pháp lại lý luận như sau : « Bây giờ chẳng có ai đe dọa an-ninh, chúng ta cũng chẳng cần duy-trì những tương quan lực-lượng phòng thủ đã trở nên lỗi thời ».

20) Lý do thứ hai là Pháp cho rằng sự có mặt của quân đội đồng minh trên đất Pháp và việc sử dụng lãnh thổ Pháp vào mục đích phòng thủ chung là một vi-phạm vào chủ quyền quốc gia của Pháp. Hơn nữa các căn cứ đồng minh cũng không còn ở mức tối cần thiết như cách đây hơn chục năm vì bây giờ Pháp cũng đã có bom nguyên tử như ai và cũng có một lực lượng trả đũa đủ sức ăn thua với những nước gây hấn.

Hoa Kỳ cũng đã bác bỏ luận cứ đó. Trong bức thư trả lời tướng De Gaulle, ông Johnson đã viết như sau :

« Quan-điểm của Tổng - Thống (De Gaulle) cho rằng sự có mặt của các lực lượng quân sự đồng minh trên đất Pháp là một vi phạm chủ quyền của Pháp đã khiến cho tôi lấy làm bàng khuâng. Các lực lượng đó có mặt do

lời mời của Pháp, theo một kế-hoạch chung để giúp bảo vệ an ninh của nước Pháp và các đồng minh. Lúc nào tôi cũng cho sự có mặt đó là một phương thức khôn ngoan và lo xa để cho Pháp có thể hành sử chủ-quyền của mình ».

Còn cho rằng Pháp đã có lực lượng nguyên tử riêng, có thể tự cho phép mình miễn nhận sự đóng góp của đồng minh, lại càng là một điều lầm lẫn. De Gaulle, ông tướng già ngoại thất tuần đã không còn sống với thời đại của mình nữa. Kinh nghiệm chiến tranh của ông đã hoàn toàn thuộc về quá khứ với những thế trận mà hai bên dàn binh, lên cò súng, nhắm bắn nhau đoàng đoàng ; ông không phải là người chỉ huy những loại chiến tranh bấm nút các máy điện tử. Với những tiến bộ kỹ thuật hiện nay, không còn một nước nào riêng rẽ mà đủ sức tự phòng thủ — Chỉ có phòng thủ chung hay là không có phòng thủ.

— 3) Người ta còn đưa ra nhiều lý lẽ khác để giải thích quyết định của De Gaulle rút chân ra khỏi Tổ chức O.T.A.N. Có người bảo De Gaulle đã muốn chuẩn bị cho chuyến công du của mình sang Mạc-tư-khoa, từ mùng 10 đến 20 tháng 6 sắp tới, được thành công mỹ mãn. Trước khi đi, De Gaulle đã tố cáo sự « thống trị » của Hoa Kỳ như vậy thì chắc chắn là Đảng và nhân dân Nga Sô sẽ hoan nghênh De Gaulle nhiệt liệt. De Gaulle chưa đi mà Đại hội Cộng-Sản lần thứ 23 mới nhóm gần đây, khi nghe thấy

báo cáo là De Gaulle sẽ sang viếng Nga Sô, cũng đã vỗ tay tán thưởng vang dội cả hội trường.

Có người khác lại nói rằng De Gaulle đã muốn chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc Hội vào mùa xuân năm 1967. Hiện nay đảng của De Gaulle, đảng U.N.R. (Union pour la Nouvelle République, Liên Minh Tân Cộng Hòa) có nhiều dấu hiệu xa sút. Một mặt thì nội bộ lục đục sau khi Giscard d'Estaing mất chức Tổng Trưởng Kinh Tế Tài Chánh (phải nhường cho Michel Debré) và Giscard d'Estaing đã đứng ra lãnh đạo nhóm phân ly. Một mặt khác thì vấp phải sức đang lên của phe Xã Hội với Mitterand. De Gaulle đã dùng vụ O.T.A.N để phá vỡ sự kết liên giữa Đảng Xã Hội và Đảng Cộng Sản Pháp phe Xã Hội chống lại việc Pháp rút ra khỏi OTAN còn phía Cộng Sản thì tán thành. Chia rẽ được những nhóm tả khuynh là De Gaulle đã bảo đảm được cho các ứng cử viên U.N.R nhiều cơ hội thắng phiếu và chiếm được đa số trong Quốc Hội.

— 4) Nhưng lý do chính trong quyết định của De Gaulle, lý do của mọi lý do vẫn là con người của De Gaulle. Con người nhiều kiêu hãnh đó lúc nào cũng ôm ấp những giấc mộng thật hùng vĩ, thứ nhất là sau khi những đại anh hào của thế chiến thứ hai, Roosevelt, Staline, Churchill đã lần lượt khuất bóng, chỉ còn lại một mình De Gaulle, nên De Gaulle càng tìm thấy nhiều

không gian cho hoài bão của mình. Trong quan niệm của De Gaulle, Âu châu phải độc lập với Hoa Kỳ và Pháp sẽ lãnh đạo khối Âu-châu đó, từ Đại-Tây Dương cho tới dãy núi Oural — Bộ mặt mới của Âu-Châu độc lập sẽ phải mang cái mũi của De Gaulle và rút Pháp ra khỏi O.T.A.N. là giúp cho Âu-châu độc lập với Hoa Kỳ.

O.T.A.N ngày mai

Quyết định của De Gaulle dù có lý do nào đi chăng nữa, thì ảnh hưởng của quyết định đó cũng vẫn như vậy. Nó chỉ làm thỏa mãn tự ái của một số người Pháp (trong đó có De Gaulle) nặng tình thần quốc gia cực đoan, chỉ biết có lầu chuông nhà thờ của làng mình là cao nhất. Còn về cả 3 mặt pháp lý, quân sự, chính trị, việc rút Pháp ra khỏi OTAN không phải là một quyết định khôn ngoan.

Về mặt pháp lý, đây là một tiền lệ trong việc đơn phương bãi ước những nghĩa vụ đã cam kết một cách đa phương giữa nhiều nước của một tổ chức. Tiền lệ này có thể khuyến khích một số nước khác có những hành động tương tự, không giữ trọn những điều ký kết và người ta tự hỏi khi đó thì đời sống quốc tế công pháp sẽ ra sao.

De Gaulle cũng đã lý luận cho rằng Pháp là một nước đầy đủ chủ quyền nên không thể chấp nhận sự có mặt của các căn cứ đồng minh trên lãnh thổ mình. Nhưng Pháp đang phải

thương thuyết với ông Erhard đề cho quân đội Pháp đóng tại Tây Đức vẫn được duy trì căn cứ của mình, mặc dầu không thuộc quyền chỉ huy của Bộ Tư Lệnh O.T.A.N. sau ngày 1-7-66. De Gaulle sẽ trả lời sao khi ông Erhard sẽ dùng đúng lý luận của Pháp mà từ chối rất tiếc không thể đề cho quân đội ngoại quốc không thuộc Tổ chức của Minh Ước đóng tại Tây Đức vì như vậy là vi phạm đến chủ quyền của Tây Đức ?

Về phương diện quân sự, De Gaulle đã muốn đánh cá với tương lai là sẽ không thể có chuyện Nga 'Sô tấn công nước Pháp. Trong hiện tại thì chưa thấy có rủi ro gì hết, nhưng ai mà biết được tương lai với những thủ đoạn của Cộng sản ? Và lại ai mà đủ can đảm đem nền an ninh của nước mình ra mà đánh cá ? Vậy mà De Gaulle đã làm. Không nói gì đến những trường hợp xảy ra chiến tranh mà Pháp chắc chắn không thể nào chịu nổi những đợt tấn công từ phương Đông tới, chỉ nói tới thông tin phòng thủ, Pháp rút ra khỏi O.T.A.N. đã phải chịu nhiều thiệt thòi. Trước đây với hệ thống radar của O.T.A.N., một máy bay, một hỏa tiễn địch bay lên từ phía sau bức màn sắt là cả hệ thống được báo động. Bây giờ với phương tiện riêng của mình, Pháp chỉ kịp biết khi nào vật lạ kia còn cách biên giới có 200 cây số. Nghĩa là với tốc độ của các phi đạn nguyên tử, Pháp sẽ không còn kịp trở tay.

Còn về phần các đồng minh trong Tổ chức O.T.A.N. đến ngày 1 tháng 4 năm 1967, họ đã phải thu dọn các cơ sở quân sự, bốc dời khỏi nước Pháp. Hóa đơn về cuộc di chuyển này tính sơ sơ cũng vào khoảng trên 1 tỷ mỹ kim. Ai sẽ chi đây ?

Mà đặt giả thuyết tới hạn rồi các đồng minh cũng vẫn chưa nhúc nhích y như những anh thuê nhà bài bậy hết hạn khế ước vẫn chưa chịu dọn đi thì Pháp sẽ làm gì được ? Có lẽ cũng chỉ có thể bắt chước mấy anh chủ nhà mưu vật, tắt nước, cúp điện, phóng uế ném vào nhà để cho ngán mà phải dọn đi sớm.

Hơn nữa đứng về phương diện quân sự, Pháp rút ra khỏi O.T.A.N. trong khi khối Công sản vẫn giữ nguyên Tổ Chức của Minh Ước Varsovie tức là Pháp đã làm suy-giảm những tương quan lực lượng về phía các đồng-minh của Pháp.

Về phương diện chính trị, De Gaulle đã nghĩ rằng dẹp được Tổ chức OTAN là phục-hồi được sự độc-lập của Âu Châu đối với Hoa Kỳ. Nhưng sự thực đã trái ngược hẳn. 14 nước còn lại đã đồng thanh trả lời De Gaulle là không có Pháp, họ càng thấy sự cần thiết phải thống nhất ý chí và hành động trong Tổ Chức của Minh Ước Bắc Đại Tây Dương. Nước Anh lại còn muốn đi mạnh hơn là đòi biểu quyết một kiến-nghị cảnh cáo Pháp (có lẽ Anh chưa quên được cách đây ba năm De Gaulle đã khẳng khăng nhất mực không chịu cho Anh-Quốc gia nhập Thị-trường chung Âu Châu chẳng ?)

Dầu sao De Gaulle cũng cho chúng ta cảm tưởng một anh già néo nên bị đứt giây. Dồn Âu-Châu vào cái thế phải chọn lựa giữa Hoa Kỳ và Pháp nên Pháp đã mất cái thế Âu Châu. Muốn Âu-Châu độc lập hơn với Hoa Kỳ thì Âu Châu không có Pháp lại càng phải dựa vào Hoa Kỳ.

Còn Hoa Kỳ.

Từ nhiều năm nay Hoa Kỳ đã nhiều lần ngậm đắng nuốt cay về những hành động của tướng De Gaulle mà chính-sách đối ngoại hình như chỉ nhằm làm cho Hoa Kỳ lên ruột. Nhưng trong vụ Pháp rút ra khỏi OTAN, Hoa Kỳ vẫn giữ một thái độ điềm đạm. Bốn tiếng đồng hồ sau khi nhận được thư của De Gaulle, Tổng Thống Johnson đã có thư phúc đáp, đoạn cuối viết như sau :

« Chúng tôi khó có thể tin được là nước Pháp đã đóng góp một cách đặc biệt vào nền an ninh và sự thịnh vượng của Tây Phương, lại có thể đứng lâu ở ngoài những công việc và trách nhiệm

về Đại-Tây-Dương. Chúng tôi vẫn dành riêng chỗ ngồi của nước Pháp, — người bạn thiết lâu đời và đồng minh của chúng tôi, — chờ ngày nước Pháp quyết định trở lại vai trò lãnh đạo của mình ».

Cũng như De Gaulle, Tổng Thống Johnson đã muốn đánh cá với tương lai, và chơi cái đòn phân hóa De Gaulle với dân tộc Pháp. Cái ông già lăm lăm De Gaulle, quyết định một cách lăm lăm, thế nào cũng có lúc phải qua đời. Khi đó dân tộc Pháp, bạn thiết của Hoa kỳ, sẽ trở lại cái ghế cũ trong tổ chức Bắc Đại Tây Dương, cái ghế mà Hoa kỳ tạm gác lên để chờ người tri kỷ.

Hoa kỳ và các nước khác trong Minh Ước đều tin rằng một phần đông dân chúng Pháp thực-tế hơn sẽ không nghi như De Gaulle. Vì họ thấy rõ không có Pháp, O.T.A.N. vẫn có đủ khả năng sống sót, nhưng nếu sảy ra chiến tranh, Pháp làm sao mà sống sót một khi không có O.T.A.N. ?

VŨ BẢO

Sau « **TIẾNG CA QUÊ HƯƠNG** » Nhân Chúng sẽ xuất bản :

Linh hồn Cỏ Biếc

thơ phổ đức và hoàng hương trang

duy thanh minh họa — lan đài phổ nhạc

phụ bản của nghiêu đề — duy thanh

phạm kim khai — hoàng hương trang

NGEI XANH đang xuất bản

Một cuốn sách ? — Không một tấm lòng,

Một tấm lòng với Người, với Việc, với Non sông :

SÓNG và VIẾT với....

Nhất-Linh, Lê-Văn-Tương Á-Nam, Lê-Văn-Siêu, Doãn-Quốc-Sỹ, Đông-Hồ Sơn-Nam, Bình-Nguyên-Lộc, Vi-Huyền-Đắc, Nguyễn-Hiến-Lê Hồ-Hữu-Tường

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B. P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Đặt lại vấn-đề văn-minh với *CLAUDE LÉVI-STRAUSS*

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Xin xem BK TD từ số 222)

Phương pháp và vấn nạn

Những phân tách và quan niệm của Lévi-Strauss về phong tục, về tương quan họ hàng, về thần thoại của các dân tộc cổ sơ dựa vào một phương pháp khảo sát mà Lévi-Strauss gọi là *phân tích cơ cấu*.

Ý niệm cơ cấu là một ý niệm căn bản trong quan niệm ngữ học của Ferdinand de Saussure. Quan niệm ngữ học cơ cấu của Saussure không những có ảnh hưởng lớn tới một số khuynh hướng ngữ học hiện đại, mà còn ảnh hưởng cả trong khoa học nhân văn. Lévi-Strauss đã lấy lại quan niệm trên và áp dụng vào địa hạt dân tộc học, vì ông cho rằng những hiện tượng xã hội không phải là những *sự vật*, hay *ý tưởng*, mà là những *cơ cấu*; hơn nữa nếu mọi hiện tượng xã hội đều có nghĩa thông tin, truyền đạt, trao đổi, thì đã hẳn

ngôn ngữ là phương tiện trao đổi, thông tin, truyền đạt hoàn hảo hơn cả, do đó các khoa học nhân văn có thể dùng phương pháp nghiên cứu của ngữ học để nghiên cứu những cơ cấu xã hội (1).

Phân tách cơ cấu trong ngữ học cũng như trong dân tộc học là rút ra ý nghĩa từ một toàn thể những tương quan giữa những yếu tố cấu tạo ngôn ngữ và sự kiện dân tộc học vì ý nghĩa là ở mối liên lạc giữa các yếu tố đó chứ không phải ở tổng số những nghĩa nhất định của các yếu tố vì nếu thay đổi liên lạc giữa những yếu tố cấu tạo, thì ý nghĩa cũng thay đổi. Do đó, ý nghĩa tùy thuộc ở những *cơ cấu*, nghĩa là ở những cách thể phối hợp, tổ chức của những yếu tố cấu tạo ngôn ngữ hay sự kiện xã hội.

Chẳng hạn nhà dân tộc học, căn cứ vào khái niệm cơ cấu, có thể thiết lập

(1) xem thêm Nguyễn Văn Trung «*Lược Khảo văn học*» tập II, chương Ngôn ngữ văn chương tr. 93 và tiếp theo.

một hệ thống tương quan họ hàng, để hiểu tất cả những chế lập phức tạp của những thờ dân về hôn nhân, giòng họ những chế lập *hiện có* hay *có thể có* thay đổi những tương quan; chẳng khác gì nhà hóa học thiết lập một bảng kê khai những hóa chất kiểu Mendeleieff.

Những cơ cấu này thường vô thức: nghĩa là khi các dân tộc cổ sơ qui định chế lập về hôn nhân, giòng họ, họ sắp xếp theo những cơ cấu mà không biết, như khi chúng ta nói, chúng ta cũng ghép những từ ngữ theo những luật lệ của cú pháp và ngữ pháp mà không biết. Những cơ cấu được sắp xếp như thế bắt nguồn từ một «hạ tầng cơ sở hình thức» của tâm trí con người, theo kiểu nói của Merleau-Ponty (1).

Chính «hạ tầng cơ sở» này là căn bản sự thống nhất tâm trí con người thuộc nhiều nền văn minh khác nhau. Từ hạ tầng cơ sở đó, mỗi dân tộc tự xác định lấy cho mình một hệ thống cơ cấu xã hội; những cơ cấu này nhằm mục đích thực hiện sự trao đổi, ngoài công dụng cụ thể qui định những thái độ của con người, còn có một công dụng tượng trưng. Do đó, những nền văn minh không phải là khác biệt theo nghĩa xa lạ như hai thế giới biệt lập, nhưng chỉ là khác biệt về cách sắp xếp những cơ cấu xã hội mà vẫn *thống nhất* về «hạ tầng cơ sở» tâm trí, về sự kiện cùng có chung một số những chất liệu căn bản giống nhau để từ đó thiết lập những hệ thống khác nhau theo những cơ cấu khác biệt. Và như thế *những biên giới văn hóa không còn nữa,*

lần đầu tiên, một nền văn minh thế giới có thể xuất hiện» (2).

Phương pháp và quan điểm của Lévi Strauss trình bày hai đặc điểm sau đây:

1) *Khách quan vô ngã.* Những cơ cấu, những hệ thống mà phân tách cơ cấu khai triển chỉ là những lược đồ luận lý, có ý nghĩa khách quan, vô ngã, vì không phản ảnh một cái gì là tình cảm riêng tư, cụ thể, cá biệt hoặc của những sự kiện, chế lập xã hội hoặc của người nghiên cứu những chế lập đó.

2) *Tính cách tĩnh và tự mãn.* Tìm hiểu một sự kiện xã hội, không phải theo một quá trình phát sinh, hình thành và diễn tiến của nó trong lịch sử với tất cả muôn vàn khía cạnh cụ thể gắn liền với sự diễn biến đó (quan điểm diễn biến: diachronie) nhưng theo cơ cấu tương đối bền vững và trường tồn, ở trạng thái ổn định (quan điểm định thái: synchronie). Do đó coi sự kiện như một thực tại tự nó có ý nghĩa đầy đủ không cần ràng buộc nó với thời đại, tác giả nhất định. Cũng như ngôn ngữ. Ngữ học là khoa học đầu tiên nhìn sự kiện ngôn ngữ như một sự kiện tự tại, không ràng buộc nó vào những yếu tố bên ngoài (tâm lý, xã hội) hoặc cấu tạo nó hoặc ảnh hưởng nó mà chỉ chú ý khảo sát những định luật ngôn ngữ cấu tạo sự kiện ngôn ngữ. Nhà dân tộc học tìm hiểu một sự kiện xã hội cũng chỉ nhằm khai triển cơ cấu *vô ngã* của nó mà thôi.

oOo

(1) *Signes* — Gallimard xb., Paris, tr 149.

(2) Merleau-Ponty. *Signes*: chương De Mauss à Claude Lévi-Strauss, tr. 157

Một phương pháp và một quan điểm như trên không thể không va chạm những phương pháp và quan điểm của những học thuyết hiện đại còn đang thịnh hành, như các học thuyết Mác xít và Hiện sinh. Điểm mấu chốt của sự va chạm là mâu thuẫn giữa quan niệm lịch sử, diễn biến (diachronie) và quan niệm cơ cấu, định thái (synchronie).

Trước hết, người ta trách Lévi-Strauss đã đồng hóa ngữ học với các khoa học nhân văn và đã muốn giản lược mọi hiện tượng xã hội vào ngôn ngữ được coi như một hiện tượng xã hội điển hình. Sự thật ngược lại theo Gurvitch, phải coi ngôn ngữ như một hiện tượng xã hội đòi hỏi được cắt nghĩa bằng những yếu tố xã hội khác không phải là ngôn ngữ (1).

Nói cách khác, không thể coi sự kiện ngôn ngữ là một sự kiện độc lập, trái lại là một sự kiện xã hội do cả những yếu tố không phải ngôn ngữ cấu tạo nên. Những yếu tố cấu tạo sự kiện diễn ra trong lịch sử và do đó có một lịch trình diễn tiến mà sự biến đổi là động lực của lịch sử và biến cố là chất liệu của lịch sử. Vậy biến cố, biến đổi là *quan trọng*, chứ không phải cơ cấu.

Cho nên khi Lévi-Strauss dựa vào cơ cấu để khảo sát lịch sử, là hạ giá lịch sử, phủ nhận lịch sử vì đã coi những biến cố, biến đổi chẳng qua chỉ là những cặn bã (résidus), những đồ nát (débris) hay những «xáo trộn» giả tạo của cơ cấu trường tồn. Phân tách cơ cấu gạt khỏi lịch sử tất cả những gì là rung động phức tạp của sự kiện nhân loại, để chỉ giữ lại những hình thức vô

ngã, khách quan vượt không gian thời gian.

Nói tóm lại phương pháp cơ cấu chống lại lịch sử, chống lại phương pháp biện chứng.

Phương pháp cơ cấu còn chối bỏ vai trò của chủ thể trong việc cấu tạo sự kiện vì mục đích phân tách không phải là tìm hiểu *xem ai*, vì những ý định nào đã tạo ra sự kiện, mà chỉ trình bày cơ cấu khách quan của sự kiện; do đó phương pháp cơ cấu chú trọng tới *cách* nói hơn là nói *cái gì*, nhất là chỉ chú ý khai triển lược đồ luận lý của tư tưởng vô thức, do đó đi đến chỗ chủ trương một tư tưởng không biết mình tư tưởng: chúng ta diễn tả mà không biết rằng ta diễn (2).

Claude Lévi-Strauss trả lời: người ta nói lịch sử, nhưng lịch sử phải chăng cũng là một huyền thoại hay dựa trên huyền thoại, nghĩa là cũng không thoát khỏi một lược đồ luận lý về lịch sử khi làm lịch sử. Lịch sử người ta nói có phải là lịch sử do những con người làm ra mà không biết? hay lịch sử con người do các nhà viết sử làm ra và biết mình viết sử? hay quan niệm triết lý về lịch sử của con người, của các nhà viết

(1) Concept de Structure sociale **Cahiers Internationaux de Sociologie** Vol. XIX 1955

(2) Nhận định của Paul Ricoeur trong số **Esprit** đặc biệt: «**La Pensée sauvage et le Structuralisme**». Novembres 1963, trg. 607

sử, do các nhà triết học làm? Quan niệm nào đi nữa thì cũng không phải là giới thiệu lịch sử thực sự đã diễn ra, mà chỉ là giới thiệu lược đồ trừu tượng về những con người làm lịch sử theo một diễn tiến nào đó, một diễn tiến mà toàn thể có những đặc điểm định thái như của một huyền thoại (1). Do đó phân tách theo trật tự định thái là cốt yếu.

Hoặc phương pháp cơ cấu không phải là hình thức chủ nghĩa (formalisme) vì cơ cấu nào cũng gắn liền với một nội dung, chỉ không cố định với một nội dung chứ không biệt lập khỏi mọi nội dung.

Và sau cùng phương pháp cơ cấu là một phương pháp khoa học nhằm đạt tới một trí thức khách quan, chứ không phải là một *«thứ siêu hình cho các cô chiêu đãi»* (métaphysique pour midinettes) (2) đem những bản khoán tư riêng làm đề tài triết học cho mọi người.

oOo

Quan niệm của Levi-Strauss bao hàm một thứ duy vật vô thần khoa học, mạch lạc đặc biệt vì nó không xuất hiện như một ý thức hệ, mà chỉ như một hệ luận của một phương pháp nghiên cứu khoa học, một hệ luận mà chính tác giả không bao giờ rút ra.

Nhưng đồng thời nó cũng bao hàm một thứ chủ nghĩa nhân bản rộng lớn. sâu sa: không những nhìn nhận nhân loại trong những hình thức sinh hoạt cở

sơ, trong những xã hội mà từ trước vẫn bị coi là man rợ, phi nhân, xa lạ, mà còn chủ trương tôn trọng sự sống con người theo nghĩa toàn diện; không phải chỉ là con người như một thân xác, mà còn là hoàn cảnh sống, cảnh vật bao quanh, nâng đỡ, che chở sự sống con người.

«Không phải chỉ mình con người là đáng kính trọng, nhưng là sự sống dưới mọi hình thức, vì tất cả những gì con người chiếm đoạt mà làm thiệt hại cho sự sống nói chung, đều trở thành một đe dọa cho chính con người» (3).

NGUYỄN VĂN TRUNG

PHỤ CHÚ:

Claude Lévi-Strauss sinh năm 1908, đỗ thạc sĩ triết học. Năm 1934, đến Sao Paulo (Brésil) dạy xã hội học, có dịp nghiên cứu một số thổ dân tại Brésil rồi tham dự nhiều cuộc khảo sát dân tộc học ở vùng Amazonie.

1939 — bị động viên, trở lại Pháp. Sau khi đình chiến, sang Mỹ, viết sách.

1947 — làm ở Musée de l'Homme và dạy ở Ecole Pratique des Hautes Études Paris.

1959 — giữ ghế «Dân tộc học» ở Collège de France, Paris.

Những tác phẩm quan trọng hơn cả: **Les Structures élémentaires de la parenté**; **Anthropologie structurale**, **Le Totémisme aujourd'hui**, **La Pensée Sauvage**, **Le Cru et le Cuit**.

(1) Xem phỏng vấn trong **Réalités**. Janvier 1965.

(2) **Tristes Tropiques**, tr. 45 — ám chỉ Hiện sinh.

(3) trích tạp chí **Bách Khoa Thời Đại**, số 222 và 223 tháng 4 1966.

Một chính sách thuế khóa

Khi Lecanuet ra tranh cử Tổng Thống Pháp, có đưa ra một chương trình cải cách xã-hội, và phe « De Gaulle » chỉ cần phê bình rằng « chương trình Lecanuet sẽ làm tổn cho Ngân sách Quốc gia 17 tỷ phật lạng nữa ». Nghĩa là dân chúng Pháp sẽ phải đóng thêm 17 tỷ P.L. thuế, vì khi Chính phủ tiêu tiền, dĩ nhiên, tiền đó lại bỏ vào hầu bao dân chúng, chứ còn lấy ở đâu ra ? Dầu Chính phủ có in thêm bạc ra mà tiêu, chung quy rồi cũng chỉ dân là phải chịu ảnh hưởng, vì bạc tăng thì đời sống lại tăng, dân lại bị lắt tui.

Ra tranh cử mà nói tăng thuế thì chết một cửa tứ rồi, cho nên Lecanuet vội chối dãi : « Không, chương trình của tôi đưa ra không có gì là mới mẻ cả. Chính là chương trình De Gaulle mà Chính phủ chưa thực hiện đó thôi. »

Chẳng thà là mang tiếng « cộp dề » chương trình, vì các biện pháp thuế khóa mới, dầu chẳng biết là hay là dở, cũng bị dân chúng phản đối cái đã.

Bởi vậy, chúng ta chẳng nên ngạc nhiên, khi thấy dư luận báo chí và nhân dân sôi nổi, sau các biện pháp tăng thuế của Tổng Bộ Kinh tế Tài chính.

Hồi cuối năm 1961 đầu năm 1962 Chính phủ Ngô-dình-Diệm ban hành 10 sắc luật, cải tổ thuế vụ, dư luận dân chúng chẳng đã xôn xao phản đối và các người đi tiên phong lên tiếng bênh vực quyền lợi cho dân chúng, phản đối thuế thô trạch mới, thuế 40% đánh trên tiền thuê nhà quá đáng, thuế phân suất quân bình mới, thuế la-de, nước ngọt, thuốc điếu, chính là cố ký-giả Từ Chung, và giáo sư Đại học Mai-văn-Lễ.

Hồi đó, Bộ Kinh-tế giải thích : « Cuộc cải cách thuế khóa đã làm giảm lợi-tức thặng dư, đã ngăn chặn nạn đầu cơ, chợ đen và sự mua bán giấy phép nhập cảng ».

Bây giờ nghĩ lại, mới thấy tất cả tinh chất khô hài, vì chính sách thuế-khoá 1962, áp dụng suốt 4 năm trường đã không đem lại một kết quả nào mong

muốn, và chỉ tội dân phải đóng thuế nhiều, phải chịu đời sống đắt đỏ : Lợi tức quá đáng càng phát sinh thêm, nạn đầu cơ, chợ đen vẫn hoành hành, và sự mua bán giấy phép nhập cảng càng mãnh liệt hơn bao giờ hết.

Thường thường, Chính-phủ nào cũng tuyên bố chăm lo cho dân và mỗi lần sửa đổi thuế khóa đều có mục đích cải thiện chế độ để phục vụ cho đại đa số quần chúng. Bộ Tài chính hồi năm 1962 cũng đã viện dẫn lý do công bằng thuế khóa :

— Bài trừ sự gian lận để những người cùng một hoàn cảnh đều đóng thuế như nhau.

— Những người có nhiều tài sản phải trả thuế tương xứng với lợi tức, còn nhân dân lao động và giới tiểu tư sản chỉ phải đóng thuế trong phạm vi khả năng của họ.

Đó là hai nguyên tắc đóng thuế đồng đều và đóng thuế lũy tiến mà các quốc gia tây phương vẫn tự hào là những chiến lợi của nền Dân chủ thuế khóa.

Việt-Nam vốn dĩ vẫn là dân tộc ưa si diện, chỉ cần « giấy rách giữ lấy lề ». Miễn là có võ dân chủ mạ kền cho bóng loáng, còn bề trong có đóng thuế đồng đều, có đóng thuế lũy tiến thực sự hay không, ít ai quan tâm tới.

Cũng như về phương diện lao động, chúng ta thường tự hào là có bộ luật tiến bộ nhất Á Châu, hơn cả Nhật bản,

trong khi Nhật bản ở một trình độ kỹ nghệ cao hơn chúng ta gấp bội lần. Chúng ta không bao giờ để ý tới hậu quả của bộ Luật Lao động đối với sự tiến triển chung của nền kinh tế, và việc áp dụng thực tế trong xã hội ra sao.

Chúng ta lại chịu ảnh hưởng sâu rộng của nền văn minh Pháp, mà những câu thành ngữ hay ho nhất là : « Ai ăn cắp của Nhà nước thì không phải là ăn cắp ». Diễn tả trên bình diện thuế khóa thành ngữ đó có nghĩa, ai ăn lậu được chừng nào thuế hay chừng đó. Báo chí khôi hài thường trình bày việc trốn thuế như là một thành tích đáng khuyến khích, và các nhà cố vấn tài chính, thuế vụ cũng có nhiệm vụ chỉ dẫn cho khách hàng, cách nào đóng thuế ít nhất.

Có lẽ cũng phải nói một phần thuế khóa là di tích của thời phong kiến, một gánh nặng đè chặt trên đầu kẻ cùng đinh nô-lệ, nên trong thâm tâm nhân dân vẫn ghét thuế và trốn thuế. Dưới thời thực dân, trốn thuế đình, một thứ thuế man rợ đánh trên đầu người, còn là một hành-vi cách-mạng nữa.

Trong tâm-trạng tương-tự, chỉ có một số người lương-thiện nhất, hay gọi là ngốc nghếch cũng thế, và những kẻ không thể nào trốn thuế được, là phải đóng thuế.

Mặc dầu là thuế định xuất, hoặc thuế phân-bổ mục-dịch của thuế khóa vẫn là thu một số bạc cần thiết để quốc gia

chi phí trong một năm. Căn cứ vào chi phí thực sự trong các năm qua, quốc gia có thể dự tính các chi phí cho năm tới để sửa đổi các sắc-thuế cũ, hoặc ấn-định các sắc thuế mới.

Lẽ ra số tiền chi phí của Quốc-gia phải phân bổ đồng đều cho toàn dân, người giàu tương đối đóng nhiều hơn người nghèo, người chỉ hưởng-thụ óng nhiều hơn người hy sinh vì xã-hội, dân-tộc. Nhưng, vì sự ần lậu thuế khóa, nên gánh nặng quốc-gia chỉ đè lên đầu một phần dân chúng. Chi phí quốc gia càng tăng cao, thuế xuất phải tính lại, thời chỉ những người khai thuế phải chịu thuế nặng hơn còn những người trốn thuế lại càng thoát ra ngoài vòng thuế-vụ. Nên sự bất công thuế khóa mỗi ngày một tăng, và nạn nhân mỗi ngày một cực hơn.

Muốn tiến đến nền dân chủ thật sự chúng ta phải xét lại toàn bộ chính sách thuế khóa tại Việt-Nam về cách phân chia ra các sắc thuế cũng như về cách hành thu, và phải xét lại trước khi đặt ra bất cứ sắc-thuế nào mới, hoặc tăng bất cứ thứ thuế cũ nào.

oOo

Người Việt Nam đã đóng thuế ra sao ?

Chúng ta hãy lấy niên-khoá 1960 làm căn bản, khi mà tình hình an ninh còn khả quan và đời sống kinh tế, xã-hội còn bình thường, chưa bị xáo trộn.

Các sắc thuế cổ-điền gồm có : Huê-lợi : 560 triệu, Điền-thồ : 148 triệu — Môn bài : 110 triệu.

Thuế gián thu, gồm thuế sản-xuất, tiêu thụ, xa xỉ, 3.271 triệu, (trong số có 2.087 triệu là thuế sản xuất, đánh vào hàng nhập-cảng, mặc dầu không sản-xuất tại Việt-Nam!)

Quan-thuế : 2.181 triệu.

Công-quản : 1.478 triệu (trong số có 842 triệu về thuế rượu bia, nước hơi, thuốc điếu).

Tiền thu về trước bạ là 600 triệu, về hành-chánh là 755 triệu. Ngoài ra cũng còn phải kể 350 triệu thu thêm trên các loại dầu nhập cảng.

Tổng cộng số tiền dân chúng đóng góp vào khoảng 9 tỷ 500 triệu.

Thuế điền thổ.

Con số 148 triệu thật là khiêm nhường và so sánh với tổng số thuế, chỉ bằng 1,56 %. Nhìn qua số nhà và ruộng trồng cấy chúng ta thấy :

| | |
|---------------|---------------|
| Ruộng lúa : | 2.400.000 mẫu |
| Cao su : | 135.000 mẫu |
| Trà, cà phê : | 20.000 mẫu |
| Dừa : | 43.000 mẫu |
| Bắp : | 36.000 mẫu |

Khoai lang, mì,

đậu phụng-nành-xanh : 151.000 mẫu

Rau cải : 9.000 mẫu

Cây ăn trái, luôn cả chuối : 56.000 mẫu

Về nhà ở, riêng về Saigon có 89.000 nhà, chưa kể trên 40 tỉnh và thị xã.

Tiền thuế trung bình mỗi mẫu ruộng là 50đ một năm, mỗi mẫu vườn 150đ. Thuế thổ trạch mỗi thước vuông trung bình 0đ40, thuế tỷ lệ trên giá cho thuê nhà là 6% tính trên tiền cho thuê hàng năm được khấu trừ 25%.

Với 2.400.000 mẫu ruộng, 198.000 mẫu cây kỹ nghệ, 252 000 mẫu hoa màu, 90 000 nóc gia tại Đô-thành, với diện tích 40 cây số vuông, với giá cho thuê trung bình 2000đ một tháng, 60.000 nóc gia tại tất cả các tỉnh, với giá cho thuê phân nửa, thuế điện-thở tối thiểu phải thu được hàng năm là 330 triệu đồng.

Tại sao trong sổ thuế chỉ ghi đến mức 148 triệu đồng? Lý do thứ nhất, và cũng là sự bất công thứ nhất, là lý do thất thu. Nhiều nơi không thu được thuế, nên mặc dầu luật lệ đồng đều cho mọi người, nhưng có những trạch chủ phải đóng thuế và có những trạch chủ không phải đóng thuế thổ trạch; có những chủ ruộng phải đóng thuế và có những chủ ruộng không phải đóng thuế ruộng vườn.

Bất-công thứ hai, nằm ở chỗ ấn-định giá thuế cho mỗi nóc gia, mỗi mẫu ruộng vườn.

Ruộng thượng hạng, xếp xuống hạng ba, bớt từ 85đ xuống 35đ. Ruộng hạng tư kéo lên hạng nhất, từ 20đ phải đóng thêm 65đ nữa.

Còn 90.000 nóc gia là 90.000 giá biểu khác nhau. Tùy theo cảm tình của người thu thuế, tùy theo sự khôn khéo của người đóng thuế, tùy theo hoàn cảnh, mỗi nóc gia đóng thuế khác

nhau và sự oan ưong, chỉ còn biết có kêu trời cho thấu. Làm sao ấn định giá cho thuê nhà để tính thuế cho công bằng và sát thực tế? Nếu chính sở-hữu-chủ xây cất và sinh sống trong nhà mình, không bao giờ đem cho thuê — Nếu nhà cửa thuộc về loại cho sang, tiền tăng cao thì giá cho thuê hạ, tiền tăng hạ thì giá cho thuê cao — Rồi còn những nhà xây cất trước năm 1947, không được phép tăng giá — Rồi còn những nhà đất bị trưng dụng với giá cả cho thuê tượng trưng?

Vì những sự bất công và khó khăn của việc hành thu thuế thổ-trạch quá rõ rệt, nên năm 1962, Bộ Tài Chánh phải đoạn tuyệt với cách thức tính thuế bất nguồn do các tập tục thu thuế theo giá cho thuê nhà xuất hiện từ thời quân chủ bên Pháp.

Việc cải cách thuế thổ trạch năm 1962, cũng chẳng phải thực hiện theo một tinh thần cách mạng hay xã hội nào, mà chính vì thiếu tiền. Tình hình an ninh đòi hỏi nhiều chi phí hơn, trong khi ngoại viện lại co rút vì Chính phủ Mỹ không đồng ý với Chính phủ Việt Nam về chính sách chính trị áp dụng. Phải đối phó với chiến tranh chống Cộng, mà không được Mỹ gia tăng viện trợ, thời chỉ còn cách là bỏ thêm thuế vào đầu dân. Cải cách tất phải đòi lột tiền bộ hơn, cách mạng hơn.

Thuế thổ trạch mới, đánh theo lối Huê Kỳ và Anh, được trình bày như một "khí cụ tài chánh, công bằng mềm dẻo và sắc bén". Nó trở thành

một thứ thuế phân bổ. Nếu Chính phủ cần thêm 400 triệu bạc thuế thổ trạch tại thủ đô, số tiền đó sẽ phân chia cho 90.000 nóc gia phải đóng. Đóng ít hay nhiều là tùy thuộc vào giá trị của bất động sản. Nhà đáng giá 1 triệu, phải trả thuế gấp 10 lần nhà đáng giá 100.000đ. không cần biết nhà đó là do gia chủ ở, hay cho thuê, hay bỏ không. Nguyên tắc thật là giản dị và công bằng. Nhưng áp dụng vào thực tế, lại lòi ra không biết bao nhiêu là trường hợp phải xét lại, phải áp dụng những giải pháp chước giảm: bất động sản bị trưng dụng — bất động sản không được tăng giá thuê mướn — bất động sản bị dịch quyền — bất động sản bị chiếm cứ, xây cất bất hợp pháp — bất động sản dùng phát triển công-kỹ-nghệ v.v...

Không kể tới đặc-khoản dành cho tư sản cơ-bản, nghĩa là một thửa nhà đất, diện tích dưới 150 thước vuông, là bất động sản duy nhất của sở-hữu-chủ, dùng để tự mình hay cho vợ con trú ngụ và sinh sống. Nguyên một định nghĩa giải lê-thê, cũng đã co dẫn bất thường, và áp dụng khó khăn rồi.

Lại việc « đánh-giá » bất động sản mới là chuyện nan giải: Lấy tiêu-chuẩn nào để ước lượng? Căn cứ vào giá xây cất hiện tại hay 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, vài ba năm trước? Ước lượng ngày hôm nay đúng, ngày mai có thể đã sai rồi.

Một căn phố, tùy theo người đối

thoại, nói giá 200.000đ hay 400.000đ hay 600.000đ người ta cũng có thể tin. Nếu gia chủ cao hứng tuyên bố ngân ra vài ba phòng cho Mỹ mướn, thì trị giá đến 1 triệu cũng chẳng sao. Nhưng khi khai giá để đóng thuế, tất phải lấy giá năm xưa năm xửa, hồi mà rau muống còn năm cắc một mớ.

Rút cục lại, 90.000 nóc gia, vẫn là 90.000 thuế xuất, và việc đóng thuế vẫn là việc điều đình giữa người thầu thuế và người nộp thuế.

Thuế lợi tức

Những người phải đóng thuế lợi tức thường chỉ than rằng các khoản chước-miễn về gia cảnh không còn phù hợp với giá sinh hoạt.

Trên số huê lợi hoặc lương bổng kiếm được trong một năm, người trả thuế được miễn trừ 30.000đ về bản thân, 15.000đ cho vợ hoặc chồng, 5000đ cho mỗi đứa con phải cấp dưỡng, và 3000đ cho cha mẹ hoặc ông bà.

Từ khi ban hành sắc thuế cho tới nay, đời sống đã tăng lên gấp ba, bốn lần, mà khoản chước miễn vẫn không thay đổi nên không còn làm tròn được nhiệm vụ giảm bớt gánh nặng thuế má cho những người nghèo, ít lợi tức, nhất là khi phải nuôi nấng vợ con, cấp dưỡng cho cha mẹ.

Muốn cho chính sách thuế khóa được công bình, ít nhất cũng phải tăng gấp đôi các khoản chước miễn: 60.000đ

cho người trả thuế, 90.000đ nếu có gia đình, 10.000đ cho mỗi đứa con và 6000đ cho cha mẹ phải cấp dưỡng.

Theo một tập tục rất đẹp của nền luân lý cổ truyền, nếu chẳng may cha mẹ mất sớm, người anh hoặc chị lớn phải đứng ra nuôi dưỡng các em, nhiều khi phải hy sinh cả hạnh phúc cá nhân để sống độc thân làm tròn nhiệm vụ huynh trưởng.

Nhưng, theo đúng sách vở thuế khóa của nền văn minh tây phương, cá nhân và vị kỷ, đề đền đáp lòng hy sinh của các vị trưởng gia đình này, sở thuế đã không cho khấu trừ về gia cảnh, mà còn đánh thêm 20% thuế đối với những huynh trưởng trên 30 tuổi.

Một điều nữa, người đóng thuế cũng thường kêu ca, là đóng hai lần thuế trên một số lương bổng hoặc lợi tức. Đó là thuế lợi tức và thuế tổng hợp lợi tức. Thực ra, đánh hai lần thuế là một sự tinh vi của sở thuế để áp dụng nguyên tắc lũy tiến. Sau khi đã đánh sơ qua một lượt, với một thuế xuất rất nhẹ, sở thuế mới lược lại lần thứ hai chia lương bổng thành từng phần nhỏ, để đánh thuế xuất vừa nặng vừa lũy tiến. Như vậy người ít lợi tức sẽ đóng ít hơn người giàu rất nhiều.

Tỷ dụ ông A kiếm được 10.000đ và ông B kiếm gấp đôi mỗi tháng. Nếu thuế xuất là 10%. A sẽ phải đóng 12.000đ và B 24.000đ. Cộng là 36.000đ thuế.

Thi hành nguyên tắc lũy tiến và sau khi chước giảm 30.000đ cho người trả thuế, trên số lợi tức còn lại, sở thuế đánh thuế lợi tức theo thuế xuất :

Dưới 50.000đ, trả 1% thuế. Từ 50.001 đến 100.000đ, trả 2%, và trên 100.000đ trả 5% thuế.

A phải đóng 1300đ và B 7000đ thuế lợi tức.

Lược lại lần thứ nhì, sở thuế chia 100.000đ đầu tiên thành 10 phần, cứ mỗi phần tăng thêm 1% thuế. Nghĩa là từ 90.001đ đến 100.000đ phải đóng 10% thuế. Từ 100.001 đến 200.000đ phải đóng 15% thuế và từ 200.001đ đến 300.000đ, phải đóng 20% thuế.

Như vậy A phải đóng thêm 4.500đ thuế và B. phải đóng 24.500đ thuế tổng hợp lợi tức.

Rút cuộc A. phải đóng 5.800đ và B. 31.500đ.

Với số tiền lợi-tức gấp đôi, B phải đóng thuế gấp 5 lần hơn.

A phải đóng gần 5% lợi-tức và B, trên 13% lợi-tức.

Ngược lại, điều đáng kêu-ca nhất, trong thuế lợi-tức, lại rất ít người chú trọng tới. Tổng số thuế lợi tức là 560 triệu. Nếu tất cả mọi người đáng lẽ phải chịu thuế đều đóng thuế, thì thuế xuất sẽ giảm đi phân nửa, hai phần ba, và có khi còn hơn thế nữa.

Mỗi năm chúng ta nhập-cảng 200 triệu mỹ-kim hàng-hóa. Mỗi môn-bài

nhập-cảng lớn bù bé đem giao cho hoa-thương Cholon khai-thác « giùm » cũng được 1 triệu đồng. Rõ-ràng là mỗi mỹ-kim nhập-cảng phải đem lại cho thương gia tối thiểu 60đ tiền lời 200 triệu là 12 tỷ lợi tức.

Về phía thuế-xuất, ta thấy : Công-ty, Pháp-nhân, phải đóng thuế : 24%, tư-nhân kinh-doanh : 16%. Ấy là chưa kể thuế-xuất lũy-tiến, trên 500.000đ phải 35% và trên 800.000đ, phải đóng 50% thuế tổng-hợp lợi-tức.

Nguyên các nhà Ngân hàng, mười nhà cũng lời 800 triệu đồng một năm.

Còn tất cả các xí-nghiệp kỹ-nghệ thương mại Pháp, các xí nghiệp Trung Hoa, các Chủ Chà cho vay nợ.

Vì tư bản tại Việt-Nam này, 9 phần 10 là ở trong tay ngoại kiều và sự trốn thuế cũng ngang với tỷ lệ đó, nên chúng ta có thể kết luận một cách không hoang đường là số thuế lợi tức phải ở trong mức từ 4 đến 6 tỷ, so với số lợi tức sồi từ 20 đến 30 tỷ một năm.

Những con số trên đây, khiến người ta phải mơ màng suy nghĩ. Nghĩ quanh quẩn rồi thấy ở Việt Nam này cái gì cũng đáng là đề tài để tranh luận. Ở nước ngoài, người ta dùng đủ trăm phương ngàn kế để quyến rũ du khách, vì du khách là con mồi béo bở đi đến đâu rắc vàng ra đến đó. Còn tại nước mình, có ba trăm ngàn du khách ở thường xuyên dân chúng lại kêu trời như bọng.

Siu siu, mỗi du khách cứ trả cho mỗi ngày 10 mỹ kim về các sự vụ cung cấp, một năm cũng đem cho dân chúng một nguồn lợi tức là 129.210.000 000 đ. Đúng vậy, 129 tỷ 210 triệu đồng. Con số này làm cho người ta phải say chớ không phải chỉ mơ màng mà thôi.

Tại sao dư luận và báo chí lại phải lên tiếng ngăn cản người Mỹ đừng tung tiền, đừng sài hoang phí nữa ?

Tại sao lại có chuyện mâu thuẫn đến phi lý như vậy ? Khác nào con mồi dẫn thân tới cho làm thịt mà người đi săn lại chỉ mũi súng xuống đất như nhà tang tóc ? Hay tại dân Việt-Nam giàu quá rồi ? Nhất định là không phải. Trừ một số rất ít giai-cấp mới, lên hương, còn đại đa số nhân dân đều than phiền đời sống kinh tế khó khăn. Nhiều người chịu đựng đã không nổi, và nhiều thảm kịch đã xảy ra.

Hóa ra, du khách không đem thịnh-vượng lại cho địa phương ư ? Lỗi đâu phải tại du khách ? Phần trách cứ là do cơ quan du lịch đã không lo điều hòa các hoạt động phục-vụ cho du-khách, khiến cho đời sống xã hội bị xáo trộn. Cũng như nước nguồn chảy xuống, nếu khéo đắp đê, đào kinh, dẫn thủy nhập điền hời ruộng nương tươi tốt, xóm làng sẽ phồn thịnh. Nếu để nước lũ cuồn cuộn chảy, tàn phá tan hoang thì ruộng dâu thành biển cả và xóm làng phải phân nát.

Thiếu kế-hoạch, thiếu chuẩn-bị, thiếu tổ chức, là ba khuyết điểm đã khiến cho nhân dân không được hưởng hậu quả tài-chánh tốt đẹp

của sự hiện diện quân đội Mỹ. Nhân dân thu hút số lợi tức khổng lồ 129 tỷ, chính phủ cũng mất thu luôn thuế huê lợi 26 tỷ, số tiền thừa thãi để trám tất cả các lỗ hổng của Ngân sách Quốc-gia.

Nhưng trẻ còn hơn không và cũng là cao tay ấi nữa, chính-phủ nên tìm cách phát triển kỹ nghệ du-lịch khiến cho nhân dân bán được nhiều sự vụ, khách ngoại-quốc được đầy đủ tiện-nghi, lợi-tức quốc gia tăng tiến gấp đôi, và sở thuế cũng quân-bình được ngân sách, theo chiều-hướng tiến-bộ : dân-chúng giàu có thêm và vui vẻ đóng thuế.

Còn hơn là phải dùng những kẻ « gà què ăn quần cối xay », tăng thuế xe, tăng thuế nhà, tăng thuế la-de, nước ngọt. Dân chúng vừa phàn-nàn, số tiền thu cũng không giải-quyết được gì hết vì lỗ thủng quá lớn.

Có lẽ chúng ta còn chịu ảnh-hưởng của thời thuộc-địa nhiều quá, nên tư tưởng đã ăn sâu vào trong đầu óc chúng ta như những giáo-điều bất khả xâm-phạm. Chúng ta nhìn nhận cả một hệ-thống thuế-khóa cũ, không xét lại toàn bộ xem có thích hợp với nền độc-lập quốc gia, sự chiến đấu của dân-tộc giữa các ý-thức-hệ Trẻ đối-lập để tìm lấy con đường sinh-tồn, và có làm cản trở bước tiến của xã hội hay không ? Chúng ta chỉ nghiên cứu, sửa-đổi về chi-tiết, để kiếm thêm tiền bù đắp lỗ hổng ngân-sách. Và các cố-vấn ngoại-quốc nếu có, mỗi khi muốn cải-thiện một sắc thuế nào, dĩ-nhiên lại đem so-sánh ngay sắc thuế

tương-tự ở nước họ, để rút ra những lời khuyến-cáo. Chưa bao giờ chúng ta được nghe một bản nghiên-cứu về chính sách thuế khóa nên áp-dụng trong hoàn cảnh giống như nước ta : nông-nghiệp, chậm-tiến, phải cải-tiến kinh-tế giữa cuộc chiến đấu tiêu-diệt du-kích phá-hoại.

Các sắc thuế gián thu

Thuế điền thổ, thuế huê lợi, lẽ ra phải là những sắc thuế quan trọng nhất để thực hiện công bằng thuế khóa theo cả hai nghĩa, công bằng tuyệt đối và công bằng tiến bộ. Nhưng vì người đóng thuế phải chịu gánh nặng trực tiếp, không thể san sẻ cho ai được nên cách hành thu bao giờ cũng gặp khó khăn. Nhất là trong nước thuộc địa, khi mà tư bản, tài sản, và lợi tức lớn-lao nhất đều ở trong tay đế quốc thống trị, như là Pháp, hoặc các sắc dân liên minh với đế quốc như mại bản Trung hoa, Sét ty Chà.

Do đó, thuế điền thổ, thuế huê lợi hầu như chỉ còn tính cách tượng trưng. Nếu sở thuế công bố số tiền đóng góp của công dân, ngay trong các nghề nghiệp tự do, xưa rầy vẫn được kính trọng như thượng lưu trí thức, như luật sư, bác sỹ, chắc chắn dân chúng phải mỉm cười, vì số huê lợi của các nghề đó khiêm nhượng quá cỡ. Còn những huê lợi của ciment 300đ một bao, sữa 25đ một hộp vv... mỗi tháng cả tỷ bạc đầu cơ chợ đen, thì không sở thuế nào công bố nổi rồi.

Muốn thu thuế thực dân dùng giải pháp dễ dàng lười biếng hơn hết là hình thức gián thu. Dầu là Quan thuế Công quản, Sản xuất, Tiêu thụ, Xa xỉ, Môn bài, hay con cò, con niêm gì chung qui vẫn là những thuế do người tiêu thụ, quảng đại quần chúng phải chịu đựng. Tại thuộc địa, tài nguyên cung cấp cho Ngân sách là do Quan thuế, vì thuộc địa chỉ là một nơi cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ các hàng hóa do quốc gia thống trị sản xuất. Cũng đôi khi người ta nói đến thiết lập một vài kỹ nghệ tại xứ thuộc địa, nhưng thực dân dùng đủ mọi hình thức giầy tờ khó khăn để làm nản lòng những người có thiện chí xây dựng kỹ nghệ và chính tư bản thống trị lại xuất vốn đầu tư những ngành nào lợi lộc nhiều hơn hết. Các công ty lớn, làm cầu cống, đường xá, đại công trường, đóng tàu bè, xà lan v.v... đều mang những tên như CARIC, EIFFEL, DRAGAGE v.v... Làm gì có Công ty Mít, Xoài, Ổi, len được chân vào.

Mỗi lần cần tăng thu Thực dân chỉ việc lựa chọn một vài thứ hàng hóa nhập cảng, gia tăng sắc thuế là chắc chắn thu ngay được tiền. Còn hàng sản xuất trong nước lại tăng các thứ như thuốc phiện R.O, rượu Phong tên R.A, thuốc diều Cotab, Job xanh đỏ, Bastos là biện pháp dễ dàng hơn cả.

Tinh thần thuế má thuộc địa vẫn còn tồn tại cho tới năm 1960, và trên số tiền thu cho Ngân sách là 9 tỷ 500

triệu có tới 8,50/0 là các sắc thuế gián thu đánh trên hàng hóa bán cho dân chúng tiêu thụ. Người ta có thể ngạc nhiên, vì nước đã độc lập, sao vẫn chưa thay đổi hệ thống thuế khóa. Nhưng trong lãnh vực nào cũng tương tự. Luật lệ báo chí vẫn là luật lệ ban hành từ ngày Tây hạ thành Hà Nội, các bộ Dân luật, Hình luật vẫn là luật từ thời Phong kiến, Thực dân.

Còn phải một thời gian rất lâu chúng ta mới hy vọng xóa bỏ được những thành kiến, những lề lối sinh hoạt cũ. Trong hiện trạng người ta chỉ chịu đựng, hoặc tìm cách tránh né, theo đúng phương châm của Pháp: «Luật lệ làm ra là cốt để... bị qua mặt».

Từ khi lật đổ chế độ vua quan, các cuộc cách mạng Dân chủ trên Thế giới đều nêu cao khẩu hiệu « Chính phủ là của dân » và « Chính quyền là do dân, vì dân và bởi dân ». Rồi đến chế độ cộng sản lại càng đánh trống đánh mõ về tính chất dân chủ của chính quyền : Thuế khóa là do dân định đoạt lấy, họp hội nghị mà tự bình nghị thuế xuất.

Nghe thì xướng tai lẩm. Năm 1952 phong trào bình nghị thuế được phát động tại những vùng an ninh ở Liên khu III và IV. Các thị trấn « nắm » mọc theo dọc đường giao thông, như « Nho quan », « Phố Cát », « Phù Quảng », « Rừng Thông », « Phố Nhồi » v.v... là những thị điểm quan trọng nhất. Nhân dân các thành phố bị tiêu thổ kháng chiến, ở vào hoàn cảnh nhà tan cửa nát, với hai bàn tay

trắng, đã dựng nên những quán hàng, lều tranh vách đất, sinh sống vất vưởng nhờ buôn hàng « chợ trời », hàng thập cẩm, hàng từ vùng tề xâm nhập vào. Họ là dân phá sản, nhưng cũng còn có đồng ra đồng vào nên họ phải là nạn nhân đầu tiên của việc bình nghị thuế. Một số ít còn mỗi được tung ra đề xin đóng thuế xuất rất cao — bao giờ chả vậy, những người nào ít đóng thuế nhất lại hay hô hào tăng thuế nhiều hơn cả — Rồi mới tới giai đoạn đấu tố, nhà nào thấp cổ bé miệng hơn hết phải « tình nguyện » đóng những thuế xuất thật cao. Và tan cuộc bình nghị là dân chúng sửa soạn về « thành » vì không sao chịu thấu các sắc thuế cực kỳ « dân chủ » đó.

Sách công dân giáo dục nào cũng nói đóng thuế là một bổn phận, là « một sự vinh dự » của công dân một nước độc lập. Nhưng « công dân » rất ít thông cảm với Chính phủ về chính sách thuế vụ, nhất là trong trường hợp thuế vụ không phải do đại-diện nhân dân biểu quyết.

Suốt bốn ngàn năm văn hiến, dân Việt Nam chưa bao giờ được nói lên nguyện vọng trung thực nhất về hệ thống thuế khóa và cách đóng góp của mỗi cá nhân. Người dân chỉ biết cúi đầu đóng thuế, và ngơ ngác như « con nai vàng » trước những sự thay đổi thuế rất đột ngột và rất « tài tử ». Những bậc công chức mẫn cán, nhiều khi phát cáu, chê dân-chúng ngu dốt, không hiểu gì về các sự tinh vi của hệ

thống viện trợ Mỹ, và các nỗi khó khăn, khổ tâm của sở ngân-sách, trong việc vá víu chi thu, và trám bót lỗ hồng ngân quỹ mỗi ngày một phá to ra. Dân chúng rất thấu rõ công lao của quý vị. Có ai dám nói « mần chính quyền » là xướng, là dễ đâu ?

Nhưng, nếu chính phủ có quyền đòi hỏi một sự ổn định chính trị, nếu ổn định kinh tế là một điều-kiện tiên quyết để đem lại Hòa-Bình cho Việt Nam, thì người dân cũng có quyền đòi hỏi ổn định về thuế khóa. Việc tìm hiểu nguyện vọng người dân về phương diện thuế khóa, kinh tế, cũng quan trọng ngang việc tìm hiểu nguyện vọng chính trị.

Mục tiêu chính yếu vẫn là tranh thủ nhân tâm và hoạt động của chính phủ phải hướng về chiều « bình thường hóa » đời sống, bất cứ về phương diện gì, chính trị, kinh tế, văn hóa hay thuế khóa cũng vậy.

Một chính sách thuế khóa, thực sự dân chủ, do những người đại diện thực sự cho nhân dân quyết định, phải giải đáp các thắc mắc về thuế đánh trên sự tiêu thụ, vì thuế tiêu thụ do toàn dân gánh vác, không kể già trẻ lớn bé, giàu nghèo sang hèn gì.

Thuế môn bài.

Mỗi người muốn hành một nghề nào, phải đóng thuế môn bài, « dầu kết quả của sự thực hành ấy ra sao cũng mặc » (Qui điều Quốc gia về thuế môn bài). Riêng về bảng B cũng đã liệt kê 743

nghe, kể cả những nghề làm cầm như Ả-đào (Nhà hát) — Bói, coi tướng — Bán cỏ tươi — Bán Đồ lạ — Bán giẻ rách v.v...

Khi phải đóng thuế môn bài, người dân chỉ tìm cách khai làm sao cho thuế chính cung và thuế tương phối tính cho ít, còn thiên hạ, ai đóng nhiều, ai đóng bất công cũng mặc.

Người dân cũng không tự hỏi, tại sao phải đóng thuế môn bài, khi mà hiến-pháp mới nào cũng đảm bảo cho người dân phải có công ăn việc làm.

Nếu sau này thuế môn bài còn tồn tại, chắc chắn chỉ có những xí nghiệp, công ty có một tầm hoạt động khá quan trọng mới phải đóng thuế và đóng một cách đồng đều hợp lý, tránh khỏi những sự bất công đầy rẫy trong hiện trạng.

Quan thuế.

Tất cả các sắc thuế đánh vào hàng nhập cảng, bất luận dưới hình thức nào, đều phải coi là quan thuế. Một chiếc xe du lịch bình thường giá hai ngàn Mỹ kim, cộng cả tiền chuyên chở, lẽ ra phải bán 70.000 đồng bạc Việt nam. Một thước vải len giá 2 Mỹ kim, phải bán 70 đồng, nếu không có quan thuế. Và xóa bỏ hàng rào quan thuế cũng là mục đích của thị trường chung Âu châu. Muốn nâng cao mức sống của nhân dân, muốn đem lại sự phồn thịnh cho các quốc gia liên kết, nhờ sản xuất nhiều, trao đổi nhiều hàng hóa, tất phải lập thị trường chung.

Dân Việt Nam chưa dám mơ tưởng

đến việc xóa bỏ quan thuế, vì mức sản xuất còn kém, lợi tức quốc gia ít ỏi, và kinh tế còn lệ thuộc vào nước ngoài: tư bản còn ở trong tay ngoại kiều và ngân sách phải do ngoại viện trợ giúp. Nhưng tất cả những sự tăng gia quan thuế đều phải coi như bước... giặt lùi.

Khi sự giao thông còn khó khăn, hàng hóa từ vùng này đem qua vùng khác, bán được cao giá, lời nhiều, nên các vua chúa phải đánh một số thuế để chia một phần lời với lái buôn. Đến lúc các quốc gia thành hình, sắc thuế này được tồn tại dưới danh hiệu quan thuế, và dùng để cung cấp tài nguyên cho ngân khố quốc gia. Với sự phát triển của tư bản máy móc, kỹ nghệ, hàng rào quan thuế còn có nhiệm vụ bảo vệ thị trường cho hàng hóa quốc gia. Tại các thuộc địa, quan thuế được sử dụng để bảo vệ quyền lợi tư bản mẫu quốc: hàng hóa ở chính quốc đem qua, được bán giá rẻ, còn hàng hóa ở nước khác đem tới, chịu quan thuế nhiều, giá cao, không thể cạnh tranh được.

Khi nước thuộc địa đã trở thành độc lập, và được Thế giới tự do viện trợ để chống lại sự phá hoại của du kích, như trường hợp Việt Nam, hàng rào quan thuế còn có tác dụng nào không?

Về tác dụng cung cấp tài-nguyên cho Ngân sách, thời «éch nào chẳng là thật». Giả sử Ngân sách cần cung cấp 7 tỷ bạc, thì chúng ta yêu cầu Ngoại-viện trợ giúp cho 200 triệu Mỹ-kim. Số ngoại tệ này được Ngân hàng trung gian bán

cho các nhà nhập-cảng để mua hàng-hóa tại... Mỹ chẳng hạn. Số bạc Việt Nam, 7 tỷ được Ngân hàng trung gian giao lại cho Quỹ Đối-giá để xung vào Ngân sách. Trường hợp này, không cần phải đánh quan thuế và xe hơi sẽ bán 70.000 đồng, vải len 70 đồng một thước.

Nếu Ngoại viện chỉ trợ cấp 100 triệu Mỹ kim, dĩ nhiên Quỹ Đối-giá chỉ thu được 3 tỷ 5 và muốn cung cấp 7 tỷ cho Ngân sách thì phải đánh thuế quan 100% vào hàng nhập cảng để thu thêm 3 tỷ 5 nữa. Lúc đó, xe hơi phải bán 140.000đ và vải len 140đ. một thước.

Viện trợ ít thì quan thuế nhiều và viện trợ nhiều thì quan thuế ít. Vấn đề quan trọng không phải là dùng quan thuế để quân bình ngân sách quốc gia, mà chính là điều đình về ngoại-giao để được viện trợ đầy đủ. Quốc gia viện trợ cho chúng ta phải giải quyết một vấn đề hoàn toàn chính trị : nên viện trợ tới mức nào để tranh thủ nhân tâm, ổn định kinh tế, phát triển kỹ nghệ tại Việt Nam.

Vai trò cung cấp tài nguyên cho Ngân sách, dĩ chẳng phải là vai trò chính, thì chúng ta tăng giá-biểu quan thuế làm chi ? Chẳng thà tranh đấu, giải thích cho cơ quan ngoại viện thông cảm các nhu cầu chính yếu của chúng ta để vãn hồi an ninh, tiêu diệt du kích.

Còn nhiệm vụ bảo vệ cho kỹ-nghệ quốc gia trong buổi phôi thai, có cần lập hàng rào quan-thuế không ?

Quốc gia nào, muốn hùng mạnh cũng phải phát triển kỹ nghệ. Khi thiết lập

một kỹ nghệ mới, sản phẩm còn thua kém về chất, lại cao giá hơn sản phẩm ngoại quốc, tất phải dùng quan thuế để ngăn cản sự cạnh tranh khỏi bóp nghẹt kỹ nghệ trong nước. Biện pháp mạnh hơn nữa, là ngăn chặn hẳn không cho nhập cảng các sản phẩm có thể sản xuất trong nước.

Cả hai loại biện pháp đều được dùng ở Việt Nam, và kết quả là giới tiêu thụ đã kêu trời về những đồ phụ tùng xe gắn máy sản xuất trong nước : kéo thẳng thì thẳng đứt, đạp bàn đạp thì bàn đạp gãy, bóc bánh xe thì cao xu lột từng lớp như mụn ăn da non.

Không chúng ta không nên và không cần sử dụng tới hàng rào quan thuế. Với sự giúp đỡ về kỹ thuật của các nước viện trợ, với sự nhập cảng các máy móc tối tân, kỹ nghệ Việt Nam có thể vượt qua giai đoạn ấu trĩ. Hãy xem nhà máy dệt ở Đà Nẵng. Rất ít quốc gia có thể tự hào có những máy móc tối tân như vậy, vì chúng ta mua về những máy tối tân nhất của Nhật, của Đức, của Ý, trong khi chính tại các Quốc-gia đó, các nhà máy dệt còn phải dùng một phần máy mới, một phần máy cũ. Tất cả các nhà máy khác tại Việt Nam cần được xây dựng trong một tinh thần tương tự : đầy đủ vốn liếng, máy móc, kỹ thuật. Với sự cần cù, nhẫn nại, khéo léo, với óc thông minh, sáng tạo của dân tộc Việt Nam, chắc chắn chúng ta sẽ thắng được trong cuộc đua tranh với các kỹ nghệ tiên tiến ngoại quốc.

Mặt khác, chúng ta phải lựa chọn, không thể thiết lập bất cứ kỹ nghệ nào

với bất cứ giá nào, mà phải xây dựng những kỹ nghệ, do hoàn cảnh thiên nhiên, chúng ta có đủ điều kiện, nguyên liệu để chế tạo hàng hóa rẻ hơn và có thể xuất cảng trong vùng Đông Nam Á châu. Vì sớm muộn gì, chúng ta cũng sẽ ở trong một thị-trường chung với các quốc gia tự do Đông Nam Á, và ngay từ bây giờ chúng ta đã phải chọn lựa những ngành kỹ nghệ thuận lợi nhất, vừa chịu đựng được sự cạnh tranh, vừa thỏa mãn nhu-cầu các quốc gia bạn, vừa tránh khỏi những thảm kịch như tại nước Pháp nông phẩm bê bối làm cho Pháp khó hòa mình với thị trường chung Âu Châu.

Như vậy cả hai nhiệm vụ, cung cấp tài nguyên và bảo vệ kỹ nghệ đều không cần thiết ở Việt Nam, và hàng rào quan thuế, lẽ ra, không có lý do gì để tồn tại.

Nhưng chủ trương xóa bỏ quan thuế là một tội « phạm thượng » nặng ngang tội của Galilée, thời Trung cổ dám quyết đoán trái đất xoay quanh mặt trời, trong khi các bậc thông thái giảng dạy mặt trời xoay quanh trái đất. Vậy để khỏi đụng chạm tới những « giáo điều » về Quan thuế, xin Nhà nước cứ giữ lại các giá-biểu áp dụng năm 1954. Trung bình các sắc thuế đánh vào hàng nhập cảng là 60%. Trong giới hạn trên đây, và áp dụng đúng nguyên-tắc, « phải trả giá các sự sung sướng », hàng hóa thuộc loại cần thiết chỉ phải chịu giá biểu 10%, và hàng xa xỉ bậc nhất phải chịu giá 10 lần cao hơn là 100%.

Thuế sản xuất

Hàng hóa sản xuất trong nước phải chịu một sắc thuế là 6%. Điều đáng ghi là ngoại trừ thiểu số thực lương thiện, hoặc « lương thiện bất đắc dĩ », vì cung cấp hàng cho nhà nước, hầu hết các nhà sản xuất, đại đa số là người Việt gốc Hoa, đều trốn thuế hoặc khai rất ít. Kỹ nghệ đứng đần rất khó mà cạnh tranh nổi với lẽ lối luộm thuộm ba tầu, vì nhiều khi tiền lời chỉ đủ để đóng thuế sản xuất.

oOo

Sau khi điếm qua rất sơ lược việc thi hành các sắc thuế ở Việt Nam, mà các nét chính là :

1 — Hệ thống thuế-khoá phức-tạp, không hợp lý, không hợp với hoàn cảnh hiện tại của Việt Nam.

2 — Việc tính thuế và đóng thuế rất bất công. Người trốn thuế thì nhiều, người đóng thuế thì ít, và hầu như không bao giờ đóng đúng số thuế lẽ ra phải chịu. Người dân Việt Nam, đặt mình trong hoàn cảnh chiến tranh chống du kích, với sự viện trợ của các cường quốc tự do, nhận thấy chính sách thuế khoá cần được thiết lập trên một số nguyên-tắc căn bản.

Nguyên tắc phân chia tỷ lệ đóng góp.

Chiến cuộc tại Việt Nam quan trọng, không những vì lực lượng đối thủ có tính chất quốc tế — một bên là Việt, Mỹ, Đại Hàn, Úc, Tân tây Lan, Phi luật

Tân, một bên là Việt Cộng, Trung Cộng, Nga Sô, Tiệp Khắc, Hung gia Lợi — mà chính vì tính chất sống mái, giữa Thế Giới Tự Do và Chủ Nghĩa Cộng Sản.

Nếu Cộng Sản thắng thế, ở miền Nam này, nếu Mỹ phải rút lui, tất cả các nước nhược tiểu Á Phi, ngay cả các quốc gia Nam Mỹ, sẽ trở thành miếng mồi ngon cho Trung Cộng. Và sớm muộn rồi cũng đến lượt các quốc gia tự do, kể cả các quốc gia trung lập, dầu áp dụng chính sách đa điều, vùi đầu vào cát để khỏi trông thấy nguy cơ, dầu áp dụng chính sách con rùa, rút đầu rút chân, ẩn trong mai, giả chết để khỏi phải can thiệp vào việc bên ngoài.

Nếu chúng ta không tìm được một giải pháp để thắng du kích cộng sản, ở đây thì chế độ tự do, dân chủ trên Thế giới rồi cũng phải cáo chung, và dưới ánh mặt trời sẽ chỉ còn có Trung Cộng ngự trị. Do đó cuộc chiến đấu của chúng ta cũng là cuộc chiến đấu của Thế giới Tự do và chúng ta có quyền đòi hỏi Thế giới Tự do phải giúp đỡ cho chúng ta quân binh Ngân sách Quốc gia trong giai đoạn chiến đấu chống kẻ thù chung.

Không phải người dân ích kỷ, ươn hèn, chỉ muốn đóng góp ít, mà xin viện trợ giúp đỡ nhiều. Cuộc chiến hiện tại là chiến tranh ý thức hệ, nên bên cạnh biện pháp quân sự phải có nỗ lực chính trị để tranh thủ nhân tâm. Nếu chúng ta phải đóng góp tới mức vợ con đi bán bar, công chức đi cạnh tranh với giới chuyên chở rước mồi ngoại kiều, nhất định chúng ta không thể

chiến thắng. Ngay đương lúc chiến tranh, đại đa số nhân dân Việt Nam cũng phải được hưởng một đời sống hợp nhân cách, ấm no về vật chất, cao quý về tinh thần. Cho nên, chỉ có thể bó buộc nhân dân Việt Nam đóng góp tương xứng với khả năng. Trong Ngân sách Quốc gia, cần phải phân chia thành 3 lãnh vực rõ rệt : Chi phí thường xuyên — Chi phí phát triển kinh tế xã hội. — Chi phí chiến tranh.

Muốn chiến thắng du kích, muốn tranh thủ nhân tâm, trong hoàn cảnh kinh tế hiện tại, chỉ có thể bắt buộc nhân dân Việt Nam đài thọ những chi phí thường xuyên. Các chi phí này cũng không vượt quá 10 tỷ bạc một năm.

Về chi phí chiến tranh, — có thể lên tới 40 tỷ bạc — chúng ta phải yêu cầu Mỹ viện trợ cho đầy đủ. Tìm cách bắt dân Việt Nam phải gánh vác, dầu là một phần chi phí chiến tranh — chúng ta đã thấy trước mắt. — là làm sáo trộn đời sống kinh tế, hỗn loạn đời sống xã hội, khiến cho nhân tâm ly tán, dân chúng bài ngoại và không ủng hộ chính quyền.

Về khu vực các chi phí phát triển kinh tế, xã hội, chúng ta có thể yêu cầu tất cả các quốc gia bạn trong Thế giới tự do, tiếp tay ngõ hầu xây dựng được một nền kinh tế phồn thịnh, kỹ nghệ hóa và cơ giới hóa nông nghiệp đồng thời phát triển các tổ chức cứu tế, xã hội, và định cư nhân dân lánh nạn thống trị của Cộng sản.

Những đề nghị của người dân cũng không có gì là quá đáng và nhất định phải đặt ngay nguyên tắc phân chia tỷ

lệ đóng góp Ngân sách Việt Nam, nếu không muốn chiến tranh làm nhân dân Việt Nam phá sản.

Nguyên tắc ổn định thuế khóa

Trong thế chiến chống du kích, nhân dân vừa chiến đấu lại vừa phải xây dựng kinh tế. Ổn định kinh tế đã là một khẩu hiệu hoàn toàn được chấp nhận, thời ổn định thuế khóa cũng là mục tiêu thiết yếu. Nếu thuế khóa cứ nay tăng, mai tăng, làm sao ổn định được kinh tế? Làm sao yên được lòng dân?

Thử tưởng tượng người nào cũng ngồi chờ, hàng này tăng thuế, hàng kia tăng thuế, đề đầu cơ tích trữ trước làm áp phe, thời làm gì còn có chuyện phát triển kinh tế, xây dựng kỹ nghệ. Chính phủ phải có những kế hoạch ngũ niên, tam niên về kinh tế, thời cũng phải có đường lối rõ ràng về thuế-vụ để nhân dân yên tâm và các nhà kinh-doanh trú tính công việc cho tương lai.

Ít nhất chính phủ cũng phải bảo đảm trong thời gian thi hành kế-hoạch kinh tế, không có tăng thêm thuế má, Thuế xuất, nếu cần phải duyệt lại, cũng chỉ áp dụng cho những kế hoạch tương lai.

Trong chiến lược chiến tranh chống du kích, tất cả các hoạt động của chính quyền đều phải phối hợp và các biện pháp thuế khóa, không phải chỉ có ảnh hưởng tới một tầng lớp nào bị đánh thuế, mà còn ảnh hưởng luôn đến cả tinh thần chống Cộng của nhân dân. Bởi

vậy, cần phải ổn định thuế khóa để đem lại lòng tin tưởng cho toàn thể dân chúng: tin tưởng vào giá trị đồng bạc, cũng như tin tưởng chính quyền mỗi ngày một cải thiện đời sống vật chất, giữ vững cho giá hàng hóa được bình thường, và giá sinh hoạt không tăng cao.

Hai nguyên tắc phân chia tỷ lệ đóng góp, và ổn định thuế khóa thực ra lệ thuộc vào ngoại giao nhiều hơn là lệ thuộc vào thiện chí của Chính phủ. Muốn dân chúng đóng góp vừa phải, muốn giữ vững thuế-xuất mặc dầu chi phí an ninh tăng gia, Chính phủ phải điều đình với cơ quan ngoại viện để giải quyết tốt đẹp vấn đề.

Chúng ta hãy thẳng thắn mà trình bày với các quốc gia bạn, đừng có mặc cảm, vì phải nhận ngoại viện.

Ngoại quốc trợ giúp chúng ta, chẳng qua cũng chỉ là thực hiện một nguyên tắc vẫn được chấp nhận bên trong một quốc gia: « Tái phân phối lại lợi tức » hay là lấy của người giàu giúp cho người nghèo, trên phạm vi quốc tế.

Chúng ta cũng đóng góp phần chi phí thường xuyên và đã làm đầy đủ bổn phận của người dân, và chỉ yêu cầu giúp đỡ về chi phí vượt quá khả năng của chúng ta, để đối phó với một cuộc chiến tranh ý-thức-hệ, bảo vệ cho Tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và lẽ lối sinh hoạt dân chủ.

Giải quyết được vấn đề viện trợ, tức là giải quyết được vấn đề thuế khóa.

Dân chúng sẽ vui mừng khi thấy thuế khóa không còn đè quá nặng trên vai nữa.

Nguyên tắc hợp lý hóa các sắc thuế.

« Đóng góp đồng đều » và « đóng góp lũy tiến » dĩ nhiên là căn bản, là nền móng của chính sách thuế khóa. Nhưng muốn thực hiện việc đóng thuế cho công bằng, cho tiến bộ, không phải là chuyện dễ. Thực trạng có cả trăm ngàn sự bất công trong việc đóng thuế. Người dân trốn thuế, người dân đóng thuế bậy bạ, phần lớn là lỗi tại các sắc thuế không hợp lý. Trường hợp điển hình là thuế đánh vào máy khâu thanh. Vì thuế vô lý quá nên không ai chịu đóng, và rút cuộc cũng phải hủy bỏ đi. Một thí dụ tương tự là thuế di chuyển xe hơi. Bất động sản, như nhà cửa, đem bán cũng chỉ chịu xuất thuế tối đa là 18 0/0. Chuyện đó cũng đã vô lý rồi. Bán xe hơi lại phải chịu thuế tới 250/0 nên người dùng xe cứ việc sang tay cho nhau, không khai báo, trốn thuế, thế là xong.

Có lẽ chúng ta phải gạt hẳn quá khứ sang một bên và đem tất cả các sắc thuế cũ, hoặc do Pháp đặt ra, hoặc chịu ảnh hưởng của luật lệ tài chánh la tinh, xếp luôn vào viện Bảo tàng.

Và thiết lập một hệ thống thuế khóa hoàn toàn mới mẻ, hợp lý.

Chi phí thường xuyên của Quốc gia, ước lượng 10 tỷ bạc Việt Nam. Số thuế này, sẽ đem chia cho toàn dân đóng góp, theo khả năng và theo lợi tức.

Trở lại niên khóa 1960, chúng ta thấy thuế đánh trên sự tiêu thụ hàng hóa lên tới trên 8 tỷ 5. Tính trung bình miền Nam Việt Nam có 2.500 000 gia đình. Vậy mỗi gia đình hàng năm trả hết 3.400 đồng thuế tiêu thụ. Còn về thuế lợi tức, mỗi gia đình phải trả có 230 đồng.

Thuế vụ sẽ đạt được mức lý tưởng, nếu chỉ đánh vào lợi tức. Đề cung ứng 10 tỷ bạc cho Ngân sách mỗi gia đình người dân sẽ đóng góp 4000 đồng. Với tính chất lũy tiến, người giàu đóng nhiều hơn người nghèo, với tình trạng hầu hết tư bản tài sản nằm trong tay ngoại kiều, đại đa số gia đình Việt Nam sẽ chỉ phải đóng vào khoảng 500 đồng, thay vì 3.400đ + 230đ hồi 1960.

Nhưng trong một tương lai có thể là 5 năm, chúng ta sẽ còn phải áp dụng các loại thuế đánh trên hàng tiêu thụ. 75⁰/0 sẽ là một tỷ lệ vừa phải. Người dân sẽ phải đóng 3000 đồng trên các hàng hóa tiêu thụ hàng ngày và khoảng 100 đồng về thuế lợi tức.

Khi nào nền kinh tế Việt Nam trở thành phần thịnh, dân chúng kiếm được nhiều tiền hơn, tỷ lệ thuế gián thu, thuế tiêu thụ sẽ giảm bớt lần lần. Càng ngày, người giàu càng đóng thuế nhiều hơn. Nhưng không nên, bất cứ vì lý do gì, bắt buộc dân tiêu thụ phải chịu đựng thêm các thuế gián thu nữa.

Nguyên tắc xóa bỏ các sắc thuế quá đáng.

Đề thanh toán tính chất phong kiến, độc tài, thực dân, của chế độ thuế khóa

cũ, chúng ta phải cương quyết tiêu hủy ngay những sắc thuế không cần thiết và quá đáng. Các tiền lệ-phí tòa án, các tiền trước bạ lâm cầm, các thuế con niêm vớ vẩn, cũng như tất cả các sắc thuế vốn dĩ chứng tỏ uy quyền của chính phủ đối với người dân, coi như kẻ lệ thuộc, và phải trả tiền mỗi khi nhờ đến « sự vụ » của chính quyền, các sắc thuế đó phải xóa bỏ đi, vì ngày nay, dân là chính phủ và các công sở thiết lập là để phục vụ nhân dân.

Vả lại, các sắc thuế đó cũng không thu được bao nhiêu tiền. Và trên thực tế, việc bắt buộc dán con niêm vào tất cả các hóa đơn, tất cả các biên lai nhận tiền chẳng hạn... mười phần chỉ được thi hành có một.

Các sắc thuế quá đáng như 40 0/0 đánh vào tiền thuê nhà, thuế đoạn mại, thuế lưu hành xe tự động, thuế cao lâu tửu quán, thuế quý kim, thuế thuốc điếu, rượu bia, nước hơi, phải nên hủy bỏ tất cả các phần đáng quá đáng. Vì chúng ta phải trở về quan niệm « bình thường hóa » cuộc sống đầu là dưới phương diện chính trị, kinh tế hay là thuế khóa, nên chúng ta chỉ áp dụng đồng đều cùng loại biện pháp, lũy tiến cho các huê lợi lớn, thuế xa xỉ cho tất cả các hàng xa xỉ, mà không cần áp dụng biện pháp đặc biệt, biện pháp mạnh, đối với một thứ huê lợi hoặc một thứ hàng hóa nào.

KẾT LUẬN

Người dân chỉ lý luận một cách đơn sơ và thực tế là viện trợ càng nhiều bao

nhiều, đời sống phải sung túc bấy nhiêu. Quốc tế đã hiểu người dân Việt Nam không phải chỉ chiến đấu cho Tự do, Dân chủ của Việt Nam, mà còn đứng chung trong mặt trận Thế giới Tự do chống Cộng sản, vào một vị trí hiềm nghèo và bị hy sinh hơn hết, nên phải viện trợ cho Việt-Nam mỗi ngày một nhiều thêm.

Nhưng viện trợ càng nhiều bao nhiêu thì hình như đời sống lại càng đắt đỏ, cơ cực bấy nhiêu ! Tại sao lại có chuyện mâu thuẫn vậy ? Hay tại thể-chế nào cũng mọc ngược trong khí hậu Việt Nam ? Như các nhà lãnh đạo giáo dục Việt lại cho con cái học trường Pháp ; các chánh khách chống Cộng lại cho con cái ra ngoại quốc trốn quân dịch ; đại thương gia, đại kỹ nghệ gia nắm guồng máy kinh-tế trong tay thời họ Tạ, họ Ông, họ Mã, họ Xa, họ... Hỏa.

Năm 1960, viện trợ Mỹ giảm xuống 150 triệu Mỹ kim và lãnh tụ Mansfield cương quyết đòi thi hành chính sách giảm viện trợ. Vì nhân dân Việt Nam điêu linh nên một số quân nhân yêu nước mùa thu năm đó, đã đứng lên mưu toan lật đổ Chính phủ hà khắc Ngô đình Diệm.

Sáu năm sau, cuộc Cách mạng Quân đội đã thành công, và viện trợ cũng tăng lên 650 triệu Mỹ kim. Lẽ ra người dân phải sướng gấp bốn lần dưới chính sách hà khắc cũ, và xe vespa phải bán với giá 15.000đ thay vì trên hai chục ngàn năm 1960. Tại sao năm 1966, xe vespa lại bán tới 68.000đ, và tại sao đời sống kinh tế ít nhất cũng khổ gấp hai năm 1960 ?

Chắc chắn tại vì chính sách thuế khóa đã không đi đôi với cuộc Cách mạng chính trị 1963.

Muốn dân chúng được hưởng cuộc sống bình thường, sung túc, muốn tinh thần bảo vệ Tự do Dân chủ ngày càng phát triển, hay nói nôm na ra, muốn cho dân chúng chiến đấu để bảo vệ nòi cõm, nhất định phải làm ngay cuộc cách mạng về thuế khóa theo chiều hướng cách mạng chính trị, giải phóng nhân dân khỏi chế độ thuế khóa hà khắc năm 1960.

Dân chúng Việt Nam, có quyền được hưởng cuộc sống vật chất đỡ vất vả hơn và muốn vậy, đối ngoại, phải đặt ngay vấn đề với các quốc gia bạn để

viện trợ cho chúng ta các chi phí chiến tranh cùng là chi phí phát triển kinh tế xã hội, đối nội, phải sửa đổi lại tất cả các sắc thuế cho hợp lý, ngõ hầu mọi người đều đóng thuế đồng đều, các lợi tức lớn phải chịu thuế lũy tiến đồng thời bãi bỏ ngay các sắc thuế quá đáng hoặc làm phiền hà cho nhân dân thì nhiều mà thâu cho công quỹ thì ít.

Khi đó người Mỹ viết thư đăng trên báo Anh ngữ và dịch lại trong Chính Luận ngày 19-4-66 khởi cơn ngạc nhiên tự hỏi, làm sao trong một nước có bốn ngàn năm văn hiến, đàn ông không chịu đi làm việc lại cứ để cho vợ con phải đi bán bar kiếm tiền!

DUY

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

L.T.S. « Mười bài tâm ca » của Phạm Duy là một loạt sáng tác tương đối mới nhất mà chính nhạc sĩ đã trình diễn trong nhiều cuộc họp mặt đông đảo của sinh viên Saigon, Dalat... « Ca khúc soạn ra để mình hát cho mình nghe, mình suy ngẫm, mình thưởng thức », ở đâu cũng được các bạn trẻ hoan nghênh và thuộc đề hát theo ngay. G.s. Lý-chánh-Trung và G.s. Nguyễn-văn-Trung, một người đã xúc động đến ứa lệ khi nghe tâm ca lần đầu còn một người đã sát cánh với Phạm-Duy tại nhiều buổi trình diễn trước sinh viên, trong hai bài sau đây sẽ bày tỏ cùng bạn đọc những cảm nghĩ nhân loạt bài ca hiện đang làm say mê lớp người trẻ tuổi tại đô-thị. (Bài « Phủ nhận tâm ca ? » của Ô. Lý-Chánh-Trung đã được đăng trên nội san « Nước mắt mẹ » số 3 (tháng 3/66) do một nhóm sinh viên Dalat chủ trương.

...

LÝ-CHÁNH-TRUNG

Phủ nhận tâm ca ?

« Giọt mưa trên lá, nước mắt mẹ già »...

Có lẽ tờ báo này đã tìm được tên của nó trong một bản tâm ca của Phạm Duy. Lần đầu tiên tôi nghe tâm ca là cũng tại phòng một anh sinh viên làm tờ báo này, một đêm đông lạnh lẽo ở Dalat.

Cho nên lần đầu tôi cộng tác với tờ báo « Nước mắt mẹ » là để suy nghĩ về những bản tâm ca, hiện nay khá thịnh hành trong các giới sinh viên, học sinh. Nghĩ cái gì viết cái nấy, tôi không sắp đặt và cũng không muốn sắp đặt.

Tôi nhớ lại lần đầu được nghe tâm ca, tôi đã xúc động đến ứa nước mắt, và những lần sau này cũng vậy, đặc biệt là trong buổi viếng thăm Dòng Chúa Cứu thế của phái đoàn Viện Đại-học Vạn-Hạnh, khi một số chúng sinh hát bài « Kẻ thù ta » để tặng các vị Thượng tọa.

Từng giọt từng giọt, những lời ca (hay lời thơ) những âm thanh nhỏ xuống hồn tôi như một thứ rượu ấm và ngọt. Tâm ca trầm buồn như những giòng ca vịnh (Psaumes) hoặc những bài hát tình ca (Grégorien) cứ lặp đi, lặp

lại nhưng hát mãi không chán, và càng hát lại càng say. Tôi nghĩ nếu cứ hát hoài một bài, như "Giọt mưa trên lá", độ vài giờ thì có thể đi đến một trạng thái «xuất thần» như sau vài giờ ngâm nga kinh kệ.

Tâm ca có tác dụng truyền cảm mãnh liệt đối với tôi như vậy đó. Tất cả những «tế bào tình cảm» nơi tôi dường như nở ra để đón nhận tâm ca như những tế bào trong da thịt người nghiện rượu. Đã lâu lắm rồi, trên bãi sa mạc văn nghệ của cái Miền Nam gọi là Tự do này, chưa nghe được một lời ca nào chân thành như vậy. Nhưng đồng thời ngay từ buổi sơ giao, có một cái gì nơi tôiⁱ kháng cự lại Tâm ca. Chưa bao giờ tôi «hòa mình» hoàn toàn với tình cảm tôi mỗi khi nghe Tâm ca. Tôi vẫn nhìn tôi đang xúc động với một cái nhìn nửa nghi ngờ, nửa mỉa mai. Có một tiếng nói nhỏ nơi tôi dường như đang chế riếu, phê bình, không phải chế riếu, phê bình Tâm ca mà chế riếu phê bình tôi đang say sưa với Tâm ca.

Tại sao có sự mâu thuẫn đó ?

oOo

Tất cả tình cảm của tôi là của Tâm ca, và chắc-chắn đó cũng là tình cảm của rất nhiều người, của những đứa con lạc loài trên đất mẹ, ứa lệ nhìn quê hương nghiêng ngửa, tan nát vì bom đạn phân tán bởi hận thù, sa đọa trong tiền bạc và ước mơ một mùa xuân thanh bình đoàn tụ, phục hưng.

Tôi sẽ hát to, nhưng hát nhỏ hơn lời mọi người.

*Một ngày nao, một ngày nao nghe
bỗng đầy với
Toàn dân tôi ca hát niềm vui
Toàn dân tôi ca khúc yêu đời
Một ngày tan chinh chiến thật rồi...!*

Tâm ca là tiếng nói của lương tâm lương tâm những người không chấp nhận : không chấp nhận chiến tranh, không chấp nhận oán thù, không chấp nhận sa đọa và nhất là không chấp nhận mọi thứ nhãn hiệu mà người ta dán lên để biện minh cho những thảm trạng ấy :

*Để lại cho em một nước phân liã
Để lại cho em một giống nòi chia
Hận thù nhân danh chủ nghĩa
Bạo tàn vĩnh vang bề thế... »*

Không chấp nhận, đó cũng là một thái độ trí thức, do đó Tâm ca được nhiều màu sắc triết lý và được hưởng ứng nhiều nhất trong giới trí thức trẻ. Không chấp nhận không phải là để tạo cho mình một thế đứng thoải mái ở ngoài vòng tranh chấp, cũng không phải để biện minh một cách gian trá cho thái độ hèn nhát không dám dấn thân, mà chỉ vì không thể lựa chọn quá giản dị như người ta đòi hỏi. Không chấp nhận và không thể có một cái nhìn dứt khoát chia đôi nhân loại làm hai phần «tốt-xấu» vì không thể không thấy những bóng tối pha lẫn với ánh sáng của bên này lẫn bên kia, vì không thể không nghe cái rỗng tuếch của những khẩu hiệu, danh từ, chủ nghĩa.
*« Kẻ thù ta mang áo màu chủ nghĩa,
Kẻ thù ta mang lá bài tự do
Mang cái vỏ thật to
Mang cái vỏ danh từ... »*

Nhưng không chấp nhận là không có đất đứng, ngay trên mảnh đất quê hương. Bên này sẽ lên án Tâm ca là « chủ bại », bên kia sẽ lên án Tâm ca là « tiểu tư sản lừng khừng, lãng mạn, không phân biệt bạn với thù ». Và cả hai bên đều có lý, vì cả hai bên đều nói một thứ ngôn ngữ, nhưng không phải thứ ngôn ngữ của Tâm ca. Cách đây ít lâu, trong một giờ chán nản, một anh bạn đã nói với tôi :

« Nhiều khi tôi muốn mua một chiếc ghe rồi chèo ra giữa sông Bến Hải nằm ở đó ». Đúng là cái tâm trạng của người không đất đứng, cô đơn, ngượng nghịu, giữa những tiếng reo hò dồn dập xung quanh :

*Tôi bảo tôi mãi mà tôi không nghe
không nghe
Thấy máu quân thù chỉ buồn và thề
không uống...
Thấy xác lăn quay không say không
thích phanh thây*

Và không đất đứng cũng là *bất lực hoàn toàn* trước thời cuộc. Sáng suốt và bất lực, đó là hai cái tội của người không chấp-nhận :

« *Tôi sẽ hát to hơn súng nổ bên bờ
ruộng già... »*

Phạm Duy hát, súng cứ nổ và thiên hạ vẫn nghe súng nổ lớn hơn lời hát Phạm Duy. Những ước mơ được kết tinh trong tâm ca có thể là mơ ước của đại đa số những người đang sống trên đất nước này. Nhưng đó chỉ là những ước mơ, mơ hồ như khói, lang thang như mây, đó chưa phải là những ý chí có thể kết hợp thành một ý chí đề bộc phát trong hành động.

*Tôi sẽ hát to hơn những kẻ khơi ngọn
lửa thù*

*Lời tôi ca, lời tôi ca như suối rừng thu...
Miền quê tôi khan tiếng kêu gào
Lời tôi ca như nước nhiệm màu
Thành mưa rơi cho dứt niềm đau.*

Những người hát Tâm ca thừa biết tiếng hát của mình không thể to được nên thật ra chỉ hát cho mình, vì không thể làm gì khác. Nhưng hát cũng đã làm một cái gì, nhất là khi người ta hát một cách say sưa. Cho nên Tâm ca vừa diễn đạt trung thực nỗi niềm của người hát, vừa gây cho người hát một *ảo tưởng hành động*, xoa dịu cái cảm thức « bất lực ».

Có lẽ vì thế mà Tâm ca đã làm tôi say sưa như một thứ rượu. Và đó là tác dụng « hàm hồ » (ambigu) của Tâm ca : nó có thể gây một ý thức sáng suốt hơn trong giai đoạn này, góp phần đánh tan những huyền thoại, ảo tưởng, nhưng chính nó cũng có thể gây những ảo tưởng.

Ngoài cái ảo tưởng hành động bằng lời hát (1) nó còn có thể cho người hát cái cảm tưởng có thể giải quyết mọi vấn đề bằng tình cảm, bằng sự cải thiện nội tâm :

« *Kẻ thù ta đâu có phải là người,
Giết người đi thì ta ở với ai
Kẻ thù ta tên nó là gian ác...
Tên nó là vô lương
Tên nó là hận thù... »*

Điều này đúng như chỉ đúng trên bình diện lý tưởng, nghĩa là đúng với một

(1) Ảo tưởng nơi người hát chứ không phải nơi Phạm-Duy.

nhân loại thoát xác, độc lập với hoàn cảnh lịch sử, cơ cấu xã hội. Các nhà đạo đức đã « cải thiện nội tâm » trong mấy ngàn năm, nhưng phải đợi đến những cuộc Cách mạng thế kỷ thứ 19, 20 mới thấy thân phận con người dễ thờ hơn một chút. Và không thấy có cuộc Cách mạng nào mà không đổ máu. Cái vấn đề là không thể không loại trừ một số người nếu muốn phục vụ con người. Muốn phục vụ những em bé vô tội, phải loại những mẹ mìn, muốn phục vụ những người « em gái nhỏ » ngây thơ theo mẹ chủ nhà ma cạo thì phải diệt mẹ chủ nhà. Trong lịch sử không bao giờ có trạng thái « hòa cả làng ».

Tình tự Dân tộc chỉ là một danh từ trống rỗng hoặc là một chiêu bài gian trá khi nào trong lòng Dân tộc không còn những người bị áp bức, chà đạp, bóc lột. Không thể có một « tình tự dân tộc » nào giữa ông nhà giàu xây buynh dinh cho Mỹ mướn và người nạn nhân chiến tranh. (1)

xOx

Bây giờ tôi hiểu tại sao có một cái gì nơi tôi kháng cự lại Tâm ca Phạm Duy. Tình cảm tôi là tình cảm của Tâm ca, nhưng lý trí tôi không chấp nhận Tâm ca.

Không những chỉ vì cái hiểm họa ảo tưởng mà còn vì cái hiểm họa gian trá. Tâm ca hát lên niềm chua xót của những người không đất đứng vì không chấp nhận. Nhưng ngay sự chua xót này có thể biến thành một thứ khoái trá, kiêu hãnh kỳ dị : « Tôi không đất

đứng nhưng các anh là đồ ngu ».

Mà có thật là tôi không đất đứng chẳng ? Thực tế là « tôi vẫn sống, tôi vẫn ăn và tôi vẫn thờ » nghĩa là tôi vẫn đứng một nơi nào rồi. Có thật là tôi không chấp nhận chiến tranh không ? Thực tế là tôi vẫn chấp nhận chiến tranh, hơn nữa tôi cũng đã hưởng thụ chiến tranh ít nhiều, như tất cả những người dân sống trong thành thị mà không Phải đi lính, kể luôn Phạm Duy : « Tôi vẫn sống tôi vẫn ăn và tôi vẫn thờ ».

Sở dĩ tôi còn có thể nói « tôi không chấp nhận » là vì tôi không phải hay chưa phải đi lính cho bên này hoặc bên kia. Nhưng đó chỉ là một cách nói.

Nghĩa là sống tại Saigon, tuy không giàu có gì nhưng cũng kể là « sung sướng ». Muốn thực sự không chấp nhận thì phải có gan một mình vác biều ngữ ra chợ Bến Thành và gánh chịu mọi hậu quả của hành động đó. Nhưng xuống đường tại Saigon là chỉ nói với những người « bên này ». Còn những người bên kia thì sao. Vậy chỉ còn một giải pháp là chèo thuyền ra

(1) Có lẽ vì ảnh hưởng của Tâm ca mà anh Nguyễn Văn Trung trong bài « Vấn đề chúng ta » (Nước mắt mẹ số 2) đã hỏi tại sao cứ mãi lên án gian thương VN mà không chĩa mũi dùi vào gian thương ngoại quốc.

Gian thương Việt, Tàu hay Tây đều là cá mè một lứa, tại sao lại phải khoan dung với gian thương Việt chỉ vì là người Việt ? Nếu vì « tinh thần đối thoại » mà phải đối thoại với cả gian thương thì tôi xin đầu hàng ! Do đó cần phải xác định lại rõ rệt thế nào là « chấp nhận nhau » giữa những người « không Cộng sản ».

Bến Hải như anh bạn tôi, hoặc tuyệt thực như Bá Di—Thúc Tề xưa. Nhưng có muốn làm những chuyện đó cũng không làm được. Có làm được chẳng nữa, cũng không chứng minh được gì ngoài sự bất lực của mình.

Cho nên tôi rất ngại ngùng khi nghe những lời kêu gọi Hòa Bình. Theo tôi nghĩ chỉ có hai hạng người có quyền kêu gọi Hòa Bình: một là những nạn nhân chiến tranh, hai là những vị chân tu đại diện cho lương tâm nhân loại. Ngoài ra không ai có quyền nói tới Hòa Bình, đặc biệt là những người sống trong thành thị, nghĩa là những người hưởng thụ chiến tranh.

Hưởng thụ chiến tranh mà kêu gọi hòa bình, đó chỉ có thể là một thủ đoạn chính trị, hoặc nếu lời kêu gọi thành thật thì đó chỉ là một cách trấn an lương tâm của người kêu gọi, và trấn an hơi dễ dãi đó.

Những kẻ hưởng thụ chiến tranh không có quyền nói chuyện Hòa bình, nhưng hơn ai hết, lại có bổn phận hành động thiết thực cho Hòa bình. Và hành động thiết thực là phải nhận định rõ rệt hoàn cảnh thực tế, hầu tìm những phương thức hữu hiệu nhất để thực hiện Hòa bình, không phải cái Hòa bình lý tưởng chưa thể có mà cái Hòa bình thực tế có thể có, dù là thứ Hòa bình què quặt, méo mó, không thỏa mãn những ước mơ của chúng ta. Chúng ta có ước mơ một ngàn năm cũng không ăn thua gì. Vấn đề là làm thế nào để ước mơ thành ý chí và ý chí thành hành động. Cái nguy hiểm của Tâm ca Phạm Duy

là có thể làm cho người hát dừng lại ở ước mơ.

Ca hát thì dễ, hành động rất khó. Ca hát đem lại say sưa, hành động dễ gây chán nản. Ca hát là trong sạch, hành động là bần tay. Ca hát gây thông cảm giữa những người hát, do đó, cũng thỏa mãn tức khắc cái ước vọng hòa bình bằng cách phủ nhận, nhưng phủ nhận một cách ma thuật (magique) nghĩa là phủ nhận trong nội tâm mình những mâu thuẫn hiện đang xâu xé Dân tộc. Hành động trước hết là nhìn nhận những mâu thuẫn này, là biết rằng không thể chấm dứt chúng bằng tình cảm hay thiện chí mà chỉ có thể giảm bớt chúng bằng cải tạo lâu dài hoàn cảnh lịch sử, thiết lập một thể quân bình nào đó giữa các lực lượng mâu thuẫn.

Vấn đề này cũng giống vấn đề chủ quyền. Tranh đấu cho chủ quyền bằng cách "chửi Mỹ" thì rất dễ và tạo cho chúng ta cái vẻ "anh hùng" hoặc quân tử. Bây giờ có vô số người chửi Mỹ, không chửi thẳng thì cũng chửi bóng chửi gió. Cứ đọc báo hàng ngày là thấy có người chửi thành thật, có người chửi đề ra vẻ ta đây. Nhưng chửi một ngàn năm cũng chẳng ăn thua gì. Và ai có quyền chửi Mỹ? Chắc chắn là không phải những người đang sống, ăn và thở nhờ đô la Mỹ, nghĩa là tất cả chúng ta. Cái thực tế nó chua cay phũ phàng như vậy đó. Chúng ta không có quyền chửi Mỹ nhưng hơn ai hết lại có bổn phận giành lại chủ quyền, không phải bằng những thái độ anh hùng rơm mà bằng hành động.

Tóm lại, vấn đề chính yếu vẫn là làm sao cho những người không Cộng sản thoát khỏi cái tình trạng «giỏ cua» (hoặc tình trạng «cái bị» theo lời anh Nguyễn Văn Trung) để biến thành những lực lượng *thống nhất, tiến bộ, hữu hiệu* để có thể góp một phần quyết định vào việc giải quyết những vấn đề căn bản của đất nước. Đó là mảnh đất duy nhất chúng ta có thể đứng mà không hổ thẹn, không gian trá với chúng ta cũng như với kẻ khác. Nhưng mảnh đất này chỉ có thể do chúng ta tạo nên.

Đó là vấn đề lớn như giải Trường sơn sừng sững trước mặt, nghi tới việc trèo qua là đã rùng mình ớn lạnh rồi. Nhưng không trèo qua núi là không bao giờ thấy được chân trời của mùa xuân đoàn tụ, phục hưng. Cái hiểm họa của Tâm ca là gây cho ta cái ảo tưởng đã trèo qua núi rồi, vì lời ca có thể «cao ngút Trường sơn» trong khi thể xác

vẫn nằm ì dưới chân núi.

Tôi cảm ơn Phạm Duy đã sáng tác Tâm ca, ít nữa là cảm ơn những giây phút say sưa chân thực mà tôi đã được hưởng khi nghe Tâm ca. Văn nghệ sĩ là đứa con của thời đại, và có nhiệm vụ diễn đạt những cảm xúc của thời đại — nghĩa là của chính mình — trong những sáng tác văn nghệ. Trên khía cạnh này, Phạm Duy đã làm tròn bổn phận bằng cách kết tinh những nỗi niềm chua xót của một số lớn người trí thức sống trong thành thị, trong những lời ca thống thiết.

Điều mà tôi ngại là tác dụng *khách quan* của Tâm ca, nhất là trong giới Sinh viên, Học sinh, nghĩa là cái hiểm họa ảo tưởng và gian trá mà nó có thể tạo *noi người hát*. Hát Tâm ca thì cứ hát, nhưng đồng thời cũng nên kháng cự lại Tâm ca, đó là kinh nghiệm bản thân của tôi vậy.

LÝ CHÁNH TRUNG

TUẦN NÀO CŨNG VỀ THÊM NHIỀU SÁCH HAY,
GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ I. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học,
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

Tâm ca của Phạm-Duy

hay Văn nghệ phủ nhận chiến tranh và cuộc chiến tranh hiện nay

Tôi nghe Phạm Duy hát Tâm ca lần đầu tiên ở nhà một người bạn sau bữa cơm thân mật. Lúc đó anh mới làm xong vài bài và hát thử cho bạn bè nghe. Tôi nhớ chẳng thấy xúc động gì cả. Ít lâu sau, đi trại công tác với sinh viên, đêm tối ngồi quây quần ngâm nga tâm ca, tôi mới thấy xúc động và thấm thía. Tôi cũng nhận xét trong những buổi lửa trại đó, sinh viên chỉ hát tâm ca, dân ca hoặc những bài kháng chiến cũ.

Phút chốc tôi cảm thấy như mình sống lại cái thời niên thiếu cách đây hai mươi năm. Tuổi thiếu niên của tôi đã trôi dạt với sự vùng lên của dân tộc hồi 1945. Cũng như tất cả thiếu niên, thanh niên lúc đó, tôi đã hát say sưa những bài ca độc lập, kháng chiến; trong số những bài ưa thích, dĩ nhiên có nhiều bài của Phạm Duy.

Nhưng từ hơn mười năm nay, tôi không hát nữa mà cũng không nghe cái mà người ta gọi là tân nhạc ở thành thị,

qua đài phát thanh hay trong phòng trà tiếm cơm. Đôi khi buộc phải nghe vì được mời ăn cơm hay để phân tách, phê phán mà thôi (1). Tôi phủ nhận Tân nhạc vì hầu hết đều đượm tính chất lai-căng, lãng mạn giả dối, rất lạc hậu và phản động; không phản ánh những thắc mắc, băn khoăn, ước muốn thực sự của thể hệ sống trong một hoàn cảnh đất nước phân đôi và chiến tranh liên tiếp.

Nhất là từ vụ tranh đấu Phật giáo và gần đây từ lúc chiến tranh gia tăng đến mức độ trầm trọng với sự tràn ngập ồ ạt lính tráng ngoại quốc thì Tân nhạc và cả một phần lớn văn chương công khai, càng trở thành tro trên, không thể chịu nổi nữa.

Trước khi xảy ra vụ tranh đấu Phật giáo nhiều báo chí, nội san của sinh viên học sinh vẫn phảng phất tính chất lãng mạn tiêu cực, thoát ly, vô tình trước

(1) Chẳng hạn, đề viết bài "Áo Ảnh Thanh Thúy" đăng trong Hành Trình số 1.

những vấn đề thời cuộc. Nhưng vụ « Tranh đấu Phật giáo » và nhất là cuộc chiến tranh bắt đầu tàn khốc từ hai năm nay, đã ném họ vào những rắc rối tư lự chính trị. Những rắc rối đó phản ảnh trong tất cả báo chí, nội san của họ. Từ sau 1-11-63 không còn những bài thơ lãng mạn, những câu chuyện điểm tình ích kỷ ; nhưng toàn là văn chương liên quan đến chiến tranh, cách mạng. Báo chí, Văn nghệ của người lớn hoặc cố tình không muốn đuổi kịp tâm trạng tuổi trẻ hoặc không thể đuổi kịp. Trong thời gian và bầu không khí sa đọa đó, hình như Phạm-Duy cũng không tránh khỏi vướng vất với mọi số bài hát xu thời hay dịch theo những vũ điệu ngoại quốc !

Thế rồi Phạm Duy sáng tác tâm ca, phần nộ ca. Qua tâm ca, anh sống lại những ngày tháng tuyệt đẹp của thời kháng chiến và do đó làm cho tôi cũng sống lại với anh.

Tôi thích hát tâm ca không những vì tâm ca nói lên được một cách chân thực những nỗi niềm thắc mắc, đau xót của chúng ta trước tình cảnh bi đát của đất nước triền miên trong chiến tranh, mà còn vì một quan niệm trình diễn nghệ thuật. Nghệ thuật nào cũng có tính cách trình diễn và đòi hỏi sự trình diễn, nhưng nghệ thuật còn là một *sinh hoạt*, nhất là trường hợp nghệ thuật cho quần chúng, của quần chúng. Quần chúng thưởng thức nghệ thuật không phải chỉ như những khán giả thụ động, mà còn bằng cách tham dự

tích cực vào sự trình diễn, nghệ thuật trở thành sinh hoạt tập thể, hội vui của một cộng đồng. Thực ra, sự thưởng thức cũng chỉ hoàn toàn khi khán giả đóng vai trò tác giả, diễn viên ..

Những buổi trình diễn « tâm ca » của Phạm Duy làm cho tôi nhớ lại những buổi sinh hoạt văn nghệ thời kháng chiến : mọi người đều được tập hát và cùng hát với tác giả, diễn viên...

Hát với tôi nào

Hát với tôi nào

Hát với nhau những lời hôm nay cùng hát

Hát với tôi nào

Hát với tôi nào

Hát với nhau những lời của người Việt nam

Điều đáng chú ý khác là Phạm Duy đã làm say mê thính giả trong hai, ba tiếng đồng hồ chỉ bằng Tâm ca, Dân ca mà không cần vay mượn cầu cứu bài hát ngoại quốc.

Tâm ca phải chăng là mê hoặc ?

Muốn tìm hiểu tác dụng của tâm ca nơi người hát, phải xác định ai hát và hát trong hoàn cảnh nào. Tôi không biết Tâm ca có được chấp nhận hay không trong những giới lao động thành thị hay nông dân ở thôn quê, nhưng trong giới học sinh, sinh viên thanh niên đô thị tôi thấy có hai hạng hát tâm ca :

1 — Hạng thanh niên tham gia những công tác xã hội. Hình như Tâm ca bắt đầu được phổ biến và phổ biến mạnh

trong những trại công tác. Họ say mê ngâm nga tâm ca suốt đêm sau một ngày làm việc mệt nhọc. Số ít thanh niên này cũng thường rất băn khoăn, thắc mắc về những vấn đề thời cuộc. Trước một tình thế chính trị vượt quá tầm hiểu biết của họ, sau những tranh đấu chính trị mà họ thấy bế tắc, chẳng đi đến đâu, họ đi tìm phục vụ đồng bào bằng những công tác xã hội. Họ nghĩ rằng ít ra việc làm nhỏ mọn của họ cũng đem lại những kết quả cụ thể : đắp được một con đường, đào được một rạch cống, xây cất được ít gian nhà v.v... Nhưng làm công tác mà không khỏi ray rứt về chính trị. Trong tâm trạng đó, Tâm ca đến đúng lúc « giải thoát » họ khỏi ray rứt bằng cách cho họ có thể bày tỏ những ray rứt đó ra.

Chính ở đây, Tâm ca có thể có những tác dụng « huyền diệu » lừa bịp như anh Lý-Chánh-Trung tố cáo. Tâm ca phủ nhận chiến tranh, phủ nhận những lập trường dứt khoát của đôi bên. Người hát tâm ca đứng trước một thực tế chiến tranh mà họ không chấp nhận nhưng lại không làm gì được để thay đổi thực tế đó đi. Nói cách khác, họ bất mãn và bất lực. Tâm ca có thể « huyền diệu » họ khi tạo cho họ ảo tưởng đã giải quyết được sự bất mãn và đã quên được sự bất lực chỉ bằng cách nói lên những nỗi niềm đó.

Trước những khó khăn chưa thể vượt qua, con người thường có thái độ « giải quyết » một cách « ảo thuật » : từ

những hình thức giải quyết có tính chất « tự an ủi » bằng cách xóa bỏ đối tượng muốn đạt tới (muốn hái quả, nhưng không thể trèo được, tự an ủi : quả còn xanh quá) hay tạo thêm một đối tượng mới muốn đạt tới bên cạnh

SÁCH MỚI

Bách-Khoa Thời-đại đã nhận được:

— **Cõi người ta**, nguyên tác TIRRE DES HOMMES của Saint-Exupery, bản dịch của Bùi Giáng, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Đây là dịch phẩm thứ 3 của nhà xuất bản An Tiêm, dày trên 320 trang, bản đặc biệt, không đẽ giá.

— **Đại nam nhất thống chí**, quyển 13, tỉnh Hà Tĩnh, soạn giả Cao Xuân Dục, Lưu Đức Xung, Trần Xán; dịch giả: Đông Minh Đặng Chu Kinh, do Nha Văn Hóa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 200 trang có phụ thêm bản chữ Hán, thuộc Văn Hóa tùng thư số 26, giá 25 đồng.

— **Hoài bão số ra mắt**, nguyệt san do Hội cựu sinh viên Quốc gia Hành chánh chủ trương. Chủ nhiệm: Nguyễn Xuân Huệ, Chủ bút: Nguyễn Quốc Thụy, Tổng thư ký tòa soạn: Đỗ Tiến Đức. Tòa soạn đặt tại 61 Lê Văn Duyệt Saigon. Mỗi số khổ 16 x 25, dày 96 trang, giá 10 đồng.

đối tượng cũ (xe ca Hàng không Việt Nam lúc này từ phi trường Saigon về hãng phải chạy lẩn quẩn vì những đường cấm, hàng tiếng đồng hồ : ngồi trên xe sốt ruột tự an ủi : thôi chả mấy khi có dịp được đi xem phố xá không mất tiền xe) (1) đến những hình thức giải quyết có tính cách phản kháng tiêu cực bằng châm biếm, chế diễu, chửi tục, hay chỉ bằng cách nói lên được.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc từng bị hết ngoại bang này đến ngoại bang kia áp bức, đô hộ. Trước khi có cơ hội vùng lên đánh đuổi ngoại bang, dân ta chống đối bằng óc trào phúng, châm biếm, chế diễu mỉa mai. Ngoại bang nào cũng bị gọi là *thằng* cả và đôi khi còn bị gọi trịch đi. Thằng Tây, thằng Nhật, thằng Tàu, thằng Mèo... Đã đành tao thua mày, bị mày đô hộ, nhưng tao vẫn hơn mày, vẫn thắng mày vì tao khinh mày.

Phản kháng tiêu cực bằng phê phán chế diễu, hay chỉ bằng cách nói ra được những điều uất ức có thể huyễn-diệu mê hoặc nếu làm cho người phản kháng tưởng mình đã giải quyết được vấn đề và do đó bằng lòng thỏa mãn với thái độ chống đối tinh thần. Thực ra những thái độ ảo thuật trên chỉ làm cho người ta dễ chịu đựng hơn một hoàn cảnh bất mãn, mà không giải quyết được gì hết, nhưng ảo tưởng là ở chỗ tin rằng đã giải quyết được.

Những thanh niên hăng say làm công tác xã hội có thể có ảo tưởng đã giải quyết được nỗi day dứt chính trị của

mình chỉ bằng hát tâm ca, phần nộ ca' ảo tưởng đó càng trầm trọng hơn khi tưởng rằng đã giải quyết được cả vấn đề xã hội bằng những công tác xã hội, trong khi vấn đề là phải tranh đấu cho Hòa-bình thực sự và làm Cách-mạng xã-hội mà việc tham gia công tác chỉ là một dịp gây cho mình một ý-thức chính trị, một ý-thức xã hội từ kinh nghiệm tiếp xúc va chạm với thực tế làm than xã hội.

2) Một số thanh niên con nhà giàu, chỉ lo học sửa soạn tới những địa vị tương lai cũng đón nhận tâm ca, nhưng có lẽ tâm ca không tác dụng gì được vào cuộc đời họ, chẳng hạn làm cho họ « thay đổi » những dự định của họ ; cùng lắm may ra có thể gây cho họ một vài phút thắc mắc, giao động chằng ! Tôi còn nhớ một buổi trình diễn Tâm ca của Phạm Duy ở một nơi sang trọng trong đô thành có đèn điện sáng trưng, ghế ngồi bành bao, có cả giải khát, khán giả là sinh viên thanh lịch ông bà được sĩ, kỹ sư, bác sĩ v.v... ăn mặc lộng lẫy.

Tôi có cảm tưởng đây là một buổi *giải trí* văn nghệ. Hát Tâm ca cho những người hưởng thụ chiến tranh, có lẽ không hợp cảnh.

(1) Trong A.Q. chính truyện Lỗ Tấn đã bày tỏ một cách thật sâu sắc những thái độ mà ông gọi là « thắng lợi tinh thần » của A.Q. A.Q. bị dân áp đánh đập, nhưng vẫn tự an ủi : nó đánh mình là đánh bố nó và coi sự thua của mình vẫn là một thắng lợi, một thắng lợi tinh thần ! Thật là ảo tưởng !

Họ chấp nhận Tâm-ca có lẽ vì tò mò, nghe nhiều người nói đến, hay có thể cũng vì thấy nó hay, chân thành. Trưởng giả có thể chấp nhận cả thứ văn chương chống trưởng giả vì biết rằng nó chỉ là « văn chương » không thay đổi gì được nếp sống trưởng giả (1) và họ có thể mua vui đôi lúc với thứ văn-chương nghệ thuật chống đối đó.

Do đó, với những lớp người này, Tâm ca có lẽ chẳng nguy hiểm gây tác dụng huyền-diệu, vì họ không thắc mắc, day dứt, bất mãn vì chiến tranh ! Ngược lại, nếu Tâm ca có tác dụng huyền-diệu, thì là tác dụng ở nơi tác giả, người trình diễn, nếu tác giả, người trình diễn tưởng Tâm ca có thể lay động và thay đổi cuộc sống của những người sống nhờ chiến tranh, bất công xã hội. — Trong buổi trình diễn đêm hôm đó, tôi vừa buồn cười vừa thương hại Phạm Duy người nghệ sĩ sắp về già, mái tóc đã hoa dâm và mấy sinh viên của anh, mặc bà ba đen, gân cổ mà hát hết sức mình với tất cả tâm hồn cho khán giả thưởng thức những phi lý của chiến tranh... Thật đúng là những thằng hề đạo diễn trên sân khấu trưởng giả. Tội nghiệp cho nghệ-sĩ, cho nghệ-thuật !

3) Tâm ca cũng như những bài thơ chống chiến tranh đều không phù hợp với đường lối chính thức, do đó không thể là thứ văn chương, nghệ thuật công khai. Nhưng vì Tâm ca cũng được phép in ra, cũng được

các đài phát thanh phổ biến, ngay cả đài Tự-do. Phải chăng vì đánh giá thấp tác dụng của Tâm ca hay vì cho rằng Tâm ca vô hại, cứ để cho nói, biểu lộ, nói chán thì thôi miễn là không đưa tới hành động, thì hơn là ngăn cản cấm đoán những uất ức. Hơn nữa, người ta còn lợi dụng tâm ca, mà nội dung là chống chiến tranh, đề cao tình tự dân tộc để yểm trợ đường lối chiến tranh.

Tình tự dân tộc là giá trị cuối cùng có thể liên kết đoàn tụ mọi người Việt Nam : lợi dụng giá trị cuối cùng đó như một vũ khí chống đối loại bỏ hay tiêu diệt một khối tôn giáo, một tập thể ý thức hệ, thì thật là tuyệt vọng. Người ta nhân danh dân tộc để tiêu diệt những thành phần dân tộc mình không muốn chấp nhận... Không thể dùng tình tự dân tộc để chống lại người Việt Nam bất luận thuộc khuynh hướng nào. Chỉ có một trường hợp xử dụng chính đáng tình tự dân tộc là trường hợp chống xâm lăng, thống trị của ngoại bang mà thôi.

Tình cảm, Tư tưởng, Hành động

Người ta có thể trách tâm ca hay những bài thơ chống chiến-tranh vì chỉ

(1) Tôi có suy nghĩ về vấn đề này trong « Văn chương và Chính trị » Lược khảo văn học tập II. trg 200 đề tố cáo tính cách ảo tưởng của văn chương đấu thân. Sau buổi trình diễn, tôi có tặng Phạm Duy cuốn tham khảo đó, đề anh suy nghĩ.

có tích cách phản kháng tiêu cực, hay chỉ bày tỏ một tình cảm nhân đạo chung, xí xóa giới tuyến và sự phân biệt bạn thù : Kẻ thù ta không phải là người bên kia rõ rệt, dứt khoát, cũng không phải là người nữa, mà là sự gian ác, hận thù, vô lương, lòng tham, tị hiềm, tự kiêu ở trong mỗi người chúng ta.

Hoặc trách tâm ca, thơ chống chiến tranh phản ánh một tinh thần chủ bại, một ước muốn hòa bình với bất cứ giá nào, nhất là thứ văn chương chống chiến tranh đó lại chỉ phổ biến ở một bên ; như thế chẳng khác gì kêu gọi bên mình đầu hàng hay ít ra làm giảm bớt tinh thần chiến đấu ở bên mình. Những thắc mắc trên đặt vấn đề tính cách chính đáng của tâm ca. Chúng ta chấp nhận hay phủ nhận tâm ca, tùy theo tâm ca có chính đáng hay không.

Tâm ca hay văn nghệ phản chiến biểu lộ một tình tự chống chiến tranh, nhưng tình tự đó xuất phát từ một *nhận thức* về cuộc chiến tranh đặc biệt và phức tạp này. Nhận thức đó, nghệ sĩ không bày tỏ bằng lập luận chứng minh, nhưng bằng hình-tượng nghệ thuật. Do đó nghệ sĩ không thể nói rõ lập trường quan điểm, nhưng không ai chối cãi văn nghệ bao hàm một lập trường quan điểm. Lập trường quan điểm bao hàm trong văn nghệ phản chiến là một sự hoài nghi về những mục-tiêu chiến tranh mà người ta vẫn chính thức rêu rao để biện hộ cho những lập trường chiến tranh.

Chiến tranh chỉ chính đáng, bạn thù chỉ rõ rệt trong trường hợp chiến tranh chống ngoại xâm. Người lính cầm súng có thể *yên trí* bắn một đối phương khi đối phương đó là người ngoại-quốc và đang ở trên *đất nước* mình, còn khi phải bắn vào một người Việt khác, thì dù nhân danh bất cứ một lý tưởng gì, người lính không thể hoàn toàn yên tâm được, nhất là khi những lý tưởng nêu ra chỉ là chiêu bài.

Đa số người Việt nhìn nhận cuộc chiến này có một phần bắt nguồn từ những mâu thuẫn, tranh chấp giữa người Việt về một chế độ chính-trị. Nhưng càng ngày cuộc nội chiến càng mất ý nghĩa với sự can thiệp ồ ạt của ngoại bang lợi dụng sự chia rẽ của người Việt để bày tỏ và giải quyết những chia rẽ giữa họ và trầm trọng hơn nữa, lợi dụng sự chia rẽ giữa người Việt để xâm nhập, chi phối thống trị người Việt lấy cớ giúp đỡ, bảo vệ người Việt này chống lại người Việt kia.

Do đó, đông đảo người Việt, bắt đầu chán ngán cuộc chiến tranh này, khi thấy nó càng ngày càng mất ý nghĩa *đối với mình*, đồng thời cũng cương quyết không muốn đầu hàng, chiến bại trước những người Việt khác mà mình không đồng ý về đường lối, chủ nghĩa chính trị.

Vấn đề là phải chấm dứt chiến tranh để các cường quốc khỏi có cơ lợi dụng đất nước này làm bãi chiến trường thử

sức nhau, đồng thời giải quyết được những tranh chấp giữa người Việt bằng những phương tiện không phải chiến tranh trong tinh thần tôn trọng lẫn nhau và sự công chính. Đó là tình tự, hay hy vọng của đa số người Việt Nam, ước muốn mà chưa nói ra được. Ước muốn đó là chính đáng và văn nghệ phản chiếu theo nghĩa chống 1 chiến tranh đã bị các cường quốc thù địch nhau lợi dụng phản ánh ước muốn đó cũng chính đáng.

Nếu Nghệ thuật nhằm bày tỏ những tâm tình của một thời đại, một lớp người thì nghệ sĩ đã làm tròn vai trò của họ khi nói lên được tình tự của đa số người Việt hiện nay.

Thực ra, nếu những mục tiêu chiến tranh chỉ đơn giản như các lập trường chính thức rêu rao, thì chắc chắn không thể có Tâm ca. Vậy sở dĩ có tâm ca là vì những mục tiêu của cuộc chiến tranh này không đơn giản chút nào. Có những lý do chính đáng để chiến đấu đồng thời cũng có những lý do không chính đáng xen lẫn vào những lý do chính đáng. Chúng ta không muốn bị thống trị bởi một chủ nghĩa và chúng ta chống lại ý chí thống trị của chủ nghĩa đó nhưng sự chống lại chính đáng đó cũng đã bị lợi dụng hoặc bởi những phần tử thối nát, cơ hội, hoặc bởi ngoại bang. Những lợi dụng này hiện nay quá rõ ràng, và lấn át hẳn mục tiêu chính đáng trên. Chiến tranh trở thành bế tắc và bế tắc cho cả hai bên. Bên kia cũng bị kẹt

với đồng minh của họ. Nhưng bởi vì chế độ của họ chặt chẽ nên không thể nói khác được. Bên này cũng bị kẹt, nhưng còn có thể nói khác được. Do đó một lối thoát phải được phác họa, bắt đầu từ bên này. Chính vì thế mà bên này có tâm ca, mà bên kia không thể có tâm ca hay văn nghệ phản chiến. Trong tinh thần đó sự kiện có tâm ca, văn nghệ phản chiến không còn có nghĩa như một thái độ đầu hàng nhưng như một khởi điểm cho việc tìm kiếm một lối thoát đích thực. Vậy vấn đề là làm thế nào để thực hiện được những ước muốn hòa bình không phải là đầu hàng? Phải có một đường lối, và tiến tới một hành động.

Nói cách khác, Tâm ca, văn nghệ phản chiến phải đưa tới một tư tưởng chính trị... và một tranh đấu chính trị: nhằm chấm dứt một chiến tranh đã vượt khỏi quyền lợi chung của người Việt đồng thời chấm dứt những đe dọa án sát tiêu diệt lẫn nhau giữa người Việt. Không có tư tưởng chính trị và tranh đấu chính trị, Văn nghệ phản chiến chẳng những không giải quyết được gì, mà còn có thể đưa tới những tác dụng nguy hại, huyền diệu như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, trách nhiệm gây ra những ảo tưởng, lợi dụng không phải ở người nghệ sĩ vì họ đã làm xong vai trò của họ mà là ở người suy tưởng và người làm chính trị. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây, không phải những bản hát kháng chiến đã đưa tới kháng chiến thắng lợi, mà

chủ yếu là đường lối và sự chiến đấu gian khổ. Nhưng thử tưởng tượng cuộc kháng chiến không có bài hát, không có văn nghệ kháng chiến? Văn nghệ không bao thay thế được tư tưởng và hành động, mà chỉ khởi mào và nuôi dưỡng yểm trợ tư tưởng, hành động.

Đến đây, vấn đề căn bản đã đặt ra thật rõ rệt: Chúng ta đã có một đường lối và một lực lượng gì để chấm dứt chiến tranh trong tình thần phác họa ở trên chưa?

xXx

Một chiến tranh không bài hát.

Cuộc chiến tranh này là một chiến tranh không có những bài hát hay chân thành.

Ai thử tìm cho một báo nào ca tụng chiến tranh chống người Việt mà mình không chấp nhận có thể gây xúc động và nâng cao tinh thần hăng say tiêu diệt người Việt đối lập đó?

Nhưng một chiến tranh không bài hát phải chăng là một chiến tranh thiếu chính-nghĩa rõ rệt?

Tại sao kháng chiến trước đây có nhiều bài hát hay? Vì kháng chiến có chính-nghĩa rõ rệt: chống ngoại xâm; và xuất phát từ lòng yêu nước thực sự. Bài hát kháng chiến không thể gây tác dụng « huyễn diệu » vì có đối tượng rõ rệt: kẻ thù thực dân; có mục tiêu rõ rệt: dành độc lập quốc gia... Và phổ biến song song với đường lối tranh đấu kháng chiến.

Còn Tâm ca, văn nghệ phản chiến bây giờ? Rất dễ gây ảo tưởng vì chỉ phản đối tiêu cực và không phát triển song song với một tranh đấu chính trị.

Chiến tranh này không có bài hát hay đề hát. Tâm ca hát được nhưng chỉ hát tâm ca, lại chẳng đi đến đâu. Tuy nhiên, vấn đề không phải là phủ nhận tâm ca, nhưng là tìm cho ra một tư tưởng chính trị, một hành động chính trị thể hiện những ước mơ của tâm ca và chấm dứt những nỗi niềm day dứt trong tâm ca...

NGUYỄN VĂN TRUNG

tìm đọc

đất sống

Nguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học
của lớp người ý-thức hiện đại

TÌM ĐỌC!

Tuổi Thơ

Tập truyện của LƯƠNG-THẾ-NAM
NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO PHÁT HÀNH

Từ Đại Hội Cộng sản Nga số kỳ XX (1956)
đến Đại Hội Cộng sản Nga số kỳ XXIII (1966)

Những biên chuyện sâu đậm trong chính tình Nga xô

• ĐÀO-QUANG-HUY

(Xin xem B.K.T D. từ số 223)

Trước ngày đại hội kỳ XXIII khai mạc, một số hiện tượng chính trị sau đây tại Nga-sô đã phản ảnh hai nguồn dư luận chống đối nhau trong quảng đại quần chúng Nga, ảnh hưởng tới các quyết nghị sau này của đại hội: đó là ý hướng phục hồi chế độ Ssaline và ý hướng tiếp tục hạ bệ Staline...

Trong tháng 11 năm 1965, tạp chí « Kommounist » nhắc nhở lại biến cố chính trị tháng 10 năm 1964 (13-10-1964, ngày Krouchtchev bị hạ bệ) bàn luận về tầm hạn quan trọng của biến cố này và kêu gọi chính phủ, nhân dân và đảng phải triệt để chống lại hai căn bệnh chủ quan và tự nguyện liều lĩnh (1) để tránh việc tái diễn các cuộc thí-nghiệm phiêu lưu theo kiểu Krouchtchev.

Trước đó một tháng, trong một phiên họp thu hẹp Ông Brejnev đã lên án kẻ mà ông kể vị. Theo Brejnev, kế hoạch

Krouchtchev đã làm tan mọi cơ sở hạ tầng của nền canh nông Xô-viết, đặc biệt đã làm giảm sút mức sản xuất nông nghiệp của xứ Kazakhstan. Cũng trong phiên họp này, ông Chelest, một nhân viên trong ban bí thư của đảng đã trách Krouchtchev có tật hay tuyên bố bừa bãi, và cam kết một cách vô trách-nhiệm (ám chỉ mối bang giao Nga — Mỹ và Nga — Trung cộng thời Krouchtchev). Đồng thời cũng trong phiên họp này, Brejnev đã đề cập đến một số sự việc mà ông gọi là những thành-công của chế độ do tài-năng và đức tính của Staline.

Ngày 30 tháng Giêng năm 1966, nhóm nghiên-cứu Sử học Nga xô cho công bố trên Nhật báo Sự Thật (Pravda) khoảng thời gian Staline cầm quyền tại Nga Xô, tuyệt nhiên không đề cập

1) Tạm dịch hai danh từ « Subjectivism » và « voluntarism ».

đến những lầm lẫn (nếu có) của chế độ, mà chỉ toàn thấy ca-tụng công trình kiến tạo của lãnh tụ này cho xã hội Nga sô. Tài-liệu sử học này công nhiên bác bỏ luận điệu lên án Staline là có tà ý tôn sùng cá nhân. Tài liệu viết « kể từ ngày cách mạng vô sản thành công tới nay và đặc biệt dưới các thời hai đồng chí Lénine và Staline cầm quyền, chủ trương tôn sùng cá nhân không có chỗ đứng trong lãnh thổ Nga sô » !

Ngược lại với ý hướng trên đây là lá thư ngỏ của các nhà trí thức Nga sô. Lá thư gồm trên ba nghìn chữ, viết gửi Chủ tịch đoàn, ban bí thư đảng C.S. Nga sô và các phái đoàn tham dự đại hội kỳ XXIII, đăng tải trên các nhật báo tại Mạc-Tư-Khoa, hai ngày trước khi đại-hội này khai mạc. Tài liệu nói trên là của hai mươi bảy nhà trí

thức Nga sô, phần lớn là các nhà bác học và chuyên gia trong ngành thám hiểm không gian mà phương-danh không được tiết lộ.

Nội-dung, thư ngỏ đề cập đến chế độ kìm kẹp trí thức dưới trào Staline, ca-tụng bầu không khí dễ thở từ khi Staline bị hạ bệ, nêu ra các thành-quả mới đây của ngành thám hiểm không gian và nhiều tiến bộ khác về khoa-học và kỹ thuật, Đoạn chót, các nhà trí thức này lo ngại sẽ có một sự thoái lui về chế độ cũ (tức là phục hồi chế độ Staline) và cảnh cáo sẽ dùng mọi cách và uy tín của giới này đề cương-quyết bảo vệ không khí tự-do, phóng khoáng hiện họ đang được hưởng.

Đại hội Cộng Sản Quốc Tế kỳ XXIII đã nhóm họp trong bầu không khí chính trị giăng co như vừa lược kể.

II. ĐẠI HỘI ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ KỶ XXIII

Ngày 29-3-1966, bài diễn văn khai mạc đại hội do Chủ tịch Brejnev tuyên đọc cho mọi người ý niệm rõ rệt là trong kỳ đại hội này, các quyết nghị sẽ được tham khảo và biểu quyết với một tinh thần đặc biệt thận trọng để tránh vết xe đổ của các kỳ đại hội trước đây (ám chỉ Krouchtchev). Brejnev đề cập tới tình hình thế giới căng thẳng hiện tại, đến mối bang giao giữa khối Cộng sản và khối Tư bản, đến ý nghĩa vụ xung đột ý thức hệ Nga-Hoa, đến các tiến triển thâu đạt được do kế hoạch

thất niên của Krouchtchev (đại loại: tiến triển về khoa học và kỹ nghệ, thất bại về nông nghiệp và chăn nuôi) và sau chót thỉnh cầu đại hội tận trừ hai căn bệnh chủ quan và tự nguyện phiêu lưu liều lĩnh.

Trong các ngày kế tiếp, đại hội đã thảo luận về vấn đề thuần nhất chính đảng. Ý kiến nổi bật là ý kiến chê trách các vụ hạ bệ đã xảy ra trước đây. Theo ý kiến này thì mỗi vụ hạ bệ một nhân vật tại Nga Sô lại kèm theo cả một chiến dịch tuyên truyền lên án kẻ thất thế...



Brejnev đọc diễn văn khai mạc Đại Hội (giữa) Kossyguine (tay mặt) và Soustov (tay trái)

cho đến nỗi người bình dân yên chí rằng xưa nay chính quyền tại nơi đây chuyên vận qua những phường toàn là độc tài ích kỷ, tham lam vô lối, ngu si đần độn, thiếu khả năng, vô đức hạnh. Mỗi vụ hạ bệ một nhân vật lại làm cho ý tưởng tự nhiên trên đây của quần đại quần chúng thêm vững bền, khó gột tẩy, cho dù rằng sau đó lại tổ chức các vụ phục hồi uy tín. Uy quyền của Nga xô và của đảng đã hao hụt quá nhiều vì các vụ hạ bệ và phục hồi, do đó dễ thuận nhất chính đảng và nhân tâm, đại hội kỳ XXIII từ khước mọi phán xét về các chế độ trước đây, chỉ nêu lên các sai lầm của chế độ mà không qui trách các sai lầm này cho một cá nhân hay tập-thể nào cả.

Với ý kiến trọng yếu trên đây, nhân khi bàn về một vấn đề tổng quát, vấn đề vấn hồi uy quyền và tái lập trật tự trong hàng ngũ chính đảng, đại hội kỳ XXIII đã đi tới quyết định: đình chỉ mọi luận-điệu hạ bệ Staline, không phục-

hồi chế độ Staline mà cũng không đả kích Krouchtchev. Thế là huề cả làng! Nhưng rồi đây thái độ ba phải của đại hội liệu có xoa dịu được mặc cảm tự tôn của Trung Cộng và lòng tự ty, tự ái của An-Ba-Ni không? Điều này còn phải chờ xem.

Vấn đề sinh hoạt trí thức tại Nga Xô là một trong số các vấn đề sôi nổi trong hội trường. Phần đông trí thức đòi hỏi phải tôn trọng một số tự do tư tưởng tối thiểu vì, theo luận cứ của nhóm này, sáng kiến không thể phát huy trong cưỡng bách và nếu không có sáng kiến, trí tuệ con người không làm sao có thể phục vụ cho hạnh phúc nhân quần.

Để cụ thể hóa lập luận của mình, nhóm trí thức đã nêu lên những con số, những bản thống kê chứng minh sự trưởng thành vượt mức của khoa học và kỹ thuật Nga xô trong những năm gần đây và đặc biệt nhất, trong khi đại

hội nhóm họp, các chuyên viên Nga sẽ cho phóng vệ tinh Luna X lên mặt trăng. Trong khi bay vòng quanh trái đất, vệ tinh này phát thanh bài Quốc-tế-ca của Cộng sản. Bài ca được chuyển tới hội trường mỗi khi Luna X bay ngang qua Mặt Trời Khoa.

Nhưng vào sáng ngày 5-4-1966, Thống Tướng Epichev, Tổng Giám Đốc Chính-trị Bộ Hồng Quân Xô Viết đọc một diễn văn lâu suốt 3 tiếng đồng hồ, cực lực lên án bọn « trí thức » mất « căn đảng » Thống Tướng nhấn mạnh về mức độ quan trọng của mặt trận đấu tranh ý-thức hệ, Thống Tướng nói : « Trong đám thanh thiếu niên đang nảy nở, chúng tôi đã gặp nhiều phần tử thiếu hẳn căn bản chính trị, mất hết tinh thần trách nhiệm của thế hệ, có những khuynh hướng tư kỷ một cách vô luân. Sự thê này là do các ấn loát phàm đời tệ, công trình của các nhà đại trí thức tạo ra... »

Thống tướng không quên kể ra một lô các tác phẩm và tác giả mà ông lên án là : « dưới chiêu bài tranh thủ tự do, chống đối các hình thức tôn sùng cá-nhân, đề cao và bảo vệ sự thật, những con người ấy đang đưa cả thế hệ thanh thiếu niên của ta vào con đường hủ-hóa »

Ông kêu gọi một cách thống thiết : « Làm như vậy, các con người ấy đang nổi dậy cho địch bằng cách giải giáp ý-thức-hệ của đàn em chúng ta... » và ông kết luận : « Tôi không chống lại nguyên tắc kiểm-thảo phê bình để sửa sai, nhưng nguyên tắc này không thể đi ngược lại quyền lợi tối thượng của Nga Xô và của thế

giới Cộng Sản ».

Sau bài diễn văn của Thống tướng Epichev, đại hội kỳ XXIII không thấy ra một quyết nghị nào liên-hệ đến chế độ sinh hoạt trí thức tương lai cho Nga Xô cả.

Ngày 6-4-1966, Alexis Kossyguine đọc bản tường trình về hai kế hoạch ngũ niên và thất niên trước đây. Bản tường trình có tính cách kinh tế nhiều hơn là chính trị. Những con số nêu ra chứng tỏ trong các thời gian này Nga Xô tiến triển rất nhiều về khoa học và kỹ thuật, tiến triển khá nhiều về thương mại và tiến triển không nhiều lắm về canh nông, chăn nuôi và ngư nghiệp.

Đại hội kỳ XXIII bế mạc với lời tuyên bố cho biết các nhà địa tầng học Nga Xô vừa khám phá được một « Kim-sơn » (4) rộng tới 400.000 cây số vuông⁸ trong vùng Ouzbékistan. Với kho vàng gần như vô tận này, đột nhiên Nga Xô đứng vào hàng thứ nhì trong các quốc gia sản xuất quí kim này (sau Nam Phi). Một biến cố khác đáng được ghi nhận trong đại hội kỳ XXIII này là Lê Duẩn, Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Bắc Việt, đã lên tiếng chân thành cảm tạ công trình viện trợ của Nga Xô cho nhân dân Bắc Việt đang chịu họa chiến tranh, sự việc này có thể làm phật ý Trung Cộng.

Với những nét chấm phá như vừa lược thuật có nên mệnh danh cho đại hội Cộng Sản Quốc tế kỳ XXIII này là một đại hội « ba phải » chăng ?

ĐÀO-QUANG-HUY

(4) dịch nguyên văn thổ ngữ « Altyn Taou » (núi vàng).

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ-UYÊN *

Ba tiếng súng nổ phía đồn, Vũ nghe rõ đủ ba tiếng kế tiếp trong cơn ngủ chập chờn nhưng không muốn thức tỉnh ngay. Chàng xoay mình, chiếc áo còn ướt mồ hôi ở lưng dính vào vải võng, chàng mở mắt chậm chạp, bầu trời sáng trắng, những đám mây trên cao viền bạc óng ả. Bàn tay tự động quờ quạng mở máy lúc nào không rõ. bây giờ tai chàng bắt đầu nghe thấy tiếng u u phát ra. Một đám mây tiến đến che khuất mặt trăng, vùng bóng tối lan dần từ phía khoảng trống cuối chợ tiến nhanh lại toán quân, những bóng đen thẫm nằm bất động từng vệt trên đất. Chàng áp ống nghe vào tai, đưa chân đạp hiệu thính viên nằm còng queo dưới đất. Địch tấn công lớn gần Bến Sa, tiểu đoàn 3 bị vây. Lệnh mở đường và giữ an ninh lộ trình cho tiểu đoàn dù đi đường bộ lên tiếp viện. Một bóng đen tiến lại gần, thì thào : « Vũ đâu ? Chuẩn úy Vũ nằm đâu ? ». Vũ cầm nút nhựa cứng gõ vào thành bi đông, tiếp tục tu nước. Bóng đen lại ngồi cạnh, khum tay hút thuốc, đầu lửa đỏ loé sáng soi rõ bộ cầm râu lởm chởm. Các binh sĩ đã tỉnh ngủ, loay hoay tháo võng, gập áo mưa. Những bóng đen lập lòe sau hàng cột chợ, những tiếng leng keng của các bi đông mở nút, tiếng báng súng va thăm trên đất nện. Vũ đeo giầy đạn vào người, dựng khẩu súng vào vai, có tiếng một binh sĩ chửi rủa nhỏ nhỏ, chàng khum tay hứng nước từ bi-đông chảy ra, té lên mặt. Tỉnh hẳn ngủ, nhìn khu chợ như sáng bừng lên dưới ánh trăng không còn mây che, chàng thấy một mối. Hy quay lại xoay tay đưa điếu thuốc lại cho chàng châm nôi. « Trung 3 xong chưa ? », chàng gật đầu, « Vũ biết lệnh chưa ? », chàng lau nhàu : « Nghe ban nãy rồi. Một giờ đêm mới về đến đây. Ba giờ sáng đã xuất quân, sống thế điu nào nôi ! » Một bóng đen băng nhanh qua sân chợ lại gần Hy hỏi nhỏ : « Đi chưa đại đội trưởng ? » Hy đứng dậy, bỏ điếu thuốc xuống đất, lấy chân đạp mạnh : « Trung đội 3 đi bên trái đường... », chàng gật đầu. Trung sĩ Ra thì thào : « Sáu giờ sáng trung đội mình mới phải đi đầu chứ chuẩn úy ? ». Vũ tự dưng cúi kính, chàng chưa bao giờ quen với tình trạng tị nạnh từng ly từng tí giữa các đơn vị lớn nhỏ, giữa từng chiến binh của đơn vị này. Chàng cố giữ khỏi lớn tiếng : « Được rồi ! Tiểu đội 2 trực trung đội đêm nay, đi trước ! Đúng 6 giờ sáng, đổi phiên cả trung đội lẫn tiểu đội đi đầu ». Rắc rối ! Chàng lau nhàu : « Nào có phải đi sau mà không chết đâu ! » Toán quân lăm lăm ngái ngủ di chuyển dưới ánh trăng, len lỏi phía sau các ngôi nhà kín

* Phần đầu của truyện này đã đăng trên tạp chí Văn-Học các số 46, 47 và 48 (Chú trích của tác-giả).

mít im lìm. Một hàng rào chắn ngang, binh sĩ tay giơ cao súng, tay cố ấn giây kềm gai xuống xoạc chân bước qua. Toán phía sau dồn cục, chờ đợi. Có tiếng ngáp dài. Vũ lắng nghe, tự hỏi âm thanh phát xuất từ hàng quân hay trong nhà. Chàng xoạc chân vượt qua hàng rào, kềm gai lướt sắc trên mông, chàng tự dừng thấy thềm ngủ đến độ muốn nằm ngay xuống giữa hai luống rau, nằm ngủ cho tới sáng. Toán quân tiếp tục đi, một vệt dài đen thẫm im lặng uốn cong len lõi giữa các nhà kín mít, trắng sáng thật sáng làm nổi một tiếng chửi thề trên giọng khàn hạ thấp của một binh sĩ bị kềm gai móc vào chân. Bốn giờ sáng có lệnh dừng quân bố trí, Vũ cho trung đội đóng dài dọc lộ phía sau lớp nhà, hút thuốc trong chiếc mũ úp trên tay. Âm thanh rì rào của máy truyền tin, hiệu thính viên thì thào xen lẫn với tiếng huýt sáo nhỏ: « Thanh 3 gọi Thanh nghe không trả lời, Thanh 3 gọi Thanh nghe không trả lời... Thanh 3 đã tới vị trí ấn định, Thanh 3 đã tới vị trí ấn định... » Đoàn xe tải quân tiếp viện bắt đầu xuất hiện, những khối đen to dần trong tiếng động cơ ầm ầm, những ngọn đèn xanh ngụy trang leo lét như mắt mèo. Vũ đứng dậy, đeo súng lên vai, gắn điều thuốc lên miệng ra đứng ven quốc lộ, tựa lưng vào cột hàng rào. Những bóng đen bất động trên xe, một vài đốm lửa đỏ hình như hướng về phía chàng như một lời chào không thành tiếng. Ánh trăng tràn đầy, loang loáng trên các đỉnh tròn của mũ sắt, lẫn trong tiếng động cơ vang lớn. Đoàn xe đã đi qua, Vũ nhìn theo chầm đờ chiếc xe cuối cùng, vợ vẫn nghĩ tới đơn vị bạn đang thất thế, cầm cự từng phút cũng dưới thứ ánh trăng này. Chàng trở lại chỗ cũ ngồi tựa cửa căn nhà, tay quàng lên báng súng ngủ thiếp đi.

Cánh cửa lay động như muốn mất hút về phía sau, Vũ giật mình vùng quay lại. Trời đã hửng sáng. Người đàn bà bất động đặt nguyên tay trên cạnh cửa nhìn những người lính ngồn ngang ngoài thềm, không ngạc nhiên, không sợ hãi. Phía trong, ba đứa trẻ ngủ lả lác trên chiếu trải ngay dưới đất. Vũ giơ tay che miệng, hỏi qua tiếng ngáp: « Sao bác để các em ngủ đất? Dễ đau bệnh lắm! » Người đàn bà trả lời, không mỉm cười, không nhăn nhó: « Phải đành vậy. Nằm giường đâu có chạy đạn rập. Dạo này đánh nhau quá trời đi chú! » Vũ đứng dậy, vươn vai nhìn một vùng trời bắt đầu ửng đỏ, ra s* n mức nước té vào mặt, châm một điều thuốc, nghĩ tới một ngày vất vả đương chờ đợi.

— Máy giờ rồi anh?

— Không biết.

— Anh xem đi.

Đầu người con gái đè nặng trên bụng, ánh trăng phản chiếu từng đợt sáng trên tóc khi thiếu nữ cử động, Định cúi xuống mỉm cười.

— Đồng hồ anh để trong túi quần trái, em lấy mà coi,

Bàn tay nhỏ trắng vùng lên, lách giữa những lớp vải tìm kiếm, những đầu ngón cử động mơn trớn trên đùi chàng. Thiếu nữ giơ đồng hồ lên, nghiêng đi nghiêng lại để tránh ánh trăng phản chiếu trên mặt kính.

— Ba giờ rồi anh...

— Tám giờ anh mới đi. Bọn mình còn nhiều thì giờ.

Định cúi xuống, thiếu nữ đang ngậm ngón tay chỏ của chàng, đầu lưỡi nóng ẩm ướt trên da, ánh trắng đọng hai vết nhỏ trên đôi mắt mở lớn. Chàng nghi ngờ, đưa tay vuốt kẽ mắt, tìm thấy vết ẩm ướt. Linh vùng vờ tay qua gáy chàng, dướn người lên hôn, Định giữ nguyên vị trí, đôi môi nàng mấp máy tìm kiếm, chàng bất động, bàn tay áp trên gáy cử động yếu dần và bây giờ Linh đã buông đầu vào lòng chàng, những giọt nước mắt xuất hiện từng khối trắng đọng lớn dần.

— Tại sao em không cản anh đi sư đoàn ? Linh ! Em biết lúc ấy em cản, anh sẽ rút đơn lại mà.

Thiếu nữ cựa người, một giọt nước mắt, chàng trông rõ một giọt nước mắt lăn xuống gách.

— Em không muốn... Nhưng tại sao anh cứ phải ra trận mới được ? Anh tưởng sẽ tìm được cái gì cho anh ở đó. Không có gì đâu anh, không có gì hết đâu, anh ! Em biết thế, em là đàn bà, em yêu anh, em biết rằng không có gì ở đó cho anh đâu !

Định nín lặng nghe, tiếng đoàn xe lửa lớn dần, át tiếng nói của Linh. Bây giờ đoàn tàu đã đi qua, ánh trắng tiếp tục trên sân gạch, trên những trái tầm ruột góc sân bên kia. Chàng tựa đầu vào vách tường, khép mắt gần kín để nhìn những ánh sáng lấp loé trên hàng mi.

— Em không muốn cản anh bởi vì em biết anh chỉ có thể sống yên bên em sau khi tham dự cuộc chiến. Mỗi người đàn ông cần phải trải qua một cái gì đó mới có thể sống yên...

— Đừng lo cho anh !

Bàn tay Linh đưa lên lục lọi túi áo lấy bao thuốc, đặt một điếu vào môi chàng. Anh bật lửa bùng lên, nét mặt Linh xuất hiện gần như vui vẻ làm chàng ngạc nhiên và cảm thấy đau nhói trong lồng ngực. Cái chết xuất hiện, lần khuất với nụ cười... Không rõ ràng như thế, chàng tin sẽ có thể chết. Có lẽ vì sự có thể này, chàng đã xin đi đơn vị tác chiến, có phải chỉ vì thế...

— Em biết tại sao anh muốn ra trận không ?

— Em đã nói rồi. Anh cần phải trải qua chiến trận... Để làm gì ? Vì tự ái đàn ông, vì kiêu hãnh làm người hay vì cái gì nữa em đâu biết. Em chỉ biết em không nên cản trở anh, em chỉ biết anh chỉ có thể sống yên bên em sau khi đã trải qua... cái thứ mà anh gọi là cuộc chiến tranh khốn kiếp này.

Linh ngừng bật vì chàng đã vòng tay nâng lên hôn, ngậm đôi môi nóng và vùng cắn mạnh, thiếu nữ muốn kêu nhưng âm thanh không thoát ra.

— Không hiểu sao em tin rằng em sẽ chết trước anh đấy, anh yêu !

Định cười, nhặt điếu thuốc còn cháy quặng lẫn lóc bên cạnh. hút tiếp :

— Em có tin có linh hồn không, Linh ?

— Em không biết nữa, nhưng em mong rằng có. Bởi vì như thế dễ sống và dễ chết hơn, anh thường nói.

Bởi vì như thế dễ sống và dễ chết hơn ? Có đúng thế hay không, không biết, nhưng chàng biết chắc đã nhiên lần luyện tiệc thời kỳ thơ ấu, thời kỳ chàng tìm

thấy, cảm thấy có những vị thần linh dữ tợn sống trong các hốc cây đại thụ, những con ma lả lướt trên rễ đa và những nàng tiên lang thang vờ vẩn trong không gian đi tìm những đứa trẻ đang khóc vì mất đồ chơi hay tủi hổ vì cha mẹ vắng. Chàng nhớ lại thật rõ rệt bốn bức vách quét hắc ín căn phòng chứa xác tòa nhà bác sĩ một thị trấn xa, nơi chàng ở nhờ khi tới đây nhiệm nhiệm sở mới. Chung quanh vườn rộng um tùm, cành lá chịu nước của mùa mưa kéo dài, nửa đêm chàng nghe thấy tiếng cạo cửa, tiếng móng sắc và cứng trên cửa sồ, cửa ra vào, cửa thông sang phòng đề đồ bên cạnh. Trong giấc ngủ chập chờn, ý thức như ghi nhận những vết cào xước ấy ngay trên sọ. Buổi sáng trở dậy, đi quanh nhà xem xét, chàng thoáng lạnh người khi không tìm thấy trên các cửa một vết cào nào. Khu nhà rộng không có chó, không có mèo, Người đàn bà làm vườn trợn mắt thì thào : Ông không biết à? Xưa Tây bắn chết mấy chục người ngoài vườn. Xác xếp cả trong phòng đó, phòng chứa xác của ông đốc-tờ ! ». Đêm sau chàng đi uống cà-phê khuya, trở về tắt đèn, cầm chiếc đèn bấm đi rùng ngời thu người góc phòng chờ đợi. Khi tiếng cào bắt đầu, chàng đón đến tiến lại gần, chồm lên đập tung cửa, nhào sang buồng chứa đồ. Dưới ánh đèn pin quạt ngang dọc, không dấu vết một sinh vật nhưng cửa chiếc tủ kê nghiêng đang từ từ mở một cánh. Tim thắt lại lạnh giá, chàng nhảy chồm tới mở tung cánh tủ còn lại. Dưới ánh đèn một con chuột lớn đang lẩn trốn sau dây chai lọ va đồ loảng xoảng. Khi nhảy tới, chàng tìm gì? Một bóng ma hiện hình, một con quỷ không đầu hay một hồ ly xoa tóc đang khát tình? Chàng không hiểu rõ, chỉ biết đã thấy thất vọng đến tận xương tủy khi thấy một con chuột mất dương lấp lánh sợ sệt. Bàn tay nóng của Linh úp lên má chàng :

— Anh nghĩ tới cái gì thế?

— Anh đang tự hỏi có linh hồn hay không.

Tự dung một nỗi thiết tha với cuộc đời; thiết tha mạnh mẽ tới độ làm cơ thể chàng rung lên, nhức nhối. Chàng nói dồn dập :

— Trong đời anh, anh chưa thấy người đàn bà nào yêu mạnh mẽ như em. Vậy nếu em chết trước, anh sẽ lấy vợ khác, đêm tân hôn anh sẽ mang tới căn phòng xưa bọn mình đã sống ở Da-lat tuần trăng mật. Anh sẽ để cô nàng trần truồng nằm trên giường, rồi mở lớn cửa sồ gọi tên em. Nếu có linh hồn em sẽ phải hiện về. Nếu không, sau cái chết sẽ không còn gì cả. Em hiện về không, Linh? Anh sẽ gọi tên em thật to cho cả vùng đồi, cho tới tận nghĩa trang có mộ em...

Thiếu nữ níu tay qua vai người đàn ông, ngồi dậy, mắt mở lớn :

— Em sẽ về! nếu có linh hồn... bằng bất cứ...

Thiếu nữ vùng úp mặt vào vai chàng khóc nức nở, nghẹn ngào :

— Anh nói thật đi anh! Sau cái chết anh còn tin có gì nữa không, còn gì nữa không...

Định bế thiếu nữ vào nhà, qua chiếc sân ánh trăng đã nhạt. Chàng hơi dừng lại trên bậc cửa, nhìn lên bầu trời phía đông đã bắt đầu trắng sáng trước khi cúi xuống hôn lên khuôn mặt đầm nước mắt. Nằm phủ lên Linh, chàng không thấy thêm muốn nhưng chàng muốn, vô cùng mãnh liệt, vào sâu trong cơ thể phía dưới của người khác kia, kẻ khác kia, những thúc đẩy run rẩy của cơ thể chàng tìm

kiếm được hòa hợp với Linh, người khác kia, không có nghĩa gì hơn không mang một giá trị gì hơn là biểu lộ một chống đối thật nhỏ và vô ích với khoảng không có gì hết sau cái chết. Khi thân thể rung chuyển mạnh trước phút cao độ của đàn ông, Linh vùng xiết chặt, những ngón tay có móng nhọn chới với trên lưng chàng, những câu nói nàng thốt ra, chàng không hiểu rõ, nhưng cảm thấy như một chuỗi tiếng kêu tuyệt vọng từ ngàn xưa của con người khi biết chẳng bao giờ thoát khỏi cái chết đang chờ đợi.

oOo

Súng cối ở đồn bắn? Chị Ba nhắc đầu gối lo ngại, nín thở nghe ngóng. Thân thể cứng lại trong chờ đợi tiếng nổ lớn kinh hồn. Chiếc đồng hồ lấp lánh ánh dạ quang xanh mờ vẫn kêu tích tắc trên bàn sát giường. Chung quanh im lìm, tiếng một con chó sủa ở xa, một con mối tắc lười trên vách. Không có gì cả, chị thở phào. Chắc thằng Bé đạp chân vào vách, không phải tiếng súng cối bắn đi. Chị tự hỏi mấy giờ, bực mình khi nhớ ra ban nãy có ngó vào đồng hồ nhưng không nhớ là mấy giờ. Chị lồm cồm ngồi dậy, đưa tay cuộn mái tóc rũ rượi lên đầu, gáy và bàn tay đều nhớp mồ hôi, nóng bừng. Mới có ba giờ. Qua khe vách, ánh trăng từng vệt cắt ngang thân hình anh Ba và thằng Bé nằm phía ngoài. Chị cúi xuống, người đàn ông ngủ say, tiếng thở đều đều.

— Anh ơi! Hình như có tiếng súng ở đồn.

Người đàn ông âm ừ, co hai chân lên, một khoảng khắc ngắn bàn chân bám đất hiện rõ dưới ánh trăng.

— Đề tui ngủ. Sáng đâu nào.

Chị lay chồng khe khẽ:

— Anh cứ dậy thử coi. Nhớ mấy ông bắn thiệt, chun vô hầm đâu có kịp.

Chị đưa tay quàng lấy đầu chồng, kéo lên. Đầu gối người đàn ông lọt vào giữa hai đùi ấm áp, làm chị tự dưng muốn khép hai chân lại. Vợ chồng vừa đôi co lúc tối, chị muốn ăn nằm từ chiều, từ lúc anh Ba xối nước ngoài sân, cái móng cứng lâu lảng nước làm chị nóng ran từ dưới lên trên. Chị cố ru cho thằng Bé và khi nó đã ôm cái chăn dạ lính ngủ, anh còn lúi húi đan cái gì không biết ở căn bên. Chị đục tắt đèn, một lần, hai lần, anh không nhúc nhích. Có tiếng dao chặt nhẹ và tiếng cười: « có người nghèo mà ham quá ta... » Nghe tức điên, chị không thèm nói nữa, quay mặt vào vách cố ngủ. Anh kéo ngựa ra, chị vùng vằng không chịu. Anh lao người lên, dè trên cánh tay đau nhói, chị càng tức co chân đạp tung anh xuống đất. Sau cùng cả hai cùng ức, nằm cạnh nhau im lặng. Về khuya chị thao thức không ngủ được, người vẫn râm ran bứt rứt. Chị xoay người lại ép sát vào chồng. Chị biết anh chưa ngủ. Nhưng anh nằm im. Chẳng lẽ chị lại dàn hòa trước. Chị toan tính quần quanh, mong có tiếng súng nổ để cả vợ chồng con cái leo xuống cái hầm dưới gậm phẫn. Thế là tiện, khỏi phải ai dàn hòa với ai hết. Nhưng đêm nay yên tĩnh. Trăng sáng, chắc mấy ông trong đồn nhớ vợ nhớ con không buồn động tĩnh. Chị ấm ức, ấm ức với tất cả. Chẳng lẽ lại đưa tay ra trước để anh chàng sáng mai làm tàng, chịu đau nỗi. Bây giờ không gian bốn bề yên tĩnh, trăng sáng như ban ngày ngoài vách và người chị thì như thế. Chị đưa tay xoa bộ ngực căng tức sữa, một cảm giác buồn buồn bứt rứt lan khắp người,

phía dưới bụng như căng ra. Chị bước xuống đất, tiến đến sát vách đối diện, nhìn qua khe. Hàng hiên sạch trắng dưới ánh trăng, dưới mấy bóng cây ngoài vườn không hình dạng nào khả nghi : đêm nay không có toán quân nào tới đóng quanh nhà. Chị toan mở cửa ra ngoài, nhưng lại thôi. Biết đâu mấy ông lại không nằm phía chuồng bò bên kia, bước ra dám bị đạn làm. Ai biết được mấy ông ở chỗ nào, lệ thế rồi, ban đêm ra khỏi nhà không cầm đèn bả chết bỏ. Tuần trước, trăng cũng sáng, bà Hương áp trên nửa đêm ra ngoài đi cầu, bị bắn gãy cẳng. Còn nằm nhà thương trên tỉnh chưa về. Thôi, ở trong nhà là hơn dù chị rất ghét làm việc này trong nhà, Anh Ba nằm kia. Tắm ảnh nhìn chị còn ngượng nữa là... Những lúc thế này, chị muốn già phút cho rồi để có thể như mấy bà, tiện đâu ngồi đó. Chị cúi xuống, cẩn thận kéo cái chậu xa vách cho vừa tầm, chị tụt quần ngồi xuống, cố giữ cho tiếng nước khỏi vang động. Có tiếng cười nhỏ trên giường thì phải, chị không dám chắc có phải không. Lại gần giường, chị khe khẽ leo lên, một cánh tay đột nhiên quàng qua lưng, vít xuống. Chị vùng vẫy thì thào :

— Khéo dè lên thằng nhỏ !

— Dè lên đâu cũng được, làm tàng hoài à !

Chị dẩy dựa, cố xoay người ép vào vách :

— Chẳng biết ai làm tàng...

Đột nhiên chị chống tay ngồi lên. Có tiếng động cơ lớn dần, âm ì dữ dội. Anh Ba nói lỏng tay úp trên ngực vợ, nghe ngóng. Đoàn xe vụt trên lộ bên kia vườn, hết chiếc nọ đến chiếc kia. Sau cùng tiếng động cơ nhỏ dần, khuất đi. Chị thả người nằm xuống, hất chông ra ngoài thì thào :

— Thôi mình ! Mấy ông hành quân lớn, đạn bắn tùm lum bây giờ. Tôi hông chịu xách quần tụt vô hằm như bữa trước đâu.

— Thì ôm quần tụt vô đã sao, như bữa trước đã sao ?

Chị then nóng bưng má. Bữa đó, súng nổ tứ tung, ngồi sát vách đất hằm tay ôm mớ quần áo, tay bông dừa nhỏ mà ảnh còn tiếp tục... Nỗi ngượng nghỉ lại làm chị bơ thờ, tứ chi xao lãng thủ thế. Anh Ba lợi dụng lao ngay lên. Chị vùng người không kịp. Chị nói nhỏ :

— Làm khế chứ ! Cho thằng nhỏ ngủ.

Chị lơ mơ nghĩ sáng mai phải dậy sớm ra chợ bán thúng khoai mì. Chắc chín giờ là hết, tới hàng vải mua cho thằng nhỏ chiếc áo, cái mầu đồ chị ngắm nghĩa từ ba bữa nay. Tiếng anh Ba thở mạnh, chị chợt nhận thấy hơi ủa ra khỏi miệng mình còn mạnh hơn, rồi chị chẳng còn nghĩ còn nhận thấy cái gì nữa.

Hy trái tấm bản đồ bọc nhựa xuống cỏ, cầm bút chấm. Nặng hắt trên nhựa bọc làm Vũ nhăn nhó khó chịu.

— Trung đội 3 hôm nay trực, đi bên phải quốc lộ. Trung đội 2 đi bên trái, tôi và trừ bị đi sau trung 2.

Có tiếng huýt sáo vang từ máy truyền tin, Vũ đưa tay cầm ống liên hợp, trả lời. Lưỡi chàng chuyển động khó khăn, miệng khô khan thêm thường một ly cà phê sữa đặc quánh. Chàng cài ống nghe vào đai vải, quay lại nói :

Tiểu đoàn báo cho biết có một đại đội biệt động quân từ bên kia sông rút sang, theo lộ trình này...

Vũ cầm bút vạch trên bản đồ :

— Tiểu đoàn dặn phải cẩn thận, không dụng nhăm. Họ sẽ tới ngã tư đất đỏ rồi theo quốc lộ về tỉnh.

Hy gạch chữ thập lên ngã tư :

— Khỏi lo dụng nhăm. Một giờ nữa tối đa đại đội mình vượt qua ngã tư rồi. Vũ nhớ khi qua ngã tư, cho bắn càn quét vào rừng bên phải.

Vũ khó chịu, làu nhàu. Chàng rất rất ghét cái lối nỏ súng bừa bãi khi không có địch. Chàng đứng dậy, vươn vai hỏi :

— Chắc chắn có địch ở số nhà đó không ?

Hy gập bản đồ, đút vào trong ngực áo :

— Một trung đội du kích. Thằng Tư-tướng bảo vậy. Cứ biết vậy đã. Nhưng mong rằng tin đó sai:

Khi len lối sau các lớp nhà các ruộng khô gần tới ngã tư, Vũ hết sức mong tin đó sai. Xe hàng đồ dòn cục, các hành khách đứng từng nhóm nhỏ nhìn về phía trước. Chàng cho quân ép sát lộ, một người đàn bà đi tiểu luống cuống kéo quần lên đứng dậy, một ông già tiếp tục đái, thản nhiên nhìn toán lính xáp lại gần. Cho quân bố trí sau bờ tre, chàng gọi hiệu trưởng viên đi cùng lại ngã tư, hỏi mấy người tại xế đang ngồi ngòn ngang hút thuốc :

— Có mô phải không ? Mấy cái ?

Một người mặc áo trận lính cũ lem luốc đầu đứng dậy :

— Tụi tôi cũng không rõ. Vừa tới chỗ bờ ấp kia thì bị mấy ông hét bắt trở lui. Tụi tôi trở lui... Có tới hai ba cái mô chi đó.

Vũ cầm máy, gọi Hy :

— Thanh thấy gì không ? Thanh ba chẳng thấy gì cả.

Chàng nhìn qua ngã tư : bên phải đường là khoảng trống dài gần một cây số cây mọc thấp ngang đầu gối tới mép rừng. Phía xa bờ ấp cao vững như bức tường. Một khẩu trung liên đặt ở đó, trung đội chàng chỉ có nước nằm chịu trận. Vũ nói vào máy :

— Thanh cho Thanh Hai tiến trước dùm. Bên đó có rừng cao xu.

Tiếng Hy trả lời biến giọng qua ống nghe :

— Tôi cho lệnh như thế rồi. Những thằng Thanh Hai không giám tiến. Đồ gà chết cả lũ ! Thôi, Thanh ba tiến đi, tôi yểm trợ cho.

Trung đội mở rộng hàng qua ngã tư rồi đứng lại. Các binh sĩ nhìn khoảng trống dài trước mặt. Phía xa thành ấp đất trắng vững chãi. Vũ bực dọc, tiến lên đi đầu. Chàng mệt và chán không muốn chửi rửa gì nữa. Mọi sự là như thế rồi. Không thể sửa đổi, sức không đủ cho chàng sửa đổi bất cứ cái gì. Tay đặt trên cò súng đã nhờn chơn mồ hôi, chàng cố tập trung quan sát vào bờ ấp. Yên tĩnh, bất động. Còn xa quá, không thể phân biệt được chi tiết. Đột nhiên có tiếng la lớn phía sau :

— Dừng lại đi ! Đi nữa nó bắn chết hết.

Vũ quay lại. Toán quân trải rộng và dài về phía sau. Xạ thủ trung liên tiểu đội đầu đi một mình, người tải đạn ngồi bệt xuống một quãng phía sau. Vũ tức giận. Văn binh Cận, một kẻ luôn luôn kêu than, luôn luôn tìm dịp nhẩy dù về tỉnh. Một lần bị la, hắn nhìn chàng như muốn gây lộn. Và nhiều lần, chàng đã muốn đưa súng lên cho hắn một phát rồi mọi sự muốn tới đâu thì tới. Chàng la lớn :

— Lên đi ! Đứng đây, nó quạt thì tịch hết.

Cận vẫn ngồi dưới đất, nói trống không :

— Lên còn chắc chết hơn nữa.

Vũ thấy cơn giận biến thành một ước muốn giết người cuộn cuộn trong mạch máu. Chàng ngó cái bộ mặt lấp ló trên cỏ, đôi mắt lão liêng sợ hãi của Cận như thấy đó là tất cả những cái gì chàng thù hận trong cuộc đời này. Từ người vợ cắn nhả cau có, đứa con hay đau quặt quẹo cho tới lão tiểu đoàn trưởng đầu húi cua hay la hét, cho tới những nỗi cực nhục nhọc nhằn chàng đã phải trải qua cho tới lúc này, lúc này... Chàng đi trở lại, súng hạ xuống tiến lại phía Cận. Đôi mắt lão liêng hấp háy dưới ánh nắng buổi sáng nhìn chàng.

* * *

Nắng chiếu trên mặt bàn làm chất sữa trong ly mỡ màng hẳn lên, Định tỉ cầm lên tay cúi nhìn mảnh giấy ghi tiền đặt bên cạnh gạt tàn thuốc. Chàng thấy yêu chất sữa dưới nắng, làn khói thuốc xanh cuộn cuộn bay, chầm chầm và tha thiết trong một luyến tiếc cũ kỹ. Chàng đặt tay lên tay Linh trên thành ghế kế bên. Đôi mắt thiếu nữ mở lớn im lặng. Ngoài hè, hai người đàn bà dừng lại nói chuyện, vẻ mặt như cãi lộn. Định rút tay về, cầm chiếc mũ lưới trai bạc nắng, tháo phù hiệu cấp bậc.

Chàng vặn lại núm đồng vào đinh, bỏ tất cả vào túi, cầm bao thuốc, lấy một điếu. Chàng cầm bật lửa châm hút, chàng đặt bao thuốc xuống bàn, đặt bật lửa xuống cạnh bao thuốc, chàng cầm ly lên uống, đặt ly xuống. Những hành động bình thường của cuộc đời này, của chàng dưới đôi mắt nhìn mở lớn của Linh. Tám giờ rồi, tám giờ của một buổi sáng có nắng, tám giờ của một ngày. Nhưng một xiết thắt, một mong manh bao phủ tất cả những cử động, những khói thuốc, những chất sữa mỡ màng trong chiếc ly sứ dày cộp. Tám giờ rồi... Chàng quay lại nói, nhìn ra phía sau Linh :

— Mười lăm phút nữa anh đi.

— Anh đừng nói gì cả, anh đừng nói nữa, em van anh !

Chàng quay đầu lại, khó khăn nhìn ra đường, nhìn sang bên kia hè, nhìn thành tường thấp ngay trước mặt, nhìn chiếc ghế bọc da đỏ bên kia bàn, nhìn đôi giày cao gót trắng có một chiếc nơ nhỏ bằng da cứng, nhìn phần bàn chân Linh lộ khỏi giày, lớp lông tơ óng ả dưới nắng. Bàn tay của Linh đưa vào tầm mắt nhìn của chàng, tìm bàn tay chàng kéo đi. Chàng nhìn những chiếc xe chạy ngoài lộ, chàng nhìn những người đi trên vỉa hè, chàng nhìn thành tường thấp trước mặt, chàng nhìn chiếc ghế da đỏ bên kia bàn, chàng nhìn chiếc nơ nhỏ bằng da

trên mũi giày. Những ngón tay Linh lều lỏi, khao khát tìm đan kết với các ngón tay của chàng. Những ngón tay ấm, buồn rầu. Những quán quít tuyệt vọng, cảm nín trên tâm hồn chàng, tâm hồn đang gầy gầy trong một chia lìa với những chiếc xe chạy ngoài lộ, những người đi trên vỉa hè, bức tường thấp trước mặt, chiếc ghế bọc da đỏ bên kia bàn, những ngón tay ấm buồn rầu trên da chàng. Định cầm bao thuốc bỏ vào túi, cầm bật lửa bỏ vào túi quần, đứng dậy, cầm túi quân trang đưa lên vai. Linh ngồi bất động, bàn tay buông thõng trên thành ghế, nắng lấp lánh trên hàng mi dài. Chàng bước ra khỏi quán, chàng mở cửa xe tắc - xi, ném túi quân trang xuống sàn, chàng đóng cửa xe và chàng không biết Linh ngồi trên ghế nhìn gì, bức tường thấp trước mặt, những người đi trên hè hay điều thuốc cháy dở bốc khói trong gạt tàn lúc chàng đứng dậy ra đi.

oOo

Rồ khoai mì đã bán gần hết, chị hài lòng xoa hai tay vào nhau cho sạch đất. Nắng chưa gắt, chiếc nón chị còn quảng ngửa bên cạnh trên đất. Một người lính dừng lại, chị thấy đôi giày da cao cổ đầy bụi, gót phía sau mòn vẹt. Giọng nói lơ lơ làm chị biết đây là một người Nùng, tiểu đoàn đóng vùng này gần như có giọng nói như thế cả — mấy anh du kích gọi là dân xì-dầu lý do tại họ gần như không biết ăn nước mắm. Không hiểu xì-dầu ngon lành gì mà mấy ông ăn hoài được. Chị thốt cười rúc rích. Bà Tư đưa tay sua ruồi trên gói xôi bọc lá sắn, cầm đưa lên cho người lính, quay lại gắt đùa :

— Con Ba có cái chi thích mà cười hoài vậy ?

Chị tiếp tục cười, liếc nhìn người lính đang bốc xôi đưa lên miệng, khẩu súng kẹp giữa hai chân báng kê trên mũi giày, trả lời :

— Tui thích cười thì tui cười...

— Thôi, qua biết rồi. Sáng nay trời lên gần tàu cau rồi, qua nhà tui bây còn thấy liếp kéo kín mít. Ngủ chi kỹ vậy, bây giờ cười dữ. Qua biết quá mà...

Chị vụt thấy nóng bừng mặt, im bật cúi xuống luống cuống. Người lính nhìn chị như thế từ lúc nào chị không hay. Cái nhìn như cái nhìn của tui năm xưa lúc... Tự dưng chị ngồi ngay ngắn lại, lấy nón đội lên đầu. Chị thấy sờ sợ. Chợ buổi sớm đương đông và những người lính chính quy này về đây từ hơn một tháng không làm bậy bạ bao giờ, nhưng chị vẫn thấy sợ. Chị ngồi nín thinh nhìn xuống đất và chỉ thở ra nhẹ nhõm khi đôi giày cao cổ đựng đầy rồi đi khuất khỏi tầm nhìn. Chị biết không nên sợ vì không có gì đáng sợ cả nhưng chị vẫn... Thôi phải rồi, tui lính Pháp hồi ấy cũng đi thứ giày này. Bị tát văng vô gậm phàn, chị vừa đau vừa sợ nằm cố nín khóc, sợ bị lôi ra đánh thêm. Chị nhìn thấy những đôi giày như thế ngọ ngậy tiến lui, tiếng má chị la hét phía trên, tiếng cười lớn của toán lính, những câu nói xì xồ giữa la oải đau đớn nhỏ dần thành rên rĩ. Chỉ nằm lịm dưới gầm như thế cho tới chiều, cho tới khi toán quân rời khỏi làng, người bà lôi ra tắm rửa, cho ăn trước khi dẫn vào buồng thăm mẹ nằm trên giường mắt sưng vù đỏ ngầu,

— Còn chỗ này bán nốt cho tôi đi ! Năm đồng chịu không ?

Chị ngừng lên, nhận ra Đại diện Xã :


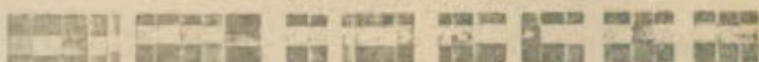
— Tưởng ai ! Anh thì còn lâu tui mới bán.

Chị cười, lấy giấy gói.

xXx

Vũ ngừng lại cách binh Cận vài thước, hạ mũi súng xuống. Chàng cố kìm giữ cho ngón tay trở nằm nguyên trên sắt che cò, nếu không.. Chàng cố giữ giọng điềm tĩnh, ra lệnh :

— Tiếp tục tiến !

Cận đứng dậy, xốc lại bao đạn, bước nhanh về phía trước. Khi đi ngang qua chàng, mắt Cận nhìn trộm, ánh mắt vừa sợ hãi vừa thù hận. Toán quân bắt đầu di chuyển, Vũ đột nhiên thấy tiếc một dịp giết người. Trái lệnh tại mặt trận, chàng có thể bắn chết Cận không bị hậu quả gì hơn một cuộc điều tra lời thối và ba mươi củ là cùng. Bây giờ Cận đã lui thủ đi sau xạ thủ trung liên, chàng nhìn cái lưng nhấp nhô, thấy uất ức lại tăng thêm. Tại sao chàng không bắn ngay lúc hắn vừa ngồi bệt xuống, tại sao chàng lại cố kềm chế. Dịp may đã qua rồi. Và như vậy chàng sẽ còn ngày lại ngày tiếp tục chiến đấu với những binh sĩ thiếu kỷ luật này không biết cho tới bao giờ. Chàng không thể vừa chiến đấu chống địch vừa lo chống thuộc hạ. Tiểu đoàn trưởng đã khuyên : "Cái sư đoàn này hỏng rồi. Đơn vị nào cũng thế thối. Thằng nào hỗn quá làm anh cảm quân không được, anh cứ tìm dịp thuận tiện, bắn chết nó đi cho rồi.  ". Vũ quay lại hiệu thính viên, lâu nhàu :

— Thằng Cận hèn thật !... Anh báo cho đồng đa trưởng biết bọn mình đã tiếp tục tiến,

Một tràng tiếng nổ từ phía ấp, khóm cây rung động dưới làn đạn. Vũ qui xuống, la vào trong máy giữa tiếng súng bắn trả ồn ào.

— Vinh ba bố trí tại chỗ. Địch bắn từ bờ ấp bên phải quốc lộ. Nghe không trả lời. Tôi không thể tiến được !

Tiếng Hy hồi hả :

— Tôi cho súng cối yểm trợ... Bọn chúng có trung liên đầu bạc. Tôi đang xin tư tưởng đồng đa bắn 81.

Chị Ba giật mình đánh rớt gói khoai mì xuống đất, lắng nghe tiếng súng nổ liên hồi. Chợt vụt im bật tiếng ồn ào, mọi người đứng dậy lo ngại nhìn về hướng tiếng súng. Đại diện xã cười :

— Xa tới hai cây số lận Đừng lo. Làm hư hết cả khoai mì của tôi rồi !

Vũ đứng dậy la lớn :

— Thôi bắn ! Thôi bắn !

Xạ thủ trung liên ngồi dậy nhìn về phía bờ ấp. Vũ tiến lại gần :

— Tụi chúng rút rồi.

Chàng chưa nói hết câu, một tiếng nổ bùng ra bên phải, tiếp theo một tiếng nữa. Chàng chạy lại máy vô tuyến, giăng ống nghe trong tay hiệu thính viên :

— Vinh Thanh, Vinh Thanh ! Súng cối hai trái nổ bên phải tôi roo thước. Không ai bị thương. Gọi tư tưởng đồng đa nhờ pháo binh yểm trợ mau. Đụng cả C. chúng nó rồi !

— Vinh ba tiếp tục bố trí tại chỗ cho tôi ! Si sắp bắn đó, quan sát !... Pháo binh sắp bắn trái khói bên phải anh. Điều chỉnh thẳng với tư tưởng đồng đa. Hết.

Một tiếng nổ, hai tiếng nổ, một chuỗi tiếng nổ ở trong đồn phía bên kia quốc lộ. Chị Ba lụp chụp quơ cái thúng :

— Chết tui rồi !

Dân chúng chạy tán mát vào các dãy nhà chung quanh chợ. Đồ hàng đồ lỏng chỏng. Đại diện xã la lớn :

— Bà con đừng lo ! Bà con đừng lo ! Súng cối đồn bắn đi đó. Không có sao đâu !

Chị nấp sau cột láo liêng nhìn những người lính chạy băng qua lộ, tập trung trước đồn. Chị bắt đầu bình tĩnh, quay lại mỉm cười với người ngồi xếp dưới c_hân :

— Hú hồn ! cứ tưởng mấy anh đánh đồn nữa.

(còn nữa)

QUY-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐANH CHỮ LÀM TẠI THUY-SI

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



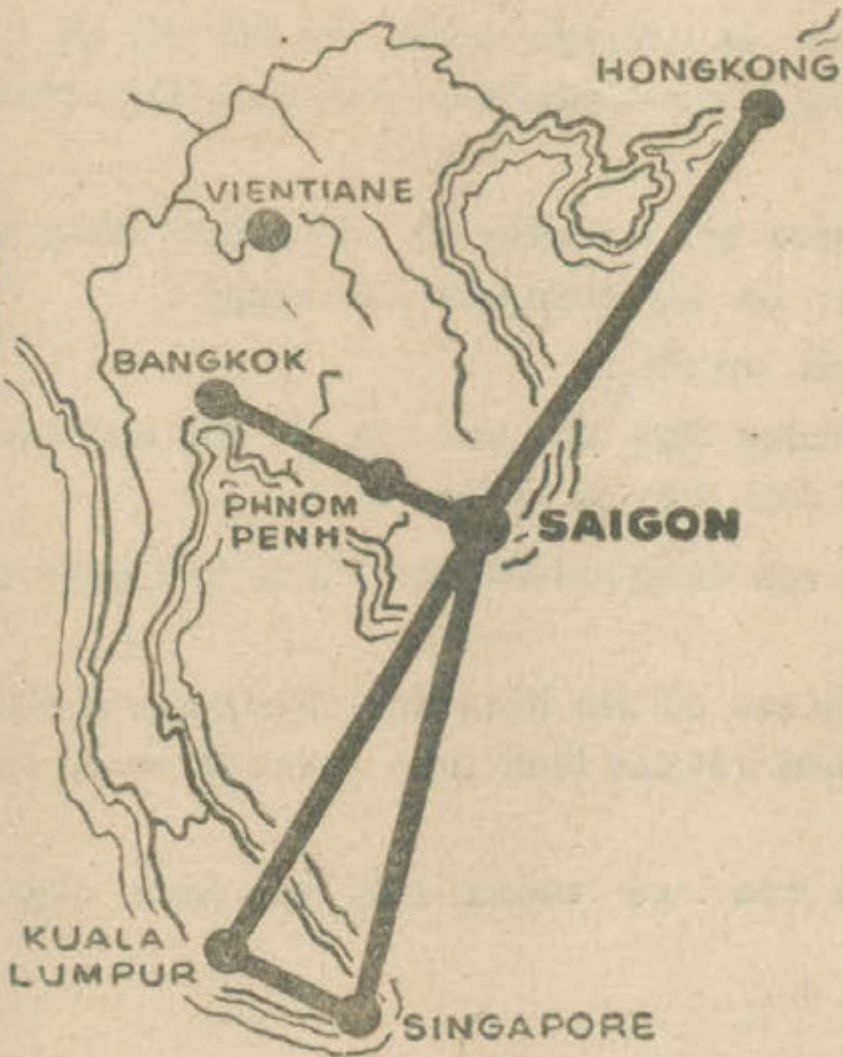
tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone (20.82) — SAIGON

V
i
ệ
t
N
a
m
H
à
n
g
K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng *Caravelle*
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LẼ NHƯ THỂ-GIỚI
của
ĐƯỜNG BAY *Hoasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
 - ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
 - ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÀN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI
- Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay*

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
116, NGUYỄN-HUYE, SAIGON. 21.624-625 b7p

Buổi tối êm đềm

(xin xem B.K.T.Đ. từ số 223)

Giấc mơ ngắn ngủi vừa cắt xén lại một màu đời. Hai Thạch vụt thấy mình trở lại quãng đời mà y đã theo đuổi sự học ở trường Cao tiểu Cần thơ. Thuở đó, sau cái chết của Trần văn Ôn, học sinh âm thầm hoạt động làm biểu tình và bãi khóa. Trong lớp không lúc nào ngớt cuộc bàn tán về thái độ của chính phủ Trần văn Hữu. Từng loạt truyền đơn thỉnh thoảng cứ tung ra, trắng xóa mấy dãy bàn ghế. Hai Thạch bị lung lay giữa cuộc dao động sôi nổi đó. Y cùng một lũ bạn bè mở cuộc liên lạc với công tác thành. Ba Thiết, em trai của y cũng bỏ học, nhưng không mấy may bị chi phối bởi cơn biến động của lịch sử. Tên này chỉ hì hục bài bạc và ăn nhậu.

Thuở đó, tâm hồn Hai Thạch rung động với một cuộc kháng chiến được thi vị hóa rải rác trong các quyển tiểu thuyết của Vũ-anh-Khanh và Lý-vấn Sâm. Sự trang sức trên thân thể của y là một cuộc đi kháng chiến. Một buổi sáng nọ, y thu xếp những bộ quần áo vải ú đen, một tube đựng ký ninh và đựng thuốc kiết vào va li rồi đi xe xuống quận Ô-nam cách châu thành Vĩnh-long chừng 15 cây số. Ở đó, người chị họ sẽ đưa y vào khu Tám. Cái hình ảnh một đêm mưa tầm tã mà y phải lội qua một cánh đồng loáng nước rộng mênh mông. Mưa xối từng cơn rần rộ, xóa nhòa ánh đèn rải rác trong thôn xóm. Cơn sốt bừng bừng sủi đốt trong cơ thể y, nhưng cái thi vị lẫn kiêu hãnh như xóa nhòa thực tại. Y ngược lên trời cười cảm khái như một anh kệp hùng của màn bạc. Đây chỉ là giai đoạn đầu.

Nhưng cái thi vị đó mòn mỏi rồi tắt dần vào cuộc đời đi theo kháng chiến gian nan.

Y chẳng bao giờ quên cuộc đời âm thầm di chuyển từ cơ quan này qua cơ quan nọ..., những bữa cơm kham khổ, những đêm thức suốt sáng theo

bộ đội qua những khúc sông, sóng gió hãi hùng. Và một buổi chiều, khi ngồi ở trước sân ở nhà một bà mẹ chiến sĩ, y vụt ngáp liên hồi, nước mắt ứa ra cùng với sự chán ngán mênh mông. Y đi quá xa và thi vị đã tắt rồi. Hai Thạch vụt nhớ lại những nhân vật trong một phim đã xem phỏng theo quyền... của nhà văn Đức. Y cũng như những nhân vật đó, muốn làm một cuộc du lịch hào hứng trong cơn biến động của đất nước, và thực tế đã trả lời một cách hùng biện cái giá trị của một cuộc kháng chiến kéo dài.

Rồi đó, Ba Thiết cũng đi vào biên khu. Được hai năm, tên này bị giết vì cuộc âm mưu làm gián điệp cho thực dân bị phát giác. Trong thời gian đó, ông Tám bỏ đi buôn bạc giả có in hình ông Hồ chí Minh, bị quản thúc ở Hóc Hỏa thuộc vùng Hỏa Lựu, rồi chết vì bị đau gan không có thuốc men.

Chỉ có bà Tám ở lại ngoại ô là bị thiệt thòi nhất. Thương nhớ hai con, bà hết lòng giúp đỡ bọn công tác thành, săn sóc họ từng miếng ăn, manh áo. Nhưng khi bọn này bỏ kháng chiến, trở về làm «bao bố» nhìn mặt cho Tây, bà bị chúng bắt để điều tra và bị giam cầm mấy tháng...

Giấc mơ lộn xộn đầy hình ảnh hào hùng lẫn bi đát kia loãng dần. Hai Thạch tỉnh dậy, đầu óc căng thẳng. Trong đêm khuya, tiếng khua động của bà Tư ở nhà ngoài và tiếng nghiến răng của bà vợ ở bên cạnh như đánh thức y một sự thật trắng trợn. Cuộc đời an lành quá, lịch sử bỏ rơi y hoàn toàn..

Biết rằng không thể ngủ được, Hai Thạch bước ra buồng. Đêm không trăng. Những khuôn cửa sổ mở rộng để lồng một khung cảnh mù mờ, nhòe nhọt bên ngoài. Tiếng sóng chầm rãi vỗ vào bờ và vào chân sân. Rải rác trên sông, xuống cầu tôm đốt đèn leo lét rồi lẫn khuất trong màn sương xám. Ánh đèn, tiếng sóng như khuấy động vào y một sự chói với mơ hồ. Dĩ vãng sống động lúc đầu rồi đưa y vào cảm giác rời rã, tê liệt lúc sau, cũng không xa lắm, nhưng y có cảm tưởng mình rời một cứ điểm rồi chạy một cách mù quáng trên một suốt đường dài. Bây giờ y dừng lại, hoảng hốt, xúc cảm. Rồi ! Cuộc đời hiện tại là một cuồng lưu đã cuốn trôi máu nhiệt thành và ác mộng buổi trước...

Hai Thạch bước lại cửa sổ, loay hoay với một chuyện cón con nào vừa chọt xẹt qua đầu óc mình. Những ngọn cau như bắt động trong gió đêm. Nền trời yên tĩnh như sà xuống thấp. Hai Thạch có cảm tưởng mình đứng giữa chòi hoang. Tiếng ngáy của cô vợ và tiếng mơ của bà Tám trong yên lặng có vẻ trơ trẽn...

... Mình ở giữa một chòi hoang, đúng rồi ! Cách đây sáu năm. Thật

là lỗ bịch ! Hai Thạch nghe như có tiếng chế nhạo từ một biển cổ xa xưa dội lại.

Y không có một ý niệm gì rõ rệt về chủ nghĩa Cộng Sản và cũng không hề gia nhập vào Đảng vì tất cả đối với y đều hoang đường. Vì chịu không kham với những cuộc bố ráp thường xuyên, Hai Thạch muốn trở lộn về thành thị. Nhưng thật sự, y cũng không can đảm ra đầu thú với chính phủ Thực Dân. Tự ái không cho phép y hành động sự khiếp nhược lộ liễu đó. Cần phải nguy trang sự nhát gan của mình bằng một cái gì thi vị hơn. Lợi dụng chứng bệnh tim, đầu là chỉ bị nhẹ thôi, Hai Thạch xin Thượng cấp cho mình về Hốc Hỏa, trong một cái chòi hoang. Cuộc đời đó an lành quá cũng đến chán ngán. Chòi nằm giữa đồng rộng, gió lộng toí bời. Ở đó, y đốt đèn viết truyện làm thơ đăng trong các báo Kháng chiến in bằng thạch bản. Trong thơ, trong truyện y tha hồ kêu gào sự thất bại của mình trước bịnh tật, để y không hoàn thành sứ mạng của mình. Rồi đó, y gia nhập phong trào văn nghệ đề cao Nông dân Chủ nghĩa, chuyên sản xuất những loại thơ văn vắt khò cả tình cảm và sinh khí đề cao tụng một cách máy móc Chủ nghĩa đó. Bao nhiêu công việc kể trên vừa che lấp cái mặc cảm hèn nhát của y, thì văn nghệ thuộc phái đề cao Nông dân chủ nghĩa bị nhà thơ T.H. đả kích và trở nên mất tín nhiệm trong hàng ngũ kháng chiến. Nhà thi sĩ đó viện cớ rằng bài « Em ơi ! đợi anh về » của một thi sĩ Nga cũng biểu dương sự xây dựng như thường, mà nó vẫn súc tích biết bao tình cảm chan chứa và đôn hậu...

oOo

Hai Thạch chợt nghe một loạt sóng ào ào cuốn qua, rồi lắng xuống. Trời nực, im gió. Sự lặng lẽ rơi một cách đột ngột. Y thêm một tách cà phê vào giờ này. Có một sự bứt rứt vu vơ gì dềnh lên rồi lả tả rơi xuống. Hai Thạch không muốn xuống bếp, lúi húi pha cà phê bằng nước được giữ nóng đựng trong bình thủy. Con thềm thường dụi lần, và cơn lạt lẽo cũng tăng dần làm y cảm thấy đắng cả miệng.

Y trở về những ngày sống ở chòi hoang, sau phong trào văn nghệ Nông dân chủ nghĩa bị đề bẹp. Y cảm thấy mất hết tất cả rồi. Thiên hạ đã bỏ quên y thật sự rồi. Ý muốn trở về đầu thú cứ lờn vờn trong óc y và hành hạ y từng đêm. Rồi đó, để giết thì giờt y mon men qua Sóc Xu, gạ gẫm một cô gái Miên và hứa cưới thị ta làm vợ bé. Người vợ ở xa chưa đến chòi hoang thăm y lần nào. Sự sống thiếu thốn xuôi y nghĩ tới món ngon, rượu và gái. Suốt ngày y hì hục cuốc mấy vòng khoai để tự túc, và nghe cơ thể của mình thiếu chất đường. Có cả buổi trưa, y qua bên kia chân

vườn xuyên qua một cánh đồng nắng chan chan để kiến mua mía. Sau đó y rút trong túi vải một tube thuốc ký ninh để đổi một chén đường. Tối bây giờ y không hề quên thứ đường sền-sệt màu nâu đỏ còn giữ nguyên vẹn mùi mật mía do dân vùng đó chế hóa bằng phương pháp thô sơ. Rồi đó, cuộc đi điều trị bệnh ở Sóc Xu của y khởi đầu sự đan dít giữa cặp Miên-Việt. Hai tháng sau, người vợ ở Cầu Kè thuộc tỉnh Vĩnh-Long hay tin được làm rum lên, và hăm he đốt chòi để « rô-ti cái con điếm lậu » đã làm cho thị mất ngủ mấy đêm.

Hai Thạch mỉm cười trong bóng tối, y có cảm tưởng mình lúc nào cũng đọc diễn một màn hài hước lồ lổ trên tấm phong ẩm đạm của cuộc đời. Mộng tưởng vu-vơ đã đưa y làm những việc rối ren, vô tích sự. Y vụt xòe bàn tay rồi tìm đến ngọn đèn chong. Đường trí đạo của y quá dài chìm khuất ở gò thái âm. Đó là dấu hiệu của kẻ có đầu óc bị chìm đắm trong thế giới mộng tưởng quàng xiêng.

Tiếng nước vẫn đều đều chảy xiết dưới chân sàn. Một cơn gió bất chợt lướt qua các ngọn dương ở cuối sân đình bên kia sông rồi vọng lại. Gần sáng rồi. Ngày mai y sẽ ngồi lại sạp vải giữa tiếng huyên náo của khu chợ. Cuộc sống nhỏ nhoi, âm thầm như một loài nấm mốc trong bóng tối.

Người vợ trăn trở, cầu nhau. Miệng thị mỉm lại có vẻ khắc nghiệt và trong bóng mờ của ngọn đèn chong, gương mặt thị sừng lên như sau lúc khóc lóc giận dữ. Người vợ này đã sống với bà Tám suốt khoảng thời gian y như kháng chiến. Thị có tánh bươn chải, đi nhẩy dù (tức là đi bờ-lờ, buôn-lậu) trong các vùng kháng chiến. Thị mua thuốc ký-ninh bỏ vào trong các thùng đựng đậu xanh, các loại thuốc tiêm trị rét trong những lọ mắt để qua mặt các lính partisan ở đồn bót. Rồi đó, thị mua vải xòe đóng dưới lườn ghe để đi bán cho nông dân các vùng Phong-Điền — Long-Mỹ. Nhờ vậy, trong khoảng thời gian ở Hóc-Hỏa, Hai Thạch có đủ thuốc hút hiệu Con Mèo, hiệu Lạc Đà, cùng bơ sữa, cà phê như một ông công chức ngoài thành và không còn làm nghề tiêm thuốc cho các dân chúng ở các vùng lân cận. Y thành thạo ngồi ở chòi đọc lại các quyền tiểu thuyết của Maxine Gorki, chứ không còn lặn lội qua các cánh đồng nắng chan chan để đi trị bệnh cho dân quê bằng một mớ kinh nghiệm y học Thái Tây mà y học lóm trong các sách.

Cuộc thất trận của quân đội viễn-chinh và hiệp-định Genève chấm dứt cuộc sống ẩn dật của Hai Thạch. Y trở lại xóm Cầu Kè, âm thầm ngơ ngác, rồi nhận lấy nghề bán vải. Người vợ thỉnh thoảng thắc mắc trước sự xuề xòa để dãi cùng sự tự mãn của chồng. Y vui vẻ sớm đi tối về, thành thạo bơi lội

giữa một quãng thời gian êm đềm. Không bao giờ y nhắc lại một thành tích gì ở cuộc đời vừa qua. Bây giờ y lại thích uống rượu, thích đọc tiểu thuyết kiếm hiệp vặt. Thỉnh thoảng y làm thơ rồi vớt bừa bãi ở kệ sách, không buồn xem lại. Người vợ vốn tò mò, muốn dò la tâm trạng của chồng. Thị thu nhặt những bài thơ đó rồi đọc lại cố tìm một dấu vết tình cảm nồng nhiệt của y về cuộc chống thực dân. Nhưng thất vọng thay, những bài thơ đó chỉ là những câu bốn cột tục tằn được diễn tả bằng vần điệu đề trêu ghẹo các cô hàng vải ở các sạp kế cận của y. Hai Thạch cũng không buồn lấy hài cốt của ông Tư hiện đang chôn ở Hóc Hỏa về cải táng ở phần đất hương hỏa của y. Bà Tư thường nhắc nhở con về việc đó, nhưng y viện cớ là chưa đúng năm tốt, và chưa tìm được huyết đề sau này con cháu y sẽ phát tài.

... Đêm khuya yên lặng, như một bàn tay bóc hết những phiền toái vặt vãnh hằng ngày để lòi những cặn bã của ký ức ra ngoài. Cuộc sống là thế nào? Hai Thạch chua chát, muốn ứa nước mắt khi ngẫm nghĩ đến mình bị lừa phỉnh không phải chỉ bởi lịch sử mà chính tại mình. Bây giờ những biến động nhỏ nhất êm đềm lần khuất vào cuộc sống hằng ngày của y, một cuộc sống trôi đi một cách mù quáng.

x^xx

Hai Thạch vừa về. Trời tối, đèn vừa mới đốt. Y đi đánh bài tận Cái Sơn Lớn từ xế tối bây giờ. Chắc có lẽ y « đút chến » sớm, nên gương mặt của y ngượng ngắt. Vợ Hai Thạch nguyệt chồng một cái, rồi bước ra mĩa mai, nhái theo giọng Đắc-Kỷ trong Gươm Lục Yêm.

— « Muôn tâu bệ hạ, vừa trông thấy bệ hạ nhập thành thì lòng thiệp vui mừng khôn xiết kể. Chẳng hay trận tiền đối chiến với Châu Bình thắng bại lẽ nào vậy a bệ hạ ? »

Mặt Hai-Thạch xụ xuống :

— Đ.M... Ai chơi bài bạc gì đâu mà trở giọng mắc mớ ?

Chị vợ trẻ mới rời đi vào bếp, bung mâm cơm ra. Lại một buổi chiều ! Bà Tư lại chơi vui vào trong ý-nghĩ chết chóc. Người vợ lặng lẽ nhìn chồng. Hai Thạch ngáp lơ-đăng, lắc đầu như xua đuổi một ám-ảnh nào đó. Con mèo sà vào lòng y, rên ầm ứ, nhõng nhẽo. Bà Tư ngồi vào bàn bới cơm và hài lòng nhìn tô canh rau, rồi bảo con :

— Vợ chồng ăn ở với nhau, cốt sao giữ cho đề huề, hiệp ý. Lý đâu còn vừa nói mắc mớ ; thì mày chửi thề. Tao chẳng còn sống bao lâu, chỉ muốn thấy chút cháu nội cho vững bụng. Nghe có Hai nói người chị bà con của cô lấy chồng được tám năm mà chẳng có bầu. Chị ta đi đốc tra chữa trị

sao đó mà bây giờ sòn sòn để mỗi năm một đũa, mà đũa nào đũa nấy mập tốt ghê... Vậy, đâu mầy dặt vợ mầy đi tìm ông đốc tura ấy coi ra sao ?

Vợ Hai Thạch cay đắng :

— Thôi, đi làm chi ! Tiền bạc đâu mà đua đòi con cái — Má cứ để thiên hạ xiên xỏ tui, nói rằng cây độc không trái, gái độc không con...

Mặt thì lạnh và như sừng lên. Hai Thạch e-dè nhìn vợ. Người vợ được trớn kê lể :

— Anh bài bạc, lêu lộng hoài, lấy tiền đâu mà nuôi con ? Má còn ham cháu nội làm chi ? Nếu tui có để chắc là mẹ con bà cháu ôm nhau chết đói...

Hai Thạch chỉ tay lên trời :

— Tui mà có đi đánh bài cho trời đánh tui đi. Chút nữa tui sẽ nói cho mình nghe... Người ta lo muốn chết đây nè.

Bà Tư can :

— Thôi ! chồng con nó thề như vậy con phải tin. Năn nỉ ỉ ỏi cho mát lòng mát dạ thiên hạ thì khó, chớ cà-khịa làm bực mình người khác thì dễ ợt hè.

Bóng đèn đêm vàng vọt. Bà Tư uống xong tô trà huế rồi sửa soạn đốt nhang, rót nước cúng Phật. Sự giao động trong gia đình chỉ gọn cho vợ Hai Thạch đôi chút bực dọc phù du. Cái tế ngắt lại quen thuộc bao phủ mọi người. Hai-Thạch than trời hôm nay nực, đi tắm, rồi chỉ mặc cái chần choàng tắm. Người vợ len lén nhìn về phía người chồng. Bụng của anh bắt đầu bự rồi. Anh sắp già rồi ! Cuộc đời biếng nhác trôi qua ghi lại một biến động thô tục nơi đó, nụ cười ngao ngán của thị như treo lơ lửng sau một cái ngáp dài. Hai Thạch nhìn vợ, lao đao rơi trong cơn nghi hoặc lẫn một mặc cảm khó hiểu vừa bốc lên đầu.

Tiếng đọc kinh của Bà Tư nổi lên đều đặn, kéo dài theo thọt. Các thể giới u-trầm của bà sắp lặn vào các thể giới người đàn ông lớn tuổi đã từng làm lịch sử..., bây giờ mệt mỏi trở về sống mòn mỏi, lười biếng trong quãng thời bình.

Hai Thạch rủ rủ :

— Vào đây, anh nói cho em nghe.

Chị vợ phụng phịu, cầm ấm nước châm bình trà rồi ngấm những mảnh cau khô trong cái chén kiêu đưng nước nóng để chút nữa, khi bà Tư đọc kinh xong sẽ thể cau tươi mà ăn trà.

Hai Thạch vào giường vừa nằm vừa hút thuốc. Chị vợ bước vào ngồi ở mép giường rồi hỏi :

— Chuyện gì ?

Hai Thạch thông thả :

— Anh vừa gặp anh Bình Sơn, người bạn thân của anh hồi ở khu Chín. Anh ấy đã vào đảng từ năm 1950.

Chị vợ sợ sệt : — Rồi sao ?

— Anh không chịu đi tập-kết. Anh rủ anh âm-thầm hoạt động trở lại. Mặt của vợ Hai Thạch tái đi. Chị im lặng suy nghĩ rồi hỏi :

— Anh nghĩ sao ?

— Anh từ chối em à.

Vợ Hai Thạch nhìn vào cái bụng nhão nhẹt của chồng. Cuộc đời êm-đềm hưởng thụ đã cắt đứt y và quá khứ rồi.

— Có được không anh ? anh Bình Sơn nghĩ sao ?

— Anh không biết... Nhưng anh có được vào đảng đâu ? Em của anh làm gián-điệp cho phòng nhì của quân-đội viễn-chinh bị giết chết. Ba của anh vì mắc vụ lãi thôi trong vụ buôn giấy bạc cụ Hồ bị quản thúc ở Hỏa Hỏa rồi chết vì bệnh đau gan. Anh bị họ nghi-kỵ đủ điều. Chuyện buôn đó đã qua rồi, anh mệt mỏi lắm em à.

— Anh nghĩ vậy rất hợp ý em. Chúng ta còn gì mà tham-gia nữa chớ. Cái chuyện lý-tưởng bây giờ mù-mờ lắm. Mấy năm giặc-giã bà già cực khổ lắm rồi. Anh cũng nên nghĩ lại thương má.

Người vợ lặn ngụp trong cơn lo-lắng vu-vơ.

— Anh từ chối, anh Bình-Sơn có hăm he gì không ?

— Không... nhưng anh khó đoán được ý của anh.

Người vợ ôm đầu nghĩ-ngợi. Hút xong điếu thuốc, Hai Thạch lăn trở một lúc rồi ngủ, ngáy lảnh lớt. Người vợ nhìn chồng. Hết thật rồi ! Con người này không còn muốn dính-líu với cuộc đời phiền toái nữa. Sự êm-dịu, tẻ ngắt khóa lấp lên nhiệt thành thời niên thiếu của hắn rồi.

Lịch-sử đời qua một bình diện khác. Người đàn bà bằng lòng lắm. Cuộc đời làm vợ một người đi theo kháng chiến cũng làm cho thị mệt chán rồi. Đối với thị các khuyah hướng chính trị đều mờ mịt vô nghĩa. Chồng thị đã tham gia kháng chiến. Thị ở lại hậu phương mỗi tháng đóng 10 đồng tiền nguyệt liêm cho bọn công tác thành, gọi là góp phần giúp đỡ phe kháng chiến. Cuộc đời đó chỉ đem lại cho thị sự chờ đợi, sống bằng hồi hộp khắc khoải.

Vợ Hai Thạch nhìn lại chồng. Y đã ngủ say. Kỳ lạ ! Con người này sao mà trơn tru, hồn nhiên đến như vậy ? Cái bụng chang bang của y trời lên

hụp xuống theo nhịp thở như đâm vào tâm trí thị một mũi dao lạnh ngắt. Còn đâu là cái con người mà thị đã từng xao xuyên, ước ao? Con người đó, thuở yêu đương gắn bó đã khoác một dáng dấp hào hùng, bây giờ bị thế thế lừa đảo đành buông xuôi theo sự hưởng thụ vô bờ. Thị thương hại, muốn khóc cho một cuộc đời tàn tạ tất cả ước vọng...

Đêm phủ êm đềm. Tiếng dép lệt sệt của bà Tư ở nhà ngoài chìm trong tiếng xay lúa ở nhà chín Hạc vọng qua. Từng đêm bình thản kể tiếp nhau, xóa nhòa từng cuộc đời...

Vợ Hai Thạch đưa tay sờ bụng, bắp thịt bụng của thị cũng nhão... cái già đã tới với thị một cách hỗn hào, xác xược thế sao?

Thốt nhiên thị nghĩ tới một đứa con, chỉ có nó mới có thể đem lại cho thị một chút an ổn trong tâm hồn.

HỒ TRƯỜNG AN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIEN

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

Đã có bán :

- **DỊCH HẠCH** của Albert Camus do Hoàng-văn-Đức dịch.
- **KỶ NGUYÊN NGỜ-VỰC** của Nathalie Sarraute do Lương-Ngọc dịch
- **TẠP BÚT I và II**

liều luận văn học của Võ-Phiến

60 đ.

Chuyện một giáo sư già

Ông Tính dạy học tròn chẵn ba mươi lăm năm, nhưng ta cứ kể là ba mươi sáu, để tránh thói đời xuyên tạc hay đổ thừa cho con số những cái ý tình bần thiêu hầu che đậy bớt tâm não của mình. Ra đời năm hai mươi ba, ông dạy đến năm thứ ba mươi hai, thì tuổi ông vừa năm chục. Đối với giáo sư trường tư, năm mươi là tuổi quá già. Già vì không còn đủ sức để chạy qua lại mỗi buổi nhiều trường ở cách xa nhau bốn năm cây số, già vì không còn hơi phổi hò hét trong những lớp học đông đảo cả hàng trăm người, có khi nhiều hơn, và già vì không đủ sức giảng giải cho một lớp học có gần mười thứ trình độ khác nhau hiểu được bài vở, bởi vì cái trình độ ấy đã đóng học phí đầy đủ. Trường tư cũng không thích các người già, bởi vì giáo dục ngày nay không cần đến những kinh nghiệm là thứ chỉ có tuổi tác mới gây dựng được.

Bởi vậy, đến tuổi 50, ông Lê Văn Tính không cần phải toán, cũng thấy số giờ của mình bị giảm xuống lần. Cuối mỗi niên khóa, cơ hồ các vị chủ trường muốn quên hẳn ông, và ông phải tìm mọi cách khéo léo nhắc nhở, để họ sắp giờ cho ông vào niên khóa tới. Thông thường họ tỏ ra quá đáng trí và ông phải nhắc đến lần thứ ba họ mới chịu biết là họ nhớ rồi. Để cho chắc chắn, khi niên học vẫn, ông Tính lại đến thăm ông Chủ trường, thăm ông Hiệu Trưởng, thăm ông Giám Học, ông Tổng Giám Thị và cả nhân viên phụ trách phân phối chương trình. Ông phải chào họ từ lúc ông đến ngoài ngõ, sau khi đã lựa chọn kỹ thời khắc để khỏi quấy rầy một giấc ngủ trưa hay là một buổi cơm chiều. Đến 8 giờ sáng, có thể là họ đang ăn điểm tâm, và họ chưa kịp rửa mặt, chải đầu, họ sẽ khó chịu. Đến 6 giờ chiều có lẽ là họ bận đi dạo phố chưa về, và 8 giờ tối thì họ đang đùa với vợ, với con, đang bận xem sách kiếm hiệp hay bận đánh bài.., họ sẽ gắt gỏng. Ông phải

linh động chọn giờ đến thăm theo cái thói quen cùng cái tính khí từng người và có những câu rất khéo để khen con cái của họ, gia đình của họ. Với ai, ông cũng nhận thấy họ hưởng được khá nhiều « phước ông bà », với ai ông cũng kinh ngạc vì họ « trẻ hơn số tuổi nhiều lắm, nhiều không ai ngờ, thật vậy, thật vậy ».

Nếu dám thành thật với mình, ông Tính có thể nhận thấy rằng các chức sắc của trường mà ông đến thăm, đều tỏ thái độ nhạt nhẽo khi đón tiếp ông. Tuy vậy ông không bao giờ dám nhìn nhận có điều ấy, nên không hề tỏ chút lo nghĩ nào về sự lãnh đạm của họ. Thực ra mọi sự ân cần đòi hỏi gần bó, và họ không muốn trả bằng giá đất những món xã giao mà họ không cần. Ông Tính còn đến thăm họ một lần thứ hai vào giữa dịp hè — là tháng mà nhiều giáo sư tư thục đều nằm hồi hộp chờ đợi, trong cảnh thất nghiệp, một niên khóa mới mở màn — cốt để hâm lại cho nóng một bầu không khí bao giờ cũng loãng như nước ao bèo. Rồi tháng hè qua, sắp đến khai giảng, ông Tính lại đến thăm viếng một lần thứ ba, một lần quyết định để tự trấn an rằng mình quả có tên trong danh sách « giáo sư bần trường » vào niên học mới. Từ năm tuổi ông đã rời 50 mà đồ xuống dốc gập ghềnh của tuổi 51, 52 để rơi vào cõi suy đồi, ông Tính thấy các giờ dạy của mình thường nát vụn ra, vì không trường nào sắp giờ của ông một cách tập trung cho tiện sự ông đi lại. Họ phải dành những khoản trống thuận lợi cho các giáo sư ăn khách, cho các giáo sư còn nhiều hơi phổi, biết gào, biết hét và biết pha trò. Những giáo sư già, son phai phấn lạt, đâu có hấp dẫn khách hàng ?

Ông Tính chấp nhận mọi điều kiện ấy mà không than van vì ông không còn ai để nghe mình, kể cả học trò, bởi vì lỗi tai học trò ngày nay chẳng còn dùng để nghe lời thầy dạy. Vợ ông đã chết từ lâu, và đã từ lâu bà không muốn nghe gì nữa. Con ông, vốn vẹn một đứa con trai độc nhất, bây giờ đã có vợ rồi, và theo tục ngữ thì cái giường vợ bao giờ cũng gần gũi hơn là cái mồ cha. Ông Tính lại chẳng chịu tin ở trời, vì ông cho rằng nếu quả có ông trời thiết thì bao lâu nay hẳn ông đã nghe chán chê những nỗi đau khổ làm than của nhân loại này và ông đã phải can thiệp, dù chỉ một lần cho thiên hạ biết. Ông lại không chắc gì một ông Phật có thể tăng thêm giờ dạy của mình, dù giờ dạy ấy đã bị sứt lương hơn các đồng nghiệp đang độ lên chân. Như khá nhiều giáo sư khác, ông Lê Văn Tính trọn đời chỉ biết tự an ủi bằng một chữ cam-chịu hết sức là tròn, tự che đậy sự thiếu thốn của mình bằng một thẻ diện hết sức là

kín, và thường tự dối rằng mình không có gì để đòi hỏi hơn nữa, mình đủ đầy rồi. Ở trong cuộc đời, cũng như trong sự giảng dạy, ông Tính hoàn toàn chấp nhận theo những ý kiến có sẵn. Chẳng hạn, gặp sách vở bảo : « Ái tình là nguồn đau khổ » thì giáo sư Lê văn Tính kêu lên : « Đúng rồi ! Ái tình quả là nguồn gốc của biết bao nhiêu đau khổ trên cuộc đời này ! Kia chồng xa vợ, anh xa em, bạn bè xa nhau cũng bởi vì tình ! Ái tình đưa đến tan rã, chia ly, đao găm, át-xít, bệnh viện, nhị-tỳ ! Ái tình thật là đau khổ vậy thay ! » Giáo-sư Tính sẽ hít hà đề mà kết luận như vậy. Nhưng nếu sách vở lại bảo : « Ái-tình là nguồn hạnh phúc » thì chắc chắn là chúng ta sẽ gặp ngay giáo sư Tính kêu lên : « Phải lắm ! Ái-tình tạo ra biết bao vui sướng trên cuộc đời này. Ái tình làm cho thương nhau nên mới lấy nhau, lấy nhau mới đẻ con cái, con cái sinh ra cháu chắt chít chiu làm nên đông đảo loài người. Ái tình buộc phải chung diện nên mới sắm thêm quần áo, cần phải nhậu nhẹt nên mới mở thêm cửa tiệm, cần phải ăn nằm nên mới tạo ra chiếu giường. Ái tình tạo ra xa lộ Biên Hòa, bệnh viện Từ Dũ, nhà thương Chợ Rẫy và các món vải ni-lông đủ các sắc màu... Ái tình quả là hạnh phúc vậy thay ! » Nói chung, ông giáo sư Tính có đủ tất cả ý kiến, trừ ý kiến của ông Lê văn Tính.

Vào năm năm-mươi-ba tuổi, ông giáo sư Tính thấy mình mệt mỏi lắm rồi. Sau một buổi dạy, cổ ông khô đắng, và ông uống liên tiếp nhiều chén nước trà lạt ở tại văn phòng nhà trường mà không dễ chịu chút nào. Tuy vậy nước trà không phải bao giờ cũng có đổi dào : các đồng nghiệp trẻ hơn ông, lanh lẹn hơn ông, lại dạy những lớp gần với với văn phòng đã tỏ tấm lòng chiều cố sốt sắng đặc biệt đến các bình nước. Nhiều khi đến lượt ông nhắc bình lên, ông thấy nó nhẹ một cách đáng ngại, nhưng vẫn tự dối rằng nó còn đủ cho ông uống qua cơn khát, và mãi khi nghiêng chúm hần hần bình xuống mà chỉ rỉ rỉ vài giọt lợn cợn ông mới bắt đầu bàng hoàng vì thấy tuyệt vọng thật sự. Ông không dám gọi một ly nước chanh hay chai la-ve ở gian hàng nước trước trường như nhiều giáo sư có vẻ sang trọng, giàu có hơn ông, thường uống trước khi vào dạy, sau khi dạy xong, hoặc cả những khi đang dạy. Ông đặt mình xuống một chiếc ghế gỗ, nghe đầu choáng váng, lỗ tai vờn vù, không còn phân biệt những tiếng cười nói của các đồng nghiệp ở chung quanh mình. Thỉnh thoảng, ngừng đầu nặng nề nhìn lên, ông lơ mơ thấy loáng thoáng những tà áo màu của các đồng nghiệp phái nữ ở trước mắt mình và ông khó chịu nghĩ rằng tại sao họ không chịu ngồi cho thật yên lặng như ông, hoặc như một kiểu

mẫu người đàn bà theo ông quan niệm, nghĩa là một bức tượng đá thực sự. Trong cái thời khoảng của một đầu não rã rời từ chối mọi sự suy nghĩ, ông Tính bỗng giật mình lên vì nghe chuông reo báo hiệu giờ chơi đã tàn. Tiếng chuông ngân dài, gay gắt, nhức nhối, chà xát tâm não của ông và khi nó dứt, ông bị ném vào một sự sợ hãi lạ lùng. Đúng hơn đó là một nỗi kinh hoàng pha trộn ghê tởm của một con người bị đẩy vào một việc làm nặng nhọc mà mình nhìn thấy như một tai nạn không có lối thoát. Viễn ảnh những giờ nóng bức trong một lớp học đông đảo, chật chội, với đám học trò bất trị có cả trăm cách gây nên ồn ào, những giờ kéo dài tưởng như không bao giờ dứt, làm cho ông muốn bỏ trường chạy vụt ra ngoài như trốn một cảnh tù ngục. « Thảo nào có những giáo sư trường tư nổi điên và khi nhìn thấy học trò bỗng kêu hoảng lên rồi cầm đầu chạy. » Ông tự nhủ thầm như vậy, và thấy bảy giờ mình mới thật hiểu căn bệnh của những người ấy một cách thấm thía, vào lúc ông năm mươi ba tuổi trời.

Khi các đồng nghiệp đứng lên, ông vẫn ngồi yên trên ghế, cố nán thêm giây phút nữa. Có vài giáo sư nôn nóng vào lớp ngay khi tiếng chuông chưa dứt. Họ là những người rất trẻ, mới bước vào nghề, còn ham muốn nói tất cả những điều mình biết và cả những điều mình không hề biết, với nhiều ảo tưởng về năng lực mình. Có những giáo sư ngồi nhìn qua lại đợi cho đồng nghiệp đứng lên khá đông mới chịu uể oải đứng dậy, không muốn tỏ ra yêu nghề một cách nồng nhiệt, mà cũng không muốn nhà trường lưu ý đến sự trẻ nãi của mình. Ông Tính thuộc về lớp ấy, trừ những hôm nào quá sức nhọc mệt, tự thôi thúc mình nhiều lần mà vẫn không đứng dậy nổi. Vào những trường hợp như thế, phải đợi các đồng nghiệp gần ra khỏi phòng ông mới hoảng hốt đứng dậy, đi vội lại một chiếc bàn kê cửa ra vào, quờ quạng chọn ít viên phấn rồi lại lật đặt bước ra, lấy sự gấp rút làm một động lực xô đẩy mình đi để khỏi ở mãi trên chiếc ghế nhỏ như sự lưu giữ của một nắm mồ. Có những trường học ít có giáo sư mới bước vào nghề, sau lúc chuông reo rất lâu, hầu như không ai muốn đứng dậy cả. Kẻ đứng lên trước được xem như một loại người đáng ghét, một loại hạng thật ngu ngốc hay là dơ bẩn. Ngu ngốc vì không biết giữ gìn lấy sức khỏe mỗi ngày mỗi một suy tàn mau chóng của kiếp giáo sư. Dơ bẩn, vì làm như thế có lẽ là hẳn muốn nhỉnh chủ trường, muốn tỏ ta đây là có trách nhiệm hơn đám đồng nghiệp, Thông thường họ cứ dòm ngó lẫn nhau, và nếu có kẻ đứng dậy trước hết thì không phải y đi lại bàn phấn mà là y đi vào trong cầu tiêu hay lại bàn nước nhẩn nha uống thêm một tách, hai tách, hoặc hút sòng-sọc một điếu thuốc lao

cạnh cái đèn dầu nhỏ bé đặt sát bình trà. Nếu viên giám học hay viên hiệu trưởng có giờ rảnh dạy thì các vị này bao giờ cũng là những kẻ dẫn đầu cho sự đứng dậy, nhưng họ vẫn biết cân nhắc cái phút giây từ ghế gỗ một cách phải chăng để khỏi phật lòng mọi người vốn chỉ có một nguyện vọng là được ngồi mãi mà vẫn lãnh lương đầy đủ.

Sau một ngày dạy như vậy, ông Lê Văn Tính ra về không còn đủ sự tỉnh táo để thấy cái vui của phận sự đã làm tròn, hoặc thấy cái mừng đã được phần nào thoát nạn. Không, ông chỉ thấy sự mệt mỏi và sự ê ẩm mỗi lúc mỗi nặng nề hơn, khiến ông phải chống chọi lại trong từng bước đi gắng gượng để giữ một vẻ chững chạc bên ngoài. Nếu phải chấm bài đến khuya, ông Tính thường ngủ gục trên đồng giấy đầy những nét chữ nguệch ngoạc của học trò mình. Cặp mắt của ông bây giờ không chiều theo ý ông nữa, nó cũng hóa vô kỷ luật như bọn học sinh cuối lớp. Do đó khi ông muốn thức thì nó muốn ngủ, và sự mở, nhắm của nó không còn tùy theo nhu cầu công việc mà hoàn toàn theo sở thích tâm hồn, một cái tâm hồn luôn luôn chỉ chực thiếp đi trước những chông bài cao nghệ. Buổi sáng, ông giáo sư Tính có thể thức dậy khá sớm nhưng không thể nào ngồi lên cho mau chóng được, mặc dầu ở cái gian phòng bó hẹp của ông không có các vị đồng nghiệp nào khác để cùng trì hoãn với nhau cho được một dạ một lòng. Ông cảm thấy sự bất hoại khắp người, trong đó ý thức đã tách rời khỏi sinh lực, và thân thể ông bây giờ mới đúng theo sách vạn vật là chịu chia ra làm đủ 3 phần nên không phần nào chịu sự can thiệp hữu hiệu của một phần nào. Mãi cho đến khi đồng hồ gõ lên những tiếng báo động tối hậu mà mọi trẻ nãi đều bị rút hết giấy phép, ông Tính mới bị lôi dậy như sức điện truyền, và ông chua chát hiểu rằng sinh kế cuộc đời từ lâu đã là lý tưởng cao nhất của ông mà ông không chịu thừa nhận một cách thẳng thắn điều đó với mình. Rồi ông rửa mặt vội vàng, mặc đồ vội vã, ôm cặp gấp rút, leo lên chiếc xe gắn máy cà-tàng, vừa thở phì phì vừa đạp cho nổ, chầm rãi một cách lo âu đi thẳng đến trường. Nếu cái máy xe không trở chứng gì khó chịu hoặc những người đi ngoài phố không cùng rủ nhau kết lại quá đông thì giáo sư Tính có thể còn đủ ít phút để nghĩ đến sự lớt lớt. Sau khi đã đưa xe vào một góc sân trường và khóa cẩn thận trên một ống sắt khá dày kẹp cứng bánh xe với lại giàn xe, ông bước ra một quán cóc lựa một bàn nào không có đồng nghiệp để khỏi có sự thù tạc lời thôi, và uống một cà phê nhỏ — một cái « xây chùng » — nói như tiệm nước quen dùng.

Cứ cái điệu ấy, ông Lê Văn Tính dạy đến năm 54 tuổi thì ông càng mệt

mỗi hơn, và nhiều khi xong một buổi dạy ông cũng ngạc nhiên không hiểu sao mình có thể vẫn còn bình yên để mà về nhà giữa lúc ngực nóng, tai ù. Ông không dám tưởng tới sự nghỉ dạy. Đối với một giáo sư già, trường tư, nghỉ dạy đồng nghĩa với chết. Nếu có dành dụm đồng nào, ông để dành ăn trong dịp nghỉ Tết, nghỉ hè là những thời gian không có huê lợi nào khác là sự ở không, hoặc để uống thuốc, mua sắm chò con, cho cháu. Bấy giờ già cả, không thể xoay theo nghề khác, bỏ dạy là rời sự sống, dù sự sống ấy vô cùng cực nhọc đối với buồng phổi đã kiệt quệ rồi, đối với cổ họng đã gần tê liệt, đối với cặp mắt đã đuổi mờ rồi. Ông Lê văn Tính phải cố bám vào sự dạy như kẻ bị nước cuốn trôi bám vào một mảnh ván mục. Trước mặt chủ trường và các giám thị ông vẫn tỏ ra là người quắc thước nhưng với học trò ông không dấu mãi được sự suy nhược của mình, qua cái giọng nói khàn khàn, qua sự giận dữ bất thường, qua cái trí nhớ nhiều khi bỗng thành lười biếng một cách đột ngột, dấu phất nửa chừng các đoạn trích dẫn hoặc những sự việc mà ban đầu ông đưa ra một cách tin tưởng.

Một buổi sáng nọ, ông Lê văn Tính không ngồi dậy được trên giường, những tiếng đồng hồ cuống quýt cũng không hối thúc ông nổi. Ông vội vã, cố lê mình dậy, nhưng thấy mình đã chịu thua mình rồi.

Ông tự nhủ thầm : « Chết cha ! Bỏ dạy rồi sao ? » Và càng vật vã nhiều hơn nhưng không sao khuyến cáo nổi một cái cơ thể mệt mề đến độ cùng cực hãy nên ngồi dậy một cách đường hoàng. Ông lại lão đảo ngả xuống và càng hốt hoảng hơn lên trong cái ý nghĩ bỏ dạy. Hình ảnh những đứa học trò đập ghế, đập bàn, huýt còi, văng tục nhốn nháo trước mắt những người giám thị mặt mày sưng sứa, hoặc nhàu nát như bị rách, làm ông lo âu. Và giữa sự khùng hoảng ấy, hình ảnh của ông chủ trường hiện lên với cái sắc khí hằm hằm không nói không rằng lại càng đáng ngại hơn nữa : « Thăng cha Tính này đã hết xài rồi ! không còn dạy đỡ gì được ! » Liệu ông chủ trường có nghĩ nặng hơn vậy chăng ? Chao ôi ! sao ông lại đâm ra đau ốm giữa lúc này ? Sao ông không đợi nghỉ hè, nghỉ Tết, những dịp chính phủ ra lệnh đóng cửa trường một thời gian để tránh tình hình xáo trộn, mà đau có phải hơn không ? Ông sẽ được nhịn mọi thứ một cách chính thức, kể cả nhịn ăn, và ông sẽ bớt lo phiền. Đáng lẽ cơ thể của ông nó phải hiểu rằng giáo sư tư thục không quyền nghỉ ngơi ở trong niên khóa và chưa bao giờ có một qui-lệ cho phép họ được nghỉ một số ngày nào đó để mà tự do đau ốm, tự do lo lắng việc nhà. Cho dù phải bị trừ tiền, họ cũng

không được nghỉ ngơi quá lâu nếu họ không muốn có người thay thế vĩnh viễn. Ông Lê Văn Tính tự chải rửa mình nhiều lần mới chống tay ngồi dậy được trên chiếc giường gỗ, hình như con tàu quay cuồng giữa cơn sóng bão và ông phải cố gọi lại hình ảnh của cơm, của áo, của nhà cửa và thuốc men mới tìm đủ số can đảm viết một lá thư cho ông Hiệu trưởng, cho ông Giám Thị và ông Giám học với những lời lẽ vắn tắt ôn tồn, một hai xác nhận rằng ông chỉ đau ốm xoàng và ông sẽ đi dạy ngay, sẽ không nghỉ thêm một ngày nào nữa, ông sẽ dạy bù lại cả, ông chẳng bao giờ muốn làm phiền muộn mọi người... Sau khi nhờ người con trai trong khi đi làm ghé tắt qua trường đưa hộ lá thư, ông lại cảm thấy hối hận nhiều hơn về sự đau ốm của mình và cứ nằm suy đoán mãi về các vẻ mặt của những người sẽ tiếp nhận mảnh giấy của ông.

Ông thừa hiểu rằng dù sẽ trừ tiền trong các giờ giáo sư nghỉ, nhiều vị chủ trường vẫn có quan niệm quái gở rằng các giáo sư thường bày vẽ ra những chuyện đau ốm để mà phá hoại trường sở, khó dễ chủ trường, hơn là cơ thể của họ chứa chấp bệnh hoạn. Bởi vì họ càng không nên có bệnh là tốt hơn hết. Giáo sư trường tư trong sự đau ốm bị thiệt hại hai lần, đó là tiền thuốc, và tiền dạy học, vậy thì cần gì mà còn sinh chuyện đau ốm kia chứ? Qua ngày hôm sau, ông Lê Văn Tính gắng gượng đến trường trên hai ống chân lầy bầy. « Nếu mình nghỉ thêm được một ngày nữa... » đó là ao ước thầm kín của ông. Nhưng biết phận mình không còn được sự yêu chuộng như lúc thịnh thời, nếu gây phiền phức cho trường có thể số giờ sang niên khóa khác bị giảm hẳn xuống quá nửa hay bị rút hết không chừng, ông không dám mơ tưởng thêm một ngày nghỉ ngơi, như một người nghèo mạt kiếp hối hận vì đã mơ tưởng một sự tiêu hoang không bao giờ có. Khi ông vào lớp, học trò không hỏi thăm ông được một câu nào. Có lẽ chúng mong ông nghỉ thêm vài hôm nữa. Đau gì mà chỉ ở nhà có mỗi một ngày? Ước sao có một đứa hỏi: « Thầy đau hả thầy? » thì ông sẽ được an ủi ít nhiều. Nhưng giáo sư Tính biết rằng mỗi tình sư đệ ngày nay khan hiếm lắm rồi. Minh tinh màn ảnh và tiểu thuyết nhằm giành hết nhiệt tình của chúng, và khi quay về các ông thầy dạy chúng chỉ thấy có hình ảnh nhạt nhẽo của một kỷ luật lỗi thời và những giáo điều khô khan.

Lúc bước lên kệ, định quay xuống phía học sinh, ông giáo sư Tính bỗng thấy đau nhói ở ngực và có một sự ớn lạnh toàn thân rồi cơ thể như vo tròn lại. Ông đưa tay vịn bảng đen, nhìn thấy học trò

xóa nhòa như đám sương mù lờ mờ những vết đen trắng, rồi một tiếng ho đột ngột bắn tung ra khỏi lồng phổi. Ông kịp giữ lại trong miệng một sức nước trà nóng hổi và cắn răng nuốt ực xuống như nuốt một liều thuốc đắng.

Khi ông ngẩng lên, ông nghe mấy nữ sinh ở bàn đầu kêu lên :

— Xem môi thầy kia ! Đẹp chưa ! Đẹp chưa !

Một đứa nói lớn :

— Thầy tô son môi, thầy làm dáng quá !

Và những tiếng cười khúc khích tiếp theo ; rồi tiếng vui nhộn ào lên, trong đó ông nghe nhiều đứa tru tréo : « Chu-choa ! thầy tôi làm dáng ! son môi đỏ choét ! Già rồi thầy ơi ! thầy ơi ! thầy ơi... » xen lẫn với tiếng vỗ bàn rầm rập.

Ông Lê văn Tính mim môi, có liếm cho sạch chất đỏ và nghe một vị mẩn mẩn tỏa mùi tanh nồng. Ông đưa cánh tay run rẩy ra làm hiệu lệnh im lặng một cách vô hiệu, và khi cánh tay buông xuống ngoài sự điều khiển của mình, ông chỉ kịp chồm bước tới ngồi phịch xuống ghế, mặt gần đứt hơi. Lúc tiếng ồn ào bỗng nhiên dịu bớt, ông mới ngẩng đầu nhìn lên và lờ mờ thấy hai cái khuôn mặt giám thị cau có hiện ngoài khung cửa...

Mấy tuần sau đó, ông giáo sư Tính một buổi sáng dậy nằm liệt trên giường. Và qua một buổi sáng khác, ông vẫn không sao dậy nổi. Liên tiếp hai ngày ông chỉ còn đủ sức khỏe viết được mấy hàng cho ông Hiệu Trưởng, đại khái xin lỗi về sự ốm đau và xin hứa hẹn ngày mai, ngày mai nhất định, ông sẽ đến lớp như thường. Qua ngày thứ ba thì ông vẫn không dậy và cũng không viết được một dòng nào. Rồi ngày thứ tư và ngày thứ năm, cũng y như thế. *Ngày mai, ngày nhất định, tôi sẽ có mặt ở lớp...* Ông đã không giữ được lời hứa hẹn và mười ngày sau khi ông chống tay run rẩy ngồi được trên chiếc giường gỗ để mừng một đồng nghiệp già tới thăm, ông tiếp một cái tin buồn : Nhà trường đã tìm một người thay thế ông rồi, một giáo sư đang còn trẻ, có nhiều tiếng tăm, thường thấy đăng tên quảng cáo ở mục rao vặt của các nhật báo, bên cạnh thuốc dán, thuốc xỏ, thuốc chữa hôi nách cùng các loại thuốc chuyên làm mọc tóc, mọc lông...

Người bạn già bước về rồi, ông giáo sư Tính nắm vật ra giường, như một xác chết. Nhưng rủi ro thay ông không được chết để hưởng một sự phúng diếu của các đồng nghiệp như lệ nhà trường vẫn làm kèm theo một bài diễn văn

lâm ly do một giáo sư Việt Văn có uy tín nhất đọc trước mộ huyết. Ở xã hội này, người ta chỉ tỏ ra rất chí tình đối với người chết và những danh từ hoa mỹ bậc nhất vẫn thường dành riêng để tặng hậu hỉ cho người quá cố. Còn người bệnh hoạn, có một triển vọng đối khát kéo dài như giáo sư Tính, thì hãy cứ nên bình tĩnh chờ đợi một ngày đi chôn không có đồng nghiệp đưa tang. Đồng nghiệp chỉ có bồn phận đối với những người bị chết giữa lúc còn đang hành nghề chứ không cần có cảm tình với kẻ thất nghiệp : trong khi kể thể những giờ bỏ trống của kẻ qua đời, ít nhất họ cũng tỏ lòng tri ân, cho hợp với lẽ công bằng.

Ông giáo sư Tính ở trong tình trạng vất vưởng như thế không biết mấy ngày. Ông sẽ không lưu ý đến thời gian nếu không có sự thay đổi đột ngột ở trong thức ăn buổi sáng thường lệ của ông : đồng bạc bánh mì và chén sữa loãng do người con dâu phục dịch đã được thay thế bằng đồng bạc xôi lớn gần ba cái tàn thuốc xì gà vút ở dọc đường phố lớn. Người con trai của ông giải thích rằng từ lâu nay sữa hộp bỗng nhiên khan hiếm đặc biệt ở trên thị trường. Có lẽ sữa không hợp với tạng chất dân nghèo nên các nhà giàu đã tích trữ hết. Và những người nghèo đa sự, có những đứa trẻ thêm sữa một cách đại dột, nên mua sữa bằng một giá chợ đen cắt cõ. Nhưng khi người con trai của ông Tính bị đi quán dịch thì hai ngày sau, đồng bạc xôi của ông Tính cũng đã biến mất. Ông giáo sư già trước tuổi, chờ đợi mỗi một thức ăn thường lệ, và khi nghe tiếng đồng hồ điểm mười giờ sáng thì ông biết rằng từ đây ông đã trở thành một vật vô dụng, hơn thế, một loại báo hại đối với gia đình con cái.

Sau mấy mươi năm vắng mặt, bây giờ hai giọt nước trong lại thấy xuất hiện, teo tóp tích tụ khá lâu ở nơi khoé mắt mới đủ sức nặng rơi xuống gò má nhăn nheo, ghi một vệt ướt giữa lớp da đã khô cằn.

VŨ HẠNH

(Ngôi trường đi xuống)

2 quyển sách truyền bá nghệ thuật chụp hình :

● **BƯỚC ĐẦU CÀM MÁY**

Nguyễn cao Đàm

● **BƯỚC ĐẦU TRONG NGHỆ THUẬT CHỤP HÌNH**

Nguyễn cao Đàm
Nguyễn cao Linh

Kẹo Chuối « ANH-ĐÀO »

NGON, BÒ, VỆ SIHH

Tổng phát hành : 87D, Phát-Diệm

SAIGON

XIN CHÚ Ý : Cần đại lí khắp nơi ở Sài-Gòn cũng như ở các tỉnh.

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

NGOÀI NƯỚC

Điện ảnh với Văn chương

Tạp chí Điện ảnh *Variety* mở cuộc trưng cầu ý kiến tại Hoa kỳ và Gia nã đại, được biết khán giả hai quốc gia này, trong tháng 3-1966, thích nhất 12 cuốn phim, đứng đầu là phim *Bác sĩ Zhivago*.

Còn nhớ khi E. Ionesco tuyên bố nẩy lời hơi mạnh đối với phái tiểu thuyết mới tại Paris, trên tờ *Le Figaro littéraire*, ở mục thường xuyên *Le bloc notes de François Mauriac*, văn hào này cũng phụ họa mấy giòng suy ngẫm về tiểu thuyết : ông bảo rằng mới vừa đọc lại *Bác sĩ Jivago*, và càng đọc càng mê.

Văn chương với Điện ảnh

Bộ Thông tin Pháp vừa cấm một cuốn phim liền gây ra một phong trào phản đối mạnh mẽ, rộng rãi.

Nạn nhân tên là *La religieuse*, phim quay phỏng theo một tác phẩm của văn hào Diderot.

Phản đối trước tiên đã dành là giới điện ảnh. Tiếp theo là giới cầm bút.

Không ngờ sau đó giới chính trị cũng lên tiếng phụ họa. Thượng nghị viện công kích thẳng tay thái độ của bộ Thông tin đối với « một trong những nhà văn lớn lao nhất của thế kỷ ánh sáng ». Phe đối lập trong quốc hội phản đối đã đành, mà các nghị sĩ khuynh tả của phe De Gaulle cũng chống lại biện pháp cấm đoán « phi lý » của bộ Thông tin.

Đại hội Điện ảnh Cannes lạ còn các cơ mời cuốn phim này tham dự nữa.

Tôn giáo và Chính trị

Fulbert Youlou nguyên là một tu sĩ da đen ở xứ Congo (Brazzaville). Ông đã rời nhiệm vụ điều dắt giáo dân để lãnh nhiệm vụ điều dắt nước nhà : tức là ông đã ra làm Thủ Tướng. Rồi ông lại bị đảo chánh, bắt buộc phải rời ghế thủ tướng ; lần này ông sang một địa hạt hoạt động khác : ông viết sách.

Tác phẩm của ông, do nhà La Table ronde xuất bản, có cái tên khiến người

ta nhớ đến bức thư ngõ lịch sử của Emile Zola : *J'accuse la Chine*.

Nguyên thủ tướng xứ Congo Brazzaville tố cáo Trung Cộng về tội tàn sát giáo dân ở Phi châu. Sử dụng những tài liệu phong phú và những điều tai nghe mắt thấy xác thực, rộng rãi, của một chính trị gia đã cầm quyền, F. Youlou chứng minh rằng đề bành trướng chủ nghĩa tại Phi Châu, Trung Cộng đã ra sức loại trừ một chướng ngại : Thiên Chúa giáo. Họ tổ chức giết các giáo sĩ da trắng, giáo sĩ da đen, rồi đến tín đồ Công giáo cũng như Tin lành. Riêng ở một xứ Congo của ông, số nạn nhân đã lên tới triệu người.

Trong các xứ đã tham chiến hồi cuộc Đại chiến vừa qua, đã có mấy lăm xứ mất tới triệu binh sĩ ? Thế cho nên Đại chiến thứ ba không cần phải xảy ra, nhân loại vẫn tìm được cách giết nhau rất đầy đủ, trong hòa bình.

«*J'accuse...*» Lời ông F. Youlou nghe có vẻ buộc tội hùng hồ ; nhưng thực ra đó là một lời kêu cứu bi thảm !

Nghệ thuật và Thương mại ở xứ người

Tim hiểu về các mối tương quan mật thiết giữa giới văn sĩ với giới xuất bản, ông Jean Prasteau đi tới kết luận : nhà văn với nhà xuất bản như... chó với mèo !

Sự ví von di nhiên không được nhà nhận, nhưng tài liệu của J. Prasteau đưa ra về hoạt động xuất bản ở Pháp lăm điều có lẽ cũng hay cho ta,

«Viện nghiên cứu về văn học và kỹ thuật văn nghệ đại chúng» của trường đại học Bordeaux sau nhiều năm tháng tìm tòi vừa cho biết rằng từ thuở xa xưa, khi máy in vừa ra đời, cho tới năm 1900, ở Pháp có chừng độ 100.000 tác giả viết ra chừng độ 500.000 tác phẩm. (Đó là chỉ kể những tác giả và tác phẩm mà viện nghiên cứu còn tìm lại được chút ít dấu tích). Trong chừng đó cố gắng, chỉ còn lại 937 tác giả và 5000 tác phẩm hiện thời còn được nhắc tới. Đấy, giới viết và in bị đào thải ghê gớm như vậy, thế mà lúc sinh thái hai bên lúc nào cũng chỉ lo hăn học với nhau.

Thực vậy, ở đời rất hiếm những ông văn sĩ bằng lòng về nhà xuất bản của mình, trái lại nhà xuất bản thì cũng chỉ tán dương những ông văn sĩ chết quá năm mươi năm, nghĩa là hạng văn sĩ mà các người thừa kế không còn được hưởng tác quyền nữa.

Đối với những tác phẩm đầu tay thì nhà xuất bản thường dùng biện pháp này : mời tác giả đến bảo rằng sách của ông giá trị lắm, tuy nhiên người đời mấy ai biết thưởng thức ? đứng về phương diện thưởng ngoạn chúng tôi hoan nghênh quá xá, nhưng đứng về phương diện thương mại chúng tôi... rất tiếc. Ấy thế là tác giả rụt rè đề nghị xin tự ý góp tiền với nhà xuất bản để tác phẩm ra đời. Trong số những văn sĩ nhiều thiện chí ấy, xin kể sơ sơ một tên : André Gide ! Gần đây các nhà xuất bản còn phát minh ra một biện pháp

nữa. Là hễ khi họ chịu in một tác phẩm đầu tay, tác giả phải ký giao kèo nhận chịu rằng bốn hay năm tác phẩm kế tiếp cũng phải đưa cho họ in, không được giao cho một nhà xuất bản nào khác. Kể nào đã phiêu lưu chịu mất vốn để thí nghiệm một tác giả trẻ, kẻ ấy phải có quyền hưởng kết quả sự thí nghiệm của mình. Nói vậy thì văn sĩ nào cho ra đời được một cuốn sách cũng sẽ đương nhiên có năm cuốn sách khác ra đời sao? Đâu có! Khoản giao kèo nợ chỉ là sự lo xa của nhà xuất bản, nếu cuốn đầu tiên bán không ra gì thì các bản thảo thứ hai, thứ ba tha hồ nằm mốc nằm meo trong ngăn kéo của họ chứ làm sao ra đời được!

Nhân nói tới bản thảo, cũng nên biết rằng mỗi nhà xuất bản lớn ở Pháp trung bình mỗi tháng nhận được 300 bản thảo. Trong số đó 280 bản bị xếp xó, còn lại độ 20 bản thảo được trao cho một ủy ban đọc kỹ để chọn lựa.

Nhà xuất bản làm tội làm tình nhà văn như thế. Còn nhà văn một khi tác phẩm được in xong, cũng làm khổ nhà xuất bản không ít. Có ông đi khắp xứ, xông vào các hiệu sách, hỏi:

— Xin ông chủ cho biết, có cuốn X... của ông Y... không?

Phải điều tra kỹ như thế vì lắm tác giả cứ ngỡ rằng nhà xuất bản... tìm sách của mình đi!

Có những ông nhà văn khác lại hạch nhà xuất bản về vấn đề quảng cáo: quảng cáo thế nào mấy ông cũng cho là kém, là thiếu. Và một nhân viên xuất

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được:

— **Miền Tây**, tuần báo ra ngày thứ Bảy, xuất bản tại Mỹ Tho. Chủ nhiệm: B.S. Trần Văn Tài, Chủ bút: Dương Trần Thảo, Tòa soạn: 36/1 Lê Đại Hành Mỹ Tho. Số ra mắt: đặc biệt về vấn đề chính trị tại VN. Mỗi số khổ 30 x 43 dày 12 trang, giá 5 đ.

— **Gió Nội**, cơ quan ngôn luận của sinh viên Phật tử VN tại Pháp, số 2 tháng 12-1965, đặc biệt kỷ niệm Nguyễn Du. Gió Nội chủ trương: phục vụ đại chúng, phát huy văn hóa dân tộc, do Nguyễn Thanh làm Chủ nhiệm và Cao Phi chủ bút. Tòa soạn: 55 rue Doudeauville Paris 18^e. Mỗi số khổ 21 x 27 in ronéo hai mặt, giá 0,05 F.

— **Tuổi xanh**, tuần san thiếu nhi, số 1 (14-4-66), tờ báo chuyên về giáo dục và giải trí thiếu nhi do một nhóm nhà văn, nhà giáo và huynh trưởng Hướng đạo chủ trương biên tập do Ô. Trần Quang Khai làm chủ nhiệm, Ô. Bảo Văn làm chủ bút, Tòa soạn đặt tại: 360 đường Nhật Tảo Cholon. Mỗi số khổ 15 x 22 dày 36 trang, có rất nhiều mục và chuyện bằng tranh. Giá 5 đ.

bản đã thú thực rằng hễ ông đang đọc một bài diễm sách nào đó mà nghe có ai gõ cửa là ông run lên, vội vàng nhét tờ báo vào học tủ. Ông rất lo sợ bị một tác giả bắt gặp ; bởi vì nếu tác giả thấy bài phê bình nọ không phải là phê bình sách của mình thì tác giả sẽ nổi giận kêu rằng nhà xuất bản chỉ lo cồ động những sách nhằm nhí mà bỏ rơi tác phẩm giá trị của ông ta. (Ông yên chí rằng báo chí họ phê bình là do sự vận động của nhà xuất bản).

Rồi lúc tính tiền nong với nhau cũng phiền phức nữa. Nhà xuất bản có cái lối cứ bán được năm trăm cuốn thì rao là một ngàn cuốn, để gây xúc động quảng cáo (lối ấy J. Prasteau cho rằng do nhà Grasset phát minh. Chúng ta không tin rằng các bạn đồng nghiệp ở Việt Nam lại thua nhà Grasset về sáng kiến). Đến khi tính tiền với tác giả thì số sách bán một nghìn lại chỉ còn có năm trăm. Đã thế lại lại còn cái mục « passe » nữa : « passe » là mục liệt kê số sách in hỏng, mất mát, bị các hiệu sách trả lại, sách thêm cho các hàng sách (lắm khi có thói mỗi chục thêm một cuốn) v.v...

Cứ thế cò kè bớt một thêm hai : cái cảnh diễn ra trong hậu trường văn nghệ giữa nhà văn với nhà xuất bản là cả một bi hài kịch.

Nghệ thuật và chính trị.

Một ông quốc trưởng ở Phi châu kiêm một văn sĩ có tài — Loéopold Cédar Senghor — vừa khai mạc tại Dakar

Đại hội quốc tế đầu tiên của nghệ thuật da đen, buổi khai mạc có mặt André malraux, đại diện chính phủ Pháp, đọc một bài diễn văn xuất sắc. Tham dự Đại hội có rất đông văn nghệ sĩ tài danh khắp năm châu.

Thi sĩ Aimé Césaire trình bày với giới trí thức trẻ da đen về diễn biến của phong trào văn học và triết học da đen từ những năm 1930 — 1940, phong trào do chính thi sĩ cùng với nhà văn L.C. Senghor (bây giờ là quốc trưởng Sénégal) tích cực cồ xúy. Aimé Césaire được cực lực hoan nghênh. Theo ông, phong trào này đã « đóng một vai tuồng quan trọng trong việc thức tỉnh thể giới da đen và Phi châu. Nó đã làm cho đối với người da trắng dân da đen đã thành ra một nhân vị thực sự chứ không phải là một điều khôi hài. Nó đã khiến cho giữa đôi bên khả dĩ có đối thoại... Số phận của nghệ thuật Phi châu không thể tách rời con người Phi châu, nếu nó dứt lìa khỏi truyền thống ngàn xưa của nó, nếu nó không tin rằng nó đem đến một sứ điệp riêng, thì nghệ thuật Phi châu sẽ hủy diệt. »

Nghệ thuật đen (art nègre) chưa ảnh hưởng bao nhiêu đến Châu Á, nhưng nó đã tung hoành ở Âu Mỹ thật dữ — trong đời sống cũng như trong văn nghệ. Sứ mệnh mà Césaire nói đây có lẽ là cái sứ mệnh của dân da đen phải khai hóa dân da trắng đó chằng ! Giới vẽ vời, nhảy nhót, đàn địch da

trắng vắn sẵn sàng làm một thứ học trò ngoan.

Nhưng dầu sao, dầu « vai tuồng thức tỉnh thế giới » của nghệ thuật da đen có to lớn tới đâu, ông Malraux lần này đến Dakar chắc chắn cũng không phải để đón rước bản thông điệp da đen đem về cho dân Pháp học hỏi. Sự hiện diện lớn vồn của văn nghệ sĩ Malraux gần đây khi ở Nam Mỹ, khi ở Phi châu, Á châu v.v... vẫn dường như có tính cách chính trị nhiều hơn là văn hóa.

Hội Văn Bút với chính trị.

Trước đây các nhà văn Nga vô hội COMES mà không chịu vô hội PEN. Nhà văn Nga vốn có lập trường rõ rệt mà hội PEN thì chủ trương chấp nhận mọi khuynh hướng chính trị. Mãi cách đây vài năm, tiếp theo chủ trương cởi mở rộng rãi của Khrouchtchev, người ta mới thấy các nhà văn Nga qua Pháp vận động để gia nhập PEN.

Thế rồi vụ án Siniavsky và Daniel xảy ra. Đích thân Tổng thư ký hội PEN đến Mạc tư khoa gặp Sourkov, Chủ tịch Hội các nhà văn Xô Viết đề thương lượng nhờ can thiệp xin ân xá cho hai tội phạm văn hóa. Sourkov một mực từ chối. Đã thế, tại Đại hội Đảng Cộng-Sản lần thứ 23 ở Mạc tư khoa vừa rồi Cholokov còn tiếc rằng Siniavsky và Danniell chưa bị án tử hình !

Tổng thư ký hội PEN kêu trời về thái độ của « các văn hữu Nga xô » trái

hắn với tinh thần bản hiến chương PEN, và đòi khai trừ các văn hữu này ra khỏi hội.

Trong khi đó thì Arthur Rebufat chẳng hạn than thở rằng con sông « Don êm đềm » ngờ đâu lại tải toàn những bùn lầy dơ bẩn.

Văn chương với súng đạn

Nói loanh quanh khắp đó đây mà không nói tới văn nghệ xứ mình thì hết sức phi lý. Bởi không có ở đâu mà xảy ra những chuyện quan trọng bằng trong giới văn nghệ xứ mình, lúc này. Cách nhau trên ba tháng, hai nhà văn bị ám sát, một tờ báo tiếng Việt bị đốt, một tờ báo tiếng Hoa bị ném lựu đạn. Tổng thư ký hội PEN có định bay qua Hà nội không nhỉ ? Nếu không, thì sự sốt sắng của ông thiên lệch rõ ràng đó.

Xưa nay, đề tặng bốc những người cầm bút một chút cho họ khoái tử, ai nấy cũng chỉ đến khen rằng họ « moi tim vắt óc » đem tư tưởng với cảm xúc ra phụng sự đồng bào. Bây giờ tới lúc giới cầm bút đi xa hơn, họ đem cả tính mạng, đem trọn tấm hình hài ra phụng sự, chứ không phải chỉ có tim với óc, cảm với tưởng.

Nợ núi sông phải trả đến hình hài.

Phê bình bản án Mạc tư khoa, L. Aragon cho rằng nhà cầm quyền Nga đã đem một khinh tội về tư tưởng biến ra một trọng tội, điều lầm lẫn ấy là một

tiền lệ nguy hại. Trường hợp xảy ra tại xứ ta hiện nay bắt quá cũng chỉ là một lần nữa. Chu Tử với Từ Chung dĩ nhiên có chống đối cộng sản, và cộng sản được quyền chống đối lại, tha hồ. Nhưng Chu Tử Từ Chung khện bên kia bằng quân bút, đáng lẽ bên kia cũng chỉ nên đập lại bằng bút (điều mà tất cả sách báo ngoài Bắc vẫn làm không ngớt), thì họ lại đập lại luôn cả bằng súng đạn. Như vậy họ vơ làm vũ khí rồi! Họ sử dụng làm phương tiện rồi! Sự lầm lẫn này cố nhiên là một tiền lệ còn nguy hại gấp mấy sự lầm lẫn trên. Ông Aragon, liệu ông có nên viết thêm một bức thư ngỗ nữa ?

Điều ngộ nghĩnh là lâu nay cộng sản vốn không thích kẻ khác chống lại mình bằng thứ vũ khí khác của mình, nghĩa là họ chán ghét cái lối lầm lẫn về phương tiện. Chẳng hạn khi Mỹ dùng bộ tkhai quang, họ tố cáo rùm beng, khi Mỹ dùng hơi cay, họ cũng la ó vang trời. Thế mà về phần họ họ tự cho phép mọi thứ tự do.

Văn hóa và thương mại ở xứ mình

Tổng kết tình hình xuất bản năm 1965 trên tạp san TIN SÁCH, ông Nguyễn Hiến Lê bi quan. Trong khi ấy ở Sài-gòn có hai chủ trương xuất bản đáng lưu ý, vì rất độc đáo. Một là của tạp chí VĂN : in nhiều, bán rẻ. Một

nữa là của Nam chi tùng thư : in đẹp, bán đắt.

Hai việc làm thoạt xem có vẻ trái ngược nhau, mà hình như cùng có ý nghĩa một sự hy sinh như nhau. Về loại sách 20đ. của VĂN, trước đây Bách Khoa đã có dịp nói đến rồi. Cho đến nay loại này vẫn ra đều đều hàng tháng.

Còn Nam Chi tùng thư hoạt động từ lâu, gần đây lại tiếp tục ấn hành những cuốn biên khảo dày cộm : *Văn minh Việt Nam* của Lê văn Siêu, *Nếp cũ* của Toan Ánh v.v.

Tác phẩm của Lê văn Siêu và của Toan Ánh đều hứa hẹn những cuốn kế tiếp. Riêng về phần ông Toan Ánh, nếu sau cuốn biên khảo về « con người Việt Nam » này mà ông còn cho ra tiếp được các cuốn về « Tôn giáo Việt Nam », « Phong tục tập quán Việt Nam » v.v... thì bộ sách đồ sộ đến trên vài nghìn trang. Đây là bộ sách công phu hơn hết của một tác giả vẫn chăm chú phát huy nếp sống cổ truyền của dân tộc.

Viết công phu, in công phu, những pho sách hữu ích mà phổ biến hạn hẹp không được bao nhiêu người mua, cả tác giả lẫn nhà xuất bản đều tỏ ra có một thiện chí quý báu.

« *Những chiều thứ năm của Đại học Văn Khoa* » và một chiều thứ năm với :

Bốn Mươi tuổi trăm tư truyện Tấm Cám

Với ông khoa trưởng Nguyễn Khắc Hoạch, những hoạt động Văn hóa của phân khoa... Văn khoa bỗng có phần sôi nổi và hào hứng, tưởng nên ghi một điểm son cho ông khoa trưởng... có kế hoạch này.

Và từ niên khóa 1965-66, trường Đại học Văn khoa Saigon đã thường xuyên tổ chức những buổi diễn thuyết trong khuôn khổ một chương trình được gọi là « *Những chiều thứ năm của Đại học Văn khoa* » (1)

Và mới đây, ngày 24-3-66, chính ông khoa trưởng đã trình bày đề tài : *Bốn mươi tuổi trăm tư truyện Tấm Cám*,

Trong suốt hai tiếng đồng hồ ông đã đưa thính giả qua bao nhiêu thời gian và bao nhiêu giả-thuyết.

Ông đã tỉ mỉ tìm hiểu ý nghĩa truyện cổ tích này — mà có lần một độc giả Bách Khoa ở trong tù Côn đảo cho là truyện ngắn Việt hay nhất, trong một cuộc phỏng vấn về truyện ngắn hay, năm 1959 — về phương diện đạo đức, tâm lí, triết lí, tôn giáo, nhân văn học. Ông cũng nói đến — và nói kĩ càng — những giả thuyết xưa nay về nguồn gốc cùng những thuyết mới đây với những tương quan truyện Tấm Cám đối với

dã sử Việt. Cốt truyện Tấm Cám, hẳn các bạn chẳng còn lạ gì, nhưng diễn giả đã nhấn mạnh đặc biệt ở một vài biến cố và hoàn cảnh «cổ điển» của nó như :

— sự xuất hiện của Bụt,

— chiếc hài kì diệu,

— giai nhân, trái thị và bà lão bán nước.

(1) Những đề tài đã được trình bày tại «*Chiều Thứ Năm Đại Học Văn Khoa*» gồm có:

— 16-12-1965, ông **Nghiêm Toàn**, trưởng ban Hán văn : **Kim Kiều tái hợp hay sự phục hồi danh dự của Thúy Kiều.**

— 13-1-1966, ông Nguyễn Văn Trung, **Ngôn ngữ và thân xác.**

— 3-2-1966, ông A Bardos, M.A, phái bộ Văn Hóa Mĩ : **Culture and Democracy**

— 10-2-1966 Linh mục Thanh Lãng : **Việt Nam và vấn đề Quốc học trên quá trình xây dựng.**

— 24-2-1966, Thượng Tọa **Thiên-Ân Đoàn Văn An** : **Thiền học Thi ca và Nhật bản**

— 3-3-1966, ông M. Robin, cố vấn Văn hóa Pháp : **Un grand libéral du 19^e siècle: Tocqueville.**

— 10-3-66, ông Bùi Xuân Đào, **Phong trào siêu thực, tư tưởng và nghệ thuật thế kỷ XX.**

— 14-4-66, bà Quách Thanh Tâm, trưởng ban Địa lí : **Thiên nhiên và nhân Văn vùng duyên hải Phan Thiết, Phan Rang.**

— 20-4-66, ông Nguyễn Khắc Kham : **Về hai bài thơ xướng họa giữa Nguyễn Trãi và Thị Lộ.**

Rồi diễn giả so sánh Tấm Cám với Lọ-Lem của phương Tây.

Khi tìm ý nghĩa của chuyện, ông Hoạch nghiên cứu ý nghĩa đạo đức và tâm lí (truyện rắn đời, ở ác gặp ác, ở hiền gặp lành, dục vọng của con người và sự trừng phạt), ý nghĩa tôn giáo và triết lí (ý niệm luân hồi và diệt dục, truyện đề truyền bá giáo lí nhà Phật), ý nghĩa nhân văn học (phong cảnh và yếu tố văn hóa Nam-Á: văn minh thảo mộc: cây lúa, tấm cám, trầu cau, nước mắt).

Đến nguồn gốc và địa bàn biến thiên của truyện Tấm Cám, diễn giả nhấn mạnh ở ý nghĩa lịch sử của truyện quốc tế mang nhiều hình thái này: nào là thuyết Lâm-Ngữ-Đường: truyện do từ miền Lĩnh-Nam đưa sang Trung Hoa, rồi có lẽ từ đó truyền bá sang Âu Châu. Ông Phạm long Điền, trong tuần báo Hòa đồng, dựa vào đó nói là truyện gốc ở Việt Nam và liên quan đến sự

tích Triệu Đà (?). Ông cũng kể qua những khó khăn mà thuyết này vấp phải.

Tiếp đến thuyết cho rằng truyện gốc Ấn-độ truyền qua các nước Ấn-độ-hóa (Chiêm Thành chẳng hạn: chi tiết chiếc hài vàng), rồi sang Việt Nam. Ông cũng so sánh Tấm Cám của ta với Tấm Cám của Chiêm Thành.

Truyện thuyết lưu hành vùng châu thổ sông Hồng và đã sử Việt được đề cập: Ý-Lan phu nhân và cuộc Nam chinh của Lý-thái-Tôn, di tích thờ Tấm Cám ở Bắc Ninh.

Và diễn giả kết luận với câu hỏi:

Phải chăng truyện Tấm Cám đã do các nước Ấn-độ-hóa du nhập nước Việt ta và đã lẫn lộn với truyện kì nữ Ý-Lan, và do sự phối hợp các yếu tố quốc gia và quốc tế mà chúng ta đã có một truyện cổ tích thuần túy trong tâm trí và tưởng tượng Việt Nam?

Trách nhiệm nhà văn

Đây là lần thứ hai mà nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh ra mắt công chúng Sài-Thành (1) Đề tài đầy đủ là:

« Góp ý kiến với nhà văn về Trách nhiệm nhà văn ».

Thoạt tiên diễn giả nhận rằng mình không đủ thẩm quyền đề «trị» một đề tài lớn lao và nhiều khê như cái tí đã nêu, mà chỉ xin « lếu lếu » góp những ý kiến của mình đề may ra được nhiều bậc

đàn anh đàn chị phụ họa, thì hay lắm.

Trong phần « đưa duyên », cô có cho biết một tình trạng sách báo ở nước nhà làm cô vui thích nhất lúc cô mới về đây — chốc đã hơn hai năm lẻ.. — đó là «thấy rất có nhiều sách báo, so với

(1) Cũng do Trung tâm Văn Bút Việt Nam tổ chức, cũng tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, 112 đường Nguyễn - Du, Sài-Gòn, ngày Chủ Nhật 3-4-1966 úc 10 giờ.



Minh Đức

ngày xưa, tìm mãi chẳng có lấy một tờ tạp chí nào thuần túy văn nghệ để lấy làm chỗ gởi gắm tâm tư của mình, một cái ngõ để giải tỏa những tình cảm vui buồn mừng giận v.v... Có người phàn nàn về sự báo chí ra quá nhiều, nhưng cái gì cũng có hai mặt. Nhiều sách báo chứng tỏ rằng độc giả đòi hỏi nhiều, quần chúng cần thiết đến món ăn tinh thần đó, cũng cần như cần cái... chợ Bến Thành ! »

Rồi cô nhắc đến câu trả lời của các nhà văn khi phải đáp lại những câu phỏng vấn : « Tại sao viết ? Lấy đề tài ở đâu ? Viết cho ai ? Cho bây giờ hay cho mai sau v.v... để đi lần đến chỗ nhắc khéo qua sự lệ thuộc của nhà văn ở bên kia giới tuyến, vì họ thì vẫn khôn ngoan và máy móc trả lời : « Đề tài lấy

ở đại chúng, viết cho đại chúng chớ cho ai », và luôn khờ sở vì câu hỏi mà họ phải tự đặt ra cho họ, là : « Hiện đại chúng có hiểu, có chấp thuận ? Nếu đại chúng không chấp thuận đề tài không theo đường lối đã vạch sẵn, thì coi chừng con roi phê bình ! »

May thay, ở thế giới tự do của ta, thì khác.

Diễn giả vui vẻ và duyên dáng kể đôi câu chuyện rất sống của mình, của bạn bè, của người quen biết mà « thử vạch sơ sơ (...) những điều mà » người nói chuyện « xin tạm gán cho nó là đường lối và bản phận của mỗi nhà văn phải làm :

1 — Nhà văn (kể cả nhà thơ, nhà soạn kịch) phải làm sao để bảo vệ những phong tục thuần túy của quê hương đất nước,

2 — Phải làm sao mang lại cho độc giả những món ăn bồi bổ tinh thần.

3 — Phải làm sao hướng dẫn độc giả, dọn đường cho độc giả chuẩn bị tinh thần để tiến tới cái xã hội sắp đến.»

Khía cạnh chiến tranh mà đất nước nhà đành cam chịu trong hai mươi năm trời đặng đặc mà nhà văn Việt mình dường như chưa mấy ai khai thác đến nơi như các nhà văn Âu Mỹ và Do Thái khai thác hai trận thế chiến vừa qua, cùng sự cần thiết nâng đỡ, đoàn kết giữa người cầm bút là hai phần nhỏ mà cô Hoài Trinh Minh Đức đề cập đến, tuy nhẹ nhàng mà lại thiết tha đề kết thúc cuộc nói chuyện văn chương này.

Sánh với lần trước, câu chuyện lần này thiết thực, bổ ích, có thời gian tinh hơn, nhưng số thỉnh giả lại bằng có phân nửa. Khiến có người tự hỏi : « Phải chăng vì cái thừa ban đầu lưu luyến ấy nó đã... » « già » đến hai năm trời

rồi ? Nhưng câu trả lời gần sự thật nhất là : « Chính trị và Quân sự đang thời cực kì sôi nổi. Người ta thích xuống đường hơn là vào ngồi một chỗ để nghe ».

NGÊ-BÁ-LÍ

Ký giả, nhà văn Chu Tử bị ám sát...

Sáng 16-4-1966, hồi 7 giờ, trên đường Trương-tấn-Bửu (Gia-Định), nhà văn Chu-Tử, chủ nhiệm nhật báo Sống, đã bị ám sát bằng 4 phát súng, trong khi anh đang ngồi trên xe hơi rời nhà lên tòa báo. Anh được đưa ngay tới bệnh viện Cơ Đốc để cứu cấp, nhưng trước khi hôn mê anh còn viết được : « Tôi không biết có sống thoát không nhưng tôi tự hào đã làm đầy đủ nhiệm vụ một chiến sĩ bằng ngòi bút — Chu văn Bình ».

Vụ ám sát nhà văn, ký giả Chu Tử, sau vụ hạ sát ký giả Từ Chung 3 tháng trước, đã gây một luồng dư luận phần nộ trong và ngoài nước đối với bọn bạo hành. Ngay hôm xảy ra vụ khủng bố trên đây (16-4-1966) đã lập tức có những quyết nghị dồn dập, lên án bọn sát nhân, của một số luật sư ở Saigon, của các giáo sư trường Đại học Luật khoa Saigon, của Hiệp hội Báo chí Sinh viên Saigon, của Tổng hội sinh viên Saigon, Tổng hội Sinh viên Đalat, Lực lượng Sinh viên Công giáo, của nhóm nhà văn chủ trương tạp chí Tiếng Nói...

Đặc biệt là hai hôm sau, ba tổ chức báo chí V.N. là Hội đồng báo chí, Hội

chủ báo VN và Nghiệp đoàn ký giả Nam Việt, trong phiên họp chung bất thường ngày 18-4-1966 đã quyết định toàn thể báo chí Saigon ngưng ra báo ngày 22-4-1966 để phản đối hành động ám hại nhà văn Chu Tử và nêu cao tinh thần tranh đấu chung cho tự do dân chủ.

Quyết nghị của Hội chủ báo V.N. nhận định rằng : « Báo chí bấy lâu nay, một mặt bị bạo lực khủng bố, mặt khác bị chính quyền kiểm chế bằng cách kiểm duyệt khắt khe » và « lên án hành động bạo ngược, man mọi của bọn chủ trương khủng bố ký giả ». Quyết nghị của nghiệp đoàn ký giả Nam Việt « cực lực phản đối hành động ám sát một cách hèn nhát ký giả Chu Tử cùng những hành động bạo lực gần đây nhằm vào những người chỉ có ngòi bút để tranh đấu và tự vệ » và yêu cầu chánh phủ khẩn cấp ban hành tự do ngôn luận, tự do báo chí... Thông cáo chung của 3 tổ chức báo chí V.N. « quyết liệt phản đối mọi hành động khủng bố báo chí, ký giả và mọi hình thức kiểm chế tự do ngôn luận, tự do báo chí »...

Thái độ và hành động đoàn kết và nhất trí trên đây của làng báo VN chống

bạo lực, chống bóp nghẹt ngôn luận — đáng lẽ phải có ngay từ khi xảy ra vụ ám hại Từ Chung — đem lại niềm phấn khởi cho tất cả các người cầm bút. Nhà văn Chu Tử, vốn tạng người gầy yếu, lại bị mổ mấy lần, có phen suýt nguy đến tính mạng, nhưng nhờ nghị lực phi thường, anh vẫn thoát được các bước hiểm nghèo và lần này anh lại qua khỏi được làm cho tất cả các bạn thân sơ, các độc giả nhật báo và văn phẩm của anh đều vui mừng vô hạn. Hiện anh đang lấy lại sức khoẻ rất mau chóng: loạt bài hồi ký « Mặt nhìn mặt kẻ sát nhân » của anh đã xuất hiện trên

báo Sống từ số ra ngày 25-4-66, hơn 1 tuần sau ngày Anh còn phải thở bằng ống dưỡng khí. Anh đã lên tiếng trong mục phỏng vấn của Tuần báo Nghệ thuật trên Đài phát thanh Saigon hồi 10g30 tối 27-4-66. Toàn thể anh em trong ban biên tập tạp chí Bách khoa Thời đại chân thành chúc anh mau chánh bình phục để tiếp tục « nhiệm vụ một chiến sĩ bằng ngòi bút ». Và dù anh cho rằng 2 chữ « chiến sĩ » mà anh viết ra trong lúc gần đất xa trời là hơi sáo, nhưng anh quả thực xứng đáng là một « chiến sĩ ».

THẾ NHÂN

Nỗi cô đơn của người cầm bút



Diễn giả Duyên Anh

«Bây tiếng này nghe thơ mộng như tên một cái truyện ngắn tình cảm. Nó quyến rũ và dễ nói vô cùng đối với các bậc đàn anh của tôi hiện có mặt ở đây như quý anh Tô Văn, Phạm Việt Tuyền, Trường Sơn, Ngu Í, Thái Linh, Nguyễn Kiên Giang. Nhưng với tôi, với một ký giả chưa đầy ba tuổi làng, đề diễn tả

được một chút cô đơn của tôi, của bạn bè tôi, tôi đã phải cố gắng trên sức cố gắng của tôi».

Đoạn mở đầu duyên dáng trên đây đã chinh phục ngay số đông đảo thính giả chật ních thính đường trường Quốc gia Âm nhạc và kịch nghệ Sài-Gòn, lúc 10 giờ sáng, chủ nhật 24-4-1966. Và trong suốt một tiếng đồng hồ nói chuyện, ông Duyên Anh, một nhà văn trẻ, một cây bút rường cột của nhật báo « Sống » đã làm người nghe không còn nhớ đến vụ « xuống đường » của một số đồng bào Thiên Chúa giáo sáng hôm đó... Vì đề tài đã gọi tò mò, mà diễn giả nói khá hấp dẫn, với giọng và dáng điệu rất trẻ của người có nhiều « búp bê » mến thương và ủng hộ.

Tuy mới lên ba tuổi làng, nhưng sống ba năm từ ngày chế độ độc tài gia

đình trị họ Ngô Đình bị lật đổ tới nay, người cầm viết — theo điển giả — đã sống 20 năm. Và sống ba năm trong cái thời gian mà anh cho là «khốn nạn, bi đát, náo nùng, phản bội, đổ kị, bôi tro trát bùn vào mặt nhau, công khai ăn cắp, công khai nhận mình là lãnh tụ, anh hùng, vu khống xuyên tạc bỉ ổi», người thanh niên thấy mình lớn hơn, khôn ra, người kí giả mới vào nghề vớ được đôi hia bầy dậm.

Ông nói: «Tôi đã lớn lên, khôn ra, già nua, đã sống hai mươi năm trong ba năm tủi nhục đó. Và tôi thấy cô đơn vô cùng» Rồi ông nhắc đến cái chết bi thảm của Từ Chung ngã gục như một chiến sĩ, đề «nỗi cô đơn lại cho chúng tôi». Và người cô đơn thứ nhất sau cái chết... «bị bắn sau lưng» của Từ-Chung là Chu Tử, cũng bị bắn sau lưng, nhưng không chết.

Chánh quyền sau vụ mưu sát Chu Tử có ý định... phát súng lục cho các nhà cầm bút, nhưng anh em trong làng chắc là không ai chịu nhận cái khí giới tự vệ này. (Một tràng pháo tay lớn và dài chấm câu đoạn này, không biết đó là tỏ ý tán thành thái độ khước từ của giới cầm bút hay hoan nghênh nhã ý của nhà cầm quyền). Điển giả nhận xét « ở cái đất nước này, ngoài Cộng-sản, chúng ta còn vô số kẻ thù đáng ngại như Cộng-sản. Chúng nó muốn giết ai, người đó phải chết. Nhà văn, nhà báo, chúng coi ra gì với súng đạn và tài bắn lén của chúng. »

Rồi, phân tích nỗi cô đơn của kẻ cầm bút, ông thấy nó có hai phần: phần thể chất và phần tinh thần, và cả hai đều có

bốn trường hợp mà ông lần lượt xét đến.

Những cái oái ăm, mảnh khoé, buồn tủi trong nghề kí-giả ở nước ta hiện nay được ông nói đến một cách, khi thì ranh mãnh, lúc lại xót chua.

Một bên, phải làm vừa lòng độc giả lúc nào cũng đòi cho được sự thật, một bên phải làm đẹp lòng chính quyền cho rằng nhiều khi sự thật nói ra không có lợi, người kí-giả quả là ở vào cái cảnh nào nẽ trên đe dưới búa.

Điển giả không giấu được nỗi buồn khi phải so sánh với kí giả ngoại quốc, nhất là ở Âu, Mi. Họ được tự do khen, chê Chánh phủ, có khi lấy cả giọng thầy mà khen nữa chớ. Họ được đòi dào phương tiện để thầu tin, để lượm tin, để mua tin. Còn hoàn cảnh nước ta, nhìn vào số nhơn viên tòa soạn, nó ít ỏi làm sao, và phải ôm đồm một công ba, bốn việc. Nỗi cô đơn được kể càng thêm đơn côi. Song « chúng ta nghèo nên chúng ta không học được đến nơi đến chốn. Nhưng chẳng vì thế mà chúng ta quá đề cao thiên hạ, khinh rẻ kí giả nước nhà ». Ông nói :

« Nỗi cô đơn tinh thần, tôi còn muốn tâm sự với quý vị và quý bạn là bị độc giả hiểu lầm mình ». Ông nêu lên trường hợp Chu Tử và tờ báo *Sống*.

« Một nỗi cô đơn nữa của người cầm bút thuộc về kĩ thuật. Nghề gì cũng có bạn, duy nghề viết lách chỉ có bạn chơi. Khi cầm bút là viết một mình ».

Nói thế, song « nỗi cô đơn làm buồn, nhưng làm lớn con người. Cô đơn

trước thực tế, trước lương tâm chức nghiệp, trước thù và bạn, người cầm bút có một mình, suy tư chọn lựa, và kiên trì, cố gắng.»

Sau phần thuyết trình, đến phần thảo luận diễn giả xin mời một bức đàn anh có mặt lên chủ tọa giùm. Đó là Ô. Phạm Việt-Tuyền, chủ nhiệm nhật báo Tự do, chủ tịch Hội đồng Báo chí, tổng thư ký hội Văn Bút Việt-Nam Ông Tuyền đã tỏ ra khéo léo trong việc điều khiển cuộc thảo luận rất hào hứng và sôi nổi này, mặc dầu ông tự cho mình là người chủ tọa bất đắc dĩ.

Một bạn đồng nghiệp của diễn giả được mời lên đề giới thiệu diễn giả: tuổi tác, tác phẩm, những báo đã cộng tác, những nghề đã làm, từ nghề giữ xe đạp đến nghề giáo sư tư thực...

Sau đó, ông Tân-Hiến lên nói cái cô đơn tương đối của nhà văn, cùng nỗi cô đơn tuyệt đối được dồn vào sự kiêu hãnh làm cho kẻ cầm bút « lớn » hơn. Rồi ông ngâm nga mấy đoạn thơ nói lên điều ấy, thơ của Hồ Dzếnh và của Vũ-hoàng-Chương.

Ký giả Tô Văn (cũng trong ban biên tập Sống) đăng đàn và có ý kiến phủ nhận sự cô đơn của người viết vì theo ông, người cầm bút không cô đơn hoặc có cũng chỉ là hình thức. Ông nêu ra trường hợp của Từ Chung, Chu Tử, đã được « bốn phương độc giả » tới thăm hoặc gửi lời han hỏi. Sự cô đơn theo ông do những bạo quyền đặt ra để bắt buộc dư luận phải theo một chiều, mà ông tin chắc rằng một ngày kia sẽ không còn tồn tại trên giải đất này nữa.

Cũng lên góp ý, có cả bạn làm báo từ ngoại quốc trở về (tại Cao Mên). Phần sau của cuộc thảo luận hướng về « chất vấn » diễn giả về mục Búp Bê mà ông chủ trương trong nhật báo Sống, và luận về sự lợi hại của mục đó. Kẻ bình người chống sôi nổi, đã vượt ra ngoài đề tài cô đơn, nên Ô. Phạm Việt Tuyền, « phát ngôn viên miễn cưỡng » đã cho xin ngưng buổi nói chuyện sau khi chính ông cũng trình bày vài « nguồn cơn » của chính mình trong quãng đời hành nghiệp.

NGÊ-BÁ-LÍ

TRIỀN LÂM TRANH THÁI TUẤN

Họa sĩ Thái Tuấn khai mạc phòng tranh của ông tại trụ sở Pháp văn Đồng-minh-hội, 24 Gia Long Saigon, vào hồi 18 giờ 30 ngày 28-4-1966, với 21 họa phẩm được trưng bày.

Phòng triển lãm sẽ mở cửa đến ngày 8-5-1966.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, chúng tôi phải tạm gác lại một kỳ bài « Hôn nhân dị chủng ». Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

K.D số 982 / BTCL / ngày 29-4-66

Sáng Lập : HUỖNH-VĂN-LANG. Chủ Nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU